

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HCM**

Số: 1031/ĐHL-ĐBCL
V/v: Thực hiện báo cáo công khai
năm học 2018-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2019

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Vụ Kế hoạch – Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Trường Đại học Luật TP.HCM báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện công tác công khai năm học 2018-2019 như sau:

1. Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường ĐH Luật Tp.HCM, năm học 2018-2019 (**Biểu mẫu 17**, gồm: Biểu mẫu 17a-Hệ đào tạo sau đại học, Biểu mẫu 17b-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Luật, Biểu mẫu 17c-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Thương mại quốc tế, Biểu mẫu 17d-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Quản trị - Luật, Biểu mẫu 17e-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Quản trị kinh doanh, Biểu mẫu 17f-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Ngôn ngữ Anh).

2. Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Trường ĐH Luật Tp.HCM, năm học 2018-2019 (**Biểu mẫu 18**, gồm: A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại; B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm; C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành; D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn; E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp; G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp; H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức; I. Công khai thông tin về các hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn; K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục).

3. Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường ĐH Luật Tp.HCM, năm học 2018-2019 (**Biểu mẫu 19**, gồm: A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng, B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu, C. Công

khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu, D. Điện tích đất/sinh viên; điện tích sàn/sinh viên).

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường ĐH Luật Tp.HCM, năm học 2018-2019 (**Biểu mẫu 20**, gồm: A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu, B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành, C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi).

4. Công khai tài chính của Trường ĐH Luật Tp.HCM năm học 2018-2019 (**Biểu mẫu 21**).

Những vấn đề công khai ở trên đã được Trường Đại học Luật TP.HCM công bố rộng rãi trên website của trường và thông tin đến tất cả cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Trường Đại học Luật TP.HCM đảm bảo các thông tin công khai được đăng tải trên Website của Trường cũng như Bản tổng hợp các thông tin công khai của trường Đại học Luật TP.HCM (được gửi kèm theo công văn này và bằng file mềm được gửi qua email theo yêu cầu) là chính xác, đúng thực trạng của nhà trường.

Các vấn đề liên quan đến công khai chất lượng giáo dục của Nhà trường xin vui lòng liên hệ với bà Nguyễn Thị Thu Thủy - chuyên viên phụ trách của Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Phương pháp giảng dạy thuộc Trường Đại học Luật Tp.HCM, số điện thoại: 08.39400989-175; 0963.710.710. Email: nttthuy@hcmulaw.edu.vn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công bố trên website;
- Lưu: VT, ĐBCL

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Trần Hoàng Hải

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Công văn 1031/ĐHL-ĐBCL ngày 15/11/2019

về việc thực hiện báo cáo công khai năm học 2018-2019)

MỤC LỤC

Biểu mẫu 17a-Hệ đào tạo sau đại học	2
Biểu mẫu 17b-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Luật	7
Biểu mẫu 17c-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Thương mại quốc tế	17
Biểu mẫu 17d-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Quản trị - Luật.....	21
Biểu mẫu 17e-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Quản trị kinh doanh.....	26
Biểu mẫu 17f-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Ngôn ngữ Anh	30
Biểu mẫu 18	36
A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại	36
B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm ..	36
C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành	37
D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn	37
E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp	38
G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp.....	95
H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức.....	96
I. Công khai thông tin về các hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn.....	99
K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục	103
Biểu mẫu 19	104
A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng.....	104
B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu.....	104
C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu	105
D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên	105
Biểu mẫu 20_Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Luật Tp.HCM, năm học 2018-2019	106
A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu.....	106
B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành .	107
C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi	116
Biểu mẫu 21_Công khai tài chính của Trường Đại học Luật Tp.HCM năm học 2018-2019	117

Biểu mẫu 17a-Hệ đào tạo sau đại học

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo hệ sau đại học
của Trường Đại học Luật Tp.HCM năm học 2018-2019

1. Trình độ tiến sĩ

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo Tiến sĩ
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>Người dự tuyển đào tạo trình độ Tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none">Điều kiện về văn bằng và bài báo:<ol style="list-style-type: none">Có bằng tốt nghiệp ĐH loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ ngành luật.Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển. (xem danh mục Tạp chí khoa học ngành Luật tại Phụ lục II của Thông báo tuyển sinh).Điều kiện về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác: Không.Điều kiện về ngoại ngữ:<ol style="list-style-type: none">Đối với người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:<ol style="list-style-type: none">Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (xem Phụ lục III của Thông báo tuyển sinh) theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).Đối với người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo Tiến sĩ
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Mục tiêu kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực khoa học; - Kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực của chuyên ngành ĐT. - Kiến thức về tổ chức NCKH và phát triển công nghệ mới. - Kiến thức về quản trị tổ chức. <p>2. Mục tiêu kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển. - Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn - Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo. - Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển. - Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu và phổ biến các kết quả nghiên cứu. <p>3. Mục tiêu về thái độ thể hiện qua mức tự chủ và chịu trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới. - Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau. - Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác. - Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia. - Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới. <p>4. Về trình độ ngoại ngữ: Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.</p>
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<p>1. Chương trình đào tạo ở trình độ tiến sĩ có khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học, không qua đào tạo thạc sĩ.</p> <p>2. Chương trình đào tạo ở trình độ tiến sĩ bao gồm:</p> <p>a) Các học phần bổ sung:</p> <p>Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu nhưng khác chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, phải học bổ sung các học phần bắt buộc và tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành ở chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu của chuyên ngành tương ứng với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.</p> <p>Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ theo định hướng ứng dụng đúng chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, phải học bổ sung một hoặc một số học phần ở chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng</p>

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo Tiến sĩ
		<p> nghiên cứu của chuyên ngành tương ứng với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, nhằm bổ sung kiến thức, kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học cho nghiên cứu sinh.</p> <p> Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ theo định hướng ứng dụng nhưng khác chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, ngoài việc phải học bổ sung học phần nêu ở đoạn trên, nghiên cứu sinh còn phải học bổ sung các học phần bắt buộc và tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành ở chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng của chuyên ngành tương ứng với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.</p> <p> Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ, phải học bổ sung toàn bộ các học phần bắt buộc và tự chọn của chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu thuộc chuyên ngành tương ứng với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, trừ học phần ngoại ngữ và luận văn thạc sĩ.</p> <p> Hiệu trưởng xem xét, quyết định các học phần bổ sung và tổng số tín chỉ của các học phần bổ sung đối với từng trường hợp cụ thể thuộc một trong các đối tượng phải học bổ sung kiến thức trên cơ sở căn cứ vào bảng điểm học phần ở bậc đại học và bậc thạc sĩ do các cơ sở đào tạo đã cấp cho nghiên cứu sinh.</p> <p> b) Các học phần bắt buộc và tự chọn ở trình độ tiến sĩ: Các học phần bắt buộc bao gồm: Tiểu luận tổng quan (có khối lượng 04 tín chỉ); 03 chuyên đề tiến sĩ (mỗi chuyên đề tiến sĩ có khối lượng 02 tín chỉ); học phần trang bị kỹ năng và phương pháp nghiên cứu luật học (có khối lượng 02 tín chỉ).</p> <p> Các học phần tự chọn có nội dung gắn với đề tài nghiên cứu của luận án có tổng khối lượng từ 02 đến 08 tín chỉ.</p> <p> c) Luận án tiến sĩ: Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.</p> <p> 3. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ phải được rà soát và chỉnh sửa, cập nhật ít nhất 3 năm một lần. Việc rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định pháp luật và quyết định của Hiệu trưởng.</p>
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Có thể theo học các chương trình sau tiến sĩ
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các cơ sở có đào tạo luật, các viện nghiên cứu chính sách pháp luật. 2. Bộ phận pháp chế hoặc chính sách trong các cơ quan hành chính sự nghiệp 3. Các cơ quan trong khối ngành tư pháp 4. Các công ty luật, văn phòng luật sư hoặc luật sư

2. Trình độ Thạc sĩ

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo Thạc sĩ
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>Người dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân Việt Nam và phải có các điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Về văn bằng: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành luật <ol style="list-style-type: none"> a) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành. b) Những thí sinh tốt nghiệp của các hình thức đào tạo tự học có hướng dẫn không được dự thi. 2. Về thâm niên công tác chuyên môn: <ol style="list-style-type: none"> a) Điều kiện về thâm niên công tác không áp dụng đối với thí sinh dự thi vào trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu. b) Thí sinh hệ chính quy sau khi tốt nghiệp cử nhân Luật 3 năm, thí sinh hệ vừa học vừa làm sau khi tốt nghiệp cử nhân Luật 2 năm mới được đăng ký dự thi vào trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng. 3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận. 4. Có đủ sức khoẻ để học tập. 5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mục tiêu kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo. - Kiến thức liên ngành có liên quan. - Kiến thức chung về quản trị và quản lý. 2. Mục tiêu kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học; - Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác. - Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến. - Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp. 3. Mục tiêu về thái độ thể hiện qua mức tự chủ và chịu trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng. - Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. - Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn. - Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn. 4. Về trình độ ngoại ngữ: Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể

		viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<p>Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ được xây dựng theo định hướng nghiên cứu và/hoặc theo định hướng ứng dụng.</p> <p>1. Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu tối thiểu 60 tín chỉ nhằm cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành, chuyên ngành và phương pháp NCKH phù hợp để có thể độc lập nghiên cứu, phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, bước đầu có thể hình thành ý tưởng khoa học, phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới; có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.</p> <p>2. Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng tối thiểu 45 tín chỉ giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.</p>
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<p>1. Đối với thạc sĩ nghiên cứu có thể tiếp tục theo học trình độ tiến sĩ tương ứng với ngành tốt nghiệp thạc sĩ.</p> <p>2. Đối với thạc sĩ ứng dụng và thạc sĩ nghiên cứu khác ngành đào tạo để có thể tiếp tục theo học trình độ tiến sĩ sẽ phải học bổ sung một số tín chỉ theo quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ.</p>
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<p>1. Các cơ sở có đào tạo luật, các viện nghiên cứu chính sách pháp luật.</p> <p>2. Bộ phận pháp chế hoặc chính sách trong các cơ quan hành chính sự nghiệp</p> <p>3. Các cơ quan trong khối ngành tư pháp</p> <p>4. Các công ty luật, văn phòng luật sư hoặc luật sư</p>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
LUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH

Trần Hoàng Hải

Biểu mẫu 17b-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Luật

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM**

THÔNG BÁO

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường Đại học Luật Tp.HCM năm học
2018-2019, ngành: Luật, chính quy và văn bằng 2 chính quy**

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo	
		Đại học Chính quy	Đại học Văn bằng 2 chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Vùng tuyển: Trong cả nước - Tổ hợp môn xét tuyển: A₀₀, A₀₁, C₀₀, D₀₁, 03, 06; - Điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh, ngày thi, môn thi, điểm trúng tuyển: Thực hiện theo Quy chế Tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy, ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017; đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01/3/2018 và Thông tư 02/2019/TT-BGDĐT ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh riêng của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vùng tuyển: Trong cả nước. - Điều kiện: Đã có bằng đại học hệ chính quy. - Điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh, ngày thi, môn thi, điểm trúng tuyển: Theo Kế hoạch và Quy định của Trường trên cơ sở Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>2.1. Mục tiêu về kiến thức: Đào tạo đội ngũ cử nhân Luật có đạo đức, tri thức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay; Có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; Có tinh thần tôn trọng pháp luật; Có kiến thức chuyên môn vững vàng, có khả năng vận dụng kiến thức về pháp luật và ngoại ngữ, có khả năng tư duy độc lập, kỹ năng vận dụng pháp luật vào thực tiễn, năng động và tích cực; Có sức khỏe, đáp ứng được yêu cầu công việc của đơn vị sử dụng lao động.</p> <p>2.2. Mục tiêu về kỹ năng</p> <p>2.2.1. Kỹ năng chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức, phân tích, đánh giá đúng các vấn đề pháp lý; Biết cách tra cứu các văn bản pháp luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy 	<p>2.1. Mục tiêu về kiến thức: Đào tạo đội ngũ cử nhân Luật có đạo đức, tri thức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay; Có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; Có tinh thần tôn trọng pháp luật; Có kiến thức chuyên môn vững vàng, có khả năng vận dụng kiến thức về pháp luật và ngoại ngữ, có khả năng tư duy độc lập, kỹ năng vận dụng pháp luật vào thực tiễn, năng động và tích cực; Có sức khỏe, đáp ứng được yêu cầu công việc của đơn vị sử dụng lao động.</p> <p>2.2. Mục tiêu về kỹ năng</p>

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo	
		Đại học Chính quy	Đại học Văn bằng 2 chính quy
		<p>định của pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn; Kỹ năng nghiên cứu và lập luận; Kỹ năng phân tích luật; Tự cập nhật các kiến thức pháp luật mới và thực tiễn áp dụng; Kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo. Ngoài những kỹ năng chung đối với tất cả sinh viên ngành Luật, tùy theo Khoa, sinh viên có thể có thêm các kỹ năng sau:</p> <p>+ <i>Sinh viên khoa Luật Thương mại:</i> Tư vấn, soạn thảo các văn bản pháp lý trong hoạt động của doanh nghiệp; tư vấn các vấn đề pháp lý và giải quyết tình huống pháp lý phát sinh cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến các lĩnh vực: <i>Doanh nghiệp, Thương mại, Đầu tư, Cạnh tranh, Giải quyết tranh chấp thương mại, Thuế, Ngân hàng, Đất đai, Môi trường, Kinh doanh bất động sản, Kinh doanh chứng khoán.</i></p> <p>+ <i>Sinh viên khoa Luật Dân sự:</i> Phân tích, bình luận bản án, quyết định của tòa án; quan tài phán; Nghiên cứu, giải quyết những vấn đề pháp lý về Tài sản, Thừa kế, Hợp đồng, Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Sở hữu trí tuệ, Tố tụng dân sự, Hôn nhân gia đình, Lao động; Kỹ năng đàm phán, thương lượng, soạn thảo hợp đồng, thỏa ước lao động tập thể.</p> <p>+ <i>Sinh viên khoa Luật Hình sự:</i> Có kỹ năng tư vấn, soạn thảo văn bản cho hoạt động pháp lý trong tố tụng hình sự. Có kỹ năng trong việc bảo vệ quyền lợi của cá nhân, cơ quan, tổ chức, kỹ năng tư vấn, giải quyết các tình huống phát sinh trong lĩnh vực tư pháp hình sự, tranh tụng, thi hành án và lĩnh vực đấu tranh phòng ngừa tội phạm.</p> <p>+ <i>Sinh viên khoa Luật Hành chính:</i> Có kỹ năng lập luận, giải quyết các vấn đề pháp lý khác. Tư vấn và thực hành kỹ năng hoạt động ĐBQH, đại biểu HĐND, các cơ quan của Quốc hội, của Chủ tịch nước, Chính phủ. HĐND, UBND... Có khả năng thực hiện thủ tục khiếu kiện hành chính. Tư vấn ban hành các quyết định quản lý; hoạt động thanh tra.</p>	<p>2.2.1. Kỹ năng chung: Nhận thức, phân tích, đánh giá đúng các vấn đề pháp lý; Biết cách tra cứu các văn bản pháp luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn; Kỹ năng nghiên cứu và lập luận; Kỹ năng phân tích luật; Tự cập nhật các kiến thức pháp luật mới và thực tiễn áp dụng; Kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo.</p> <p>2.2.2. Kỹ năng mềm: Có khả năng làm việc độc lập, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo; Có kỹ năng làm việc nhóm; Có khả năng giao tiếp, trình bày và truyền thông; Có khả năng tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu; Có kỹ năng viết và trình bày rõ ràng một vấn đề, làm báo cáo một cách thuần thục. Ngoài ra, đối với sinh viên các Lớp chất lượng cao còn có khả năng thích ứng với môi trường công việc trong nước và quốc tế luôn có sự biến động.</p> <p>2.3. Thái độ:</p> <p>- Có phẩm chất phẩm chất chính trị và tư cách đạo đức tốt, có lòng nhân ái, trung thực, khách quan; Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội;</p> <p>- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết phù hợp với ngành nghề công tác, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội;</p> <p>- Chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe; Có</p>

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo	
		Đại học Chính quy	Đại học Văn bằng 2 chính quy
	<p>+ <i>Sinh viên khoa Luật Quốc tế</i>: Tư vấn và giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn kinh doanh thương mại giữa các đối tác trong nước và nước ngoài; Tư vấn về hoạt động kinh doanh và áp dụng luật điều chỉnh các hoạt động kinh doanh thương mại quốc tế; Đàm phán, ký kết và thực hiện cũng như giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh thương mại quốc tế.</p> <p>+ <i>Sinh viên các lớp thuộc chương trình đào tạo chất lượng cao</i>: Kết hợp và nâng cao các kỹ năng của sinh viên các Khoa theo nhóm chuyên ngành: Thương mại - Dân sự - Quốc tế hoặc Hành chính - Tư pháp.</p> <p>2.2.2. Kỹ năng mềm: Có khả năng làm việc độc lập, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo; Có kỹ năng làm việc nhóm; Có khả năng giao tiếp, trình bày và truyền thông; Có khả năng tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu; Có kỹ năng viết và trình bày rõ ràng một vấn đề, làm báo cáo một cách thuần thục. Ngoài ra, đối với sinh viên các Lớp chất lượng cao còn có khả năng thích ứng với môi trường công việc trong nước và quốc tế luôn có sự biến động.</p> <p>2.3. Thái độ:</p> <p>- Có phẩm chất phẩm chất chính trị và tư cách đạo đức tốt, có lòng nhân ái, trung thực, khách quan; Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội;</p> <p>- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết phù hợp với ngành nghề công tác, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội;</p> <p>- Chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe; Có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học. Có khả năng kết</p>	<p>trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học. Có khả năng kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn để đem lại hiệu quả cao trong giải quyết vấn đề.</p> <p>2.4. Trình độ ngoại ngữ: Theo quy định của Trường, chuẩn đầu ra ngoại ngữ là tiếng Anh theo chương trình TOEIC quốc tế (hoặc TOEFL, IELTS tương đương) với điểm tối thiểu phải đạt là 400 điểm, còn giá trị áp dụng trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp chứng chỉ/ phiếu điểm theo kế hoạch của Trường hoặc học và thi đạt yêu cầu theo chuẩn mới theo quy định của Nhà trường (<i>theo chương trình 6 đơn vị học trình</i>).</p> <p>Những trường hợp sau đây được công nhận đã đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh:</p> <p>a) Đã có bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng ngành ngôn ngữ Anh (không phân biệt loại hình đào tạo);</p> <p>b) Đã có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ở trong và ngoài nước mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh. Trường hợp sinh viên sử dụng bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (du học toàn phần tại nước ngoài, liên kết đào tạo với nước ngoài, học từ xa, học tại cơ sở giáo dục nước ngoài đặt tại Việt Nam...) để đề nghị được xét miễn ngoại ngữ theo quy định, phải nộp đơn đề nghị xét miễn học phần, kèm bản sao (có chứng thực) của: (1) Bản dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt của văn bằng tốt nghiệp và (2) Giấy công nhận văn bằng tốt nghiệp do Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo</p>	

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo	
		Đại học Chính quy	Đại học Văn bằng 2 chính quy
	<p>hợp giữa lý thuyết và thực tiễn để đem lại hiệu quả cao trong giải quyết vấn đề.</p> <p>2.4. Trình độ ngoại ngữ: Khi tốt nghiệp ra trường, tùy theo từng khoa/ lớp/ chương trình sinh viên ngành Luật phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu từ 450 - 600 điểm theo chuẩn TOEIC quốc tế (hoặc có chứng chỉ TOEFL, IELTS tương đương còn giá trị sử dụng trong thời hạn 2 năm, tính đến ngày tốt nghiệp theo thông báo của Nhà trường).</p> <p>2.4.1. Theo chương trình quốc tế</p> <p>a) Sinh viên Khoa Luật Hình sự và Hành chính: trình độ tiếng Anh phải đạt tối thiểu 450 điểm TOEIC quốc tế (hoặc TOEFL, IELTS tương đương);</p> <p>b) Sinh viên Khoa Luật Dân sự và Quốc tế: trình độ tiếng Anh phải đạt tối thiểu 470 điểm TOEIC quốc tế (hoặc TOEFL, IELTS tương đương);</p> <p>c) Sinh viên Khoa Luật Thương mại: trình độ tiếng Anh phải đạt tối thiểu 500 điểm TOEIC quốc tế (hoặc TOEFL, IELTS tương đương);</p> <p>d) Sinh viên Lớp Chất lượng cao tăng cường tiếng Anh (nhóm chuyên ngành Luật Hành chính - Tư pháp): trình độ tiếng Anh phải đạt tối thiểu 530 điểm TOEIC quốc tế (hoặc TOEFL, IELTS tương đương) áp dụng đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2017 trở về trước và tối thiểu 600 điểm TOEIC quốc tế (hoặc TOEFL, IELTS tương đương) áp dụng đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2018 trở về sau;</p> <p>e) Sinh viên Lớp Chất lượng cao tăng cường tiếng Anh (nhóm chuyên ngành Luật Thương mại - Dân sự - Quốc tế): trình độ tiếng Anh phải đạt tối thiểu 600 điểm TOEIC quốc tế (hoặc TOEFL, IELTS tương đương);</p> <p>f) Sinh viên Lớp Chất lượng cao tăng cường tiếng Pháp (AUF): trình độ tiếng Pháp phải đạt tối thiểu DELF-B1;</p> <p>g) Sinh viên Lớp Chất lượng cao tăng cường tiếng Nhật: trình độ tiếng Nhật phải đạt tối thiểu JLPT3 (N3).</p>	<p>đục và Đào tạo cấp theo quy định hiện hành;</p> <p>c) Đã có chứng chỉ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) đạt từ trình độ trung cấp (từ bậc 3/6) trở lên do một trong các cơ sở đào tạo sau cấp: (1) Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, (2) Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, (3) Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế, (4) Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, (5) Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, (6) Trường Đại học Hà Nội, (7) Đại học Thái Nguyên, (8) Trường Đại học Cần Thơ (theo Thông báo số 538/QLCL-QLVBCC ngày 20/5/2019 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ GD&ĐT).</p>	

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo	
		Đại học Chính quy	Đại học Văn bằng 2 chính quy
		<p>2.4.2. Theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam</p> <p>a) Trường hợp sinh viên không đạt chuẩn trình độ tiếng Anh theo chương trình quốc tế (TOEIC, TOEFL, IELTS) được nêu tại mục 2.4.1 thì trình độ tiếng Anh của sinh viên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam phải đạt như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với ngành/ khoa/ lớp có chuẩn TOEIC quốc tế tối thiểu là 450 điểm: đạt từ 4,0 điểm trở lên (<i>tương đương B1</i>); + Đối với ngành/ khoa/ lớp có chuẩn TOEIC quốc tế tối thiểu là 470 điểm: đạt từ 4,5 điểm trở lên (<i>tương đương B1.1</i>); + Đối với ngành/ khoa/ lớp có chuẩn TOEIC quốc tế tối thiểu là 500 điểm: đạt từ 5,0 điểm trở lên (<i>tương đương B1.2</i>); + Đối với ngành/ khoa/ lớp có chuẩn TOEIC quốc tế tối thiểu là 530 điểm: đạt từ 5,5 điểm trở lên (<i>tương đương B1.3</i>); + Đối với ngành/ khoa/ lớp có chuẩn TOEIC quốc tế tối thiểu là 600 điểm: đạt từ 6,0 điểm trở lên (<i>tương đương B2</i>). <p>b) Điều kiện để sinh viên được xét đạt chuẩn trình độ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phải tham gia học và dự thi chương trình tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Trường; + Có số điểm đạt yêu cầu theo quy định tại mục a nêu trên đối với từng ngành/ khoa/ lớp; + Chứng chỉ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam phải do Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh cấp, còn giá trị áp dụng trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp chứng chỉ theo thông báo của Nhà trường. 	
III	Các chính sách, hoạt	Trong thời gian theo học và sau khi tốt nghiệp, người học được Nhà trường quan tâm, hỗ trợ bằng các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt như:	Trong thời gian theo học và sau khi tốt nghiệp, người học được Nhà trường quan tâm, hỗ trợ bằng các chính sách, hoạt động hỗ trợ học

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo	
		Đại học Chính quy	Đại học Văn bằng 2 chính quy
	<p>động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và đăng tải các thông tin tuyển dụng từ các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển sinh viên của Trường vào làm việc tại bảng tin của Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và hỗ trợ sinh viên và trên website của Trường để những sinh viên có nhu cầu tìm việc làm theo dõi; - Thống kê kết quả học tập của sinh viên theo từng học kỳ, theo năm học để thông tin tới sinh viên theo dõi tiến độ học tập của mình; cảnh báo học vụ đối với những sinh viên có kết quả học tập yếu hàng năm, thông báo kết quả học tập của từng sinh viên về cho gia đình để có cơ sở nắm bắt, động viên con em học tập theo đúng tiến độ thời gian đào tạo đúng với Quy chế, quy định đào tạo. - Tổ chức tuần sinh hoạt công dân - học sinh để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học; - Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, về đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật nhà nước; các quy định của Trường Đại Luật TP. Hồ Chí Minh cho toàn bộ sinh viên; các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, các thay đổi về chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với sinh viên; - Dành một phần kinh phí cho việc hỗ trợ sinh viên NCKH. Hàng năm, Nhà trường đều có tổ chức Hội thi sinh viên NCKH để tạo môi trường và động lực, thúc đẩy sinh viên tham gia NCKH, đồng thời có hình thức khích, khen thưởng đối với những sinh viên có đề tài đạt kết quả cao; - Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên; - Phối hợp với chính quyền và công an nơi các cơ sở của Trường có hoạt động để xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật 	<p>tập, sinh hoạt như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và đăng tải các thông tin tuyển dụng từ các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển sinh viên của Trường vào làm việc tại bảng tin của Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và hỗ trợ sinh viên và trên website của Trường để những sinh viên có nhu cầu tìm việc làm theo dõi; - Thống kê kết quả học tập của sinh viên theo từng học kỳ, theo năm học để thông tin tới sinh viên theo dõi tiến độ học tập của mình; - Tổ chức sinh hoạt quy hể đào tạo để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho sinh viên năm thứ nhất mới nhập học; - Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời; - Sinh viên được sử dụng Thư viện hiện đại, với số lượng tài liệu phong phú về chủng loại (cả tài liệu in và tài liệu số), ngày càng tạo thuận lợi cho sinh viên tự học và tự nghiên cứu.

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo	
		Đại học Chính quy	Đại học Văn bằng 2 chính quy
		<p>tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên; - Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và liên Bộ, hướng dẫn của Trường để giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng; - Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời; - Hỗ trợ sinh viên các hoạt động thể dục thể thao như thuê các sân thể dục, thể thao cho sinh viên học và sử dụng; - Sinh viên được sử dụng Thư viện hiện đại, với số lượng tài liệu phong phú về chủng loại (cả tài liệu in và tài liệu số), ngày càng tạo thuận lợi cho sinh viên tự học và tự nghiên cứu. 	
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<p>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện đối với ngành Luật hiện tại có 5 chương trình (gồm: 01 chương trình đại trà và 4 chương trình chất lượng cao), cụ thể:</p> <p>4.1. Chương trình đào tạo đại trà: Chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Luật hệ chính quy (Ban hành kèm theo Quyết định số 2227/QĐ-ĐHL ngày 22/9/2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh);</p> <p>4.2. Chương trình đại trà:</p> <p>a) Chương trình đào tạo trình độ đại học chất lượng cao, ngành Luật hệ chính quy - nhóm các chuyên ngành Thương mại - Dân sự - Quốc tế (Ban hành kèm theo Quyết định số 882/QĐ-ĐHL ngày 09/7/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh);</p> <p>b) Chương trình đào tạo trình độ đại học</p>	<p>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện đối với ngành Luật văn bằng 2 hiện tại có 01 chương trình (Ban hành kèm theo Quyết định số 679/QĐ-ĐHL ngày 22/4/2015 của Hiệu trưởng trường ĐH Luật Tp. HCM).</p>

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo	
		Đại học Chính quy	Đại học Văn bằng 2 chính quy
		<p>chất lượng cao, ngành Luật hệ chính quy, tăng cường tiếng Pháp - nhóm các chuyên ngành Thương mại - Dân sự - Quốc tế (Ban hành kèm theo Quyết định số 882/QĐ-ĐHL ngày 09/7/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh);</p> <p>c) Chương trình đào tạo trình độ đại học chất lượng cao, ngành Luật hệ chính quy, tăng cường tiếng Nhật - nhóm các chuyên ngành Thương mại - Dân sự - Quốc tế (Ban hành kèm theo Quyết định số 882/QĐ-ĐHL ngày 09/7/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh);</p> <p>d) Chương trình đào tạo trình độ đại học chất lượng cao, ngành Luật hệ chính quy - nhóm các chuyên ngành Hành chính - Tư pháp (Ban hành kèm theo Quyết định số 1009/QĐ-ĐHL ngày 16/8/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh).</p>	
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Tốt nghiệp ngành Luật, sinh viên được cấp bằng cử nhân Luật và có thể học nâng cao trình độ sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) ngành Luật.	Tốt nghiệp ngành Luật, sinh viên được cấp bằng cử nhân Luật và có thể học nâng cao trình độ sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) ngành Luật.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<p>Trong quá trình học tập tại Trường ĐH Luật Tp. HCM, ngoài kiến thức chuyên môn đã được trang bị đầy đủ và chất lượng, từ năm 2016, sinh viên sẽ được bố trí học thêm 03 tín chỉ “Kỹ năng mềm - Kỹ năng làm việc chuyên nghiệp” (do Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo GBI Quốc tế thực hiện). Vì vậy, sau khi tốt nghiệp với kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sẽ có cơ hội rất lớn trong việc tìm kiếm việc làm và phát triển nghề nghiệp của mình trong tương lai.</p> <p>Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật được cấp bằng cử nhân Luật và có thể công tác tại các cơ quan như sau:</p> <p>6.1. Làm việc trong các cơ quan nhà nước: Trong các cơ quan chính quyền các cấp, gồm các cơ quan Trung ương và địa phương như:</p>	<p>Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng cử nhân Luật (bằng thứ 2) và có thể công tác tại các cơ quan như sau:</p> <p>6.1. Làm việc trong các cơ quan nhà nước: Trong các cơ quan chính quyền các cấp, gồm các cơ quan Trung ương và địa phương như:</p>

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo	
		Đại học Chính quy	Đại học Văn bằng 2 chính quy
		<p>Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Chính phủ, các Bộ, Ngành trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở, ban ngành địa phương, các cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến xây dựng chế độ, chính sách, pháp luật, các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, bảo đảm dịch vụ công, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính; Cơ quan Công an, cơ quan Thuế, Hải quan, Kiểm lâm, Biên phòng, cơ quan quản lý xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh; Cán bộ trong các bộ phận phụ trách về tổ chức - nhân sự trong các cơ quan, tổ chức; Cán bộ trong các bộ phận phụ trách về tài chính, đất đai, môi trường.v.v... Trong các cơ quan tư pháp như: Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án.</p> <p>Cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế, tài chính, đất đai, môi trường.v.v... Trong các cơ quan tư pháp như: Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án.</p> <p>6.2. Làm việc trong các tổ chức tư vấn và dịch vụ pháp lý: Văn phòng Luật sư, Công ty Luật, Phòng Công chứng, Văn phòng công chứng, các Trung tâm trọng tài thương mại.v.v... của Việt Nam và nước ngoài.</p> <p>6.3. Làm việc trong các tổ chức Chính trị - Xã hội: Các cơ quan Đảng các cấp và tổ chức Chính trị - Xã hội; Công tác tại các tổ chức quốc tế Liên chính phủ và các tổ chức quốc tế phi chính phủ ở các nước và đặc biệt tại Việt Nam (đảm nhiệm các công việc liên quan đến các lĩnh vực của công pháp quốc tế).v.v....</p> <p>6.4. Làm việc trong các doanh nghiệp: Với vai trò là chuyên gia tư vấn pháp luật, chuyên gia pháp lý trong lĩnh vực thương mại, đầu tư có yếu tố nước ngoài, tư vấn và hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, tham gia đàm phán ký kết các hợp đồng thương mại quốc tế, giải quyết tranh chấp thương mại, dân sự quốc tế, các vấn đề liên quan đến việc bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa.v.v... cho doanh nghiệp Việt Nam ở trong nước và nước ngoài và cho doanh nghiệp nước ngoài ở Việt Nam, tư vấn để giải quyết các quan hệ lao động có yếu tố nước ngoài.</p> <p>6.5. Đảm nhận công tác giảng dạy: Tại các</p>	<p>thanh tra, bảo đảm dịch vụ công, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính; Cơ quan Công an, cơ quan Thuế, Hải quan, Kiểm lâm, Biên phòng, cơ quan quản lý xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh; Cán bộ trong các bộ phận phụ trách về tổ chức - nhân sự trong các cơ quan, tổ chức; Cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế, tài chính, đất đai, môi trường.v.v... Trong các cơ quan tư pháp như: Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án.</p> <p>6.2. Làm việc trong các tổ chức tư vấn và dịch vụ pháp lý: Văn phòng Luật sư, Công ty Luật, Phòng Công chứng, Văn phòng công chứng, các Trung tâm trọng tài thương mại.v.v... của Việt Nam và nước ngoài.</p> <p>6.3. Làm việc trong các tổ chức Chính trị, Chính trị - Xã hội: Các cơ quan Đảng các cấp và tổ chức Chính trị - Xã hội; Công tác tại các tổ chức quốc tế Liên chính phủ và các tổ chức quốc tế phi chính phủ ở các nước và đặc biệt tại Việt Nam (đảm nhiệm các công việc liên quan đến các lĩnh vực của công pháp quốc tế).v.v....</p> <p>6.4. Làm việc trong các doanh nghiệp: Với vai trò là chuyên gia tư vấn pháp luật, chuyên gia pháp lý trong lĩnh vực thương mại, đầu tư có yếu tố nước ngoài, tư vấn và hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, tham gia đàm phán ký kết các hợp đồng thương mại quốc tế, giải quyết tranh chấp thương mại, dân sự quốc tế, các vấn đề liên quan đến việc bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa.v.v... cho doanh nghiệp Việt Nam ở trong nước và nước ngoài và cho doanh nghiệp nước ngoài ở Việt Nam.</p>

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo	
		Đại học Chính quy	Đại học Văn bằng 2 chính quy
		<p>cơ sở nghiên cứu, đào tạo (các viện nghiên cứu; giảng dạy về pháp luật trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học và Phổ thông, v.v...).</p> <p>6.6. Làm việc trong các cơ quan nghiên cứu: Với tư cách là nghiên cứu viên, đặc biệt là trong các viện nghiên cứu quản lý nhà nước, các cơ sở nghiên cứu về Hành chính Chính trị.</p>	<p>Việt Nam, tư vấn đề giải quyết các quan hệ lao động có yếu tố nước ngoài.</p> <p>6.5. Đảm nhận công tác giảng dạy: Tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo (các viện nghiên cứu; giảng dạy về pháp luật trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học và Phổ thông, v.v...).</p> <p>6.6. Làm việc trong các cơ quan nghiên cứu: Với tư cách là nghiên cứu viên, đặc biệt là trong các viện nghiên cứu quản lý nhà nước, các cơ sở nghiên cứu về Hành chính - Chính trị.</p>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Hoàng Hải
* **Trần Hoàng Hải**

Biểu mẫu 17c-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Thương mại quốc tế
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM

THÔNG BÁO

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường ĐH Luật Tp.HCM
 năm học 2018-2019, ngành: Luật Thương mại quốc tế, chính quy**

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo Đại học Chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	- Vùng tuyển: Trong cả nước - Tổ hợp môn xét tuyển: A ₀₁ , D _{01,03,06} , D _{66,69,70} , D _{84,87,88} ; - Điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh, ngày thi, môn thi, điểm trúng tuyển: Thực hiện theo Quy chế Tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy, ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017; đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01/3/2018 và Thông tư 02/2019/TT-BGDĐT ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh riêng của Trường ĐH Luật Tp. HCM.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>2.1. Mục tiêu về kiến thức: đào tạo cử nhân ngành Luật Thương mại quốc tế có năng lực chuyên môn cao, có phẩm chất chính trị tốt, có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe, đáp ứng được nhu cầu xã hội. Chương trình đào tạo nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức pháp lý chung và pháp luật thương mại quốc tế chuyên sâu, bên cạnh các kỹ năng cần thiết cho những người công tác trong môi trường đầu tư, kinh doanh, dịch vụ pháp lý có yếu tố nước ngoài. Tốt nghiệp ngành này, người học có kiến thức và hiểu biết chuyên sâu về luật thương mại quốc tế và có khả năng sử dụng các kiến thức đã học trong môi trường pháp lý hiện đại.</p> <p>2.2. Kỹ năng: chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên nắm bắt được các kỹ năng pháp lý căn bản cần thiết trong các giao dịch thương mại quốc tế. Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng giải quyết những vấn đề pháp lý trong các hoạt động kinh tế - thương mại trong nước và xuyên quốc gia. Ngoài ra, cử nhân ngành Luật Thương mại quốc tế cũng sẽ được đào tạo phát triển kiến thức và kỹ năng làm việc bằng ngôn ngữ tiếng Anh trong quá trình học. Chương trình cũng chú trọng giáo dục về thái độ và đạo đức nghề nghiệp thông qua một số môn học thuộc kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.</p> <p>2.3. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất phẩm chất chính trị và tư cách đạo đức tốt, có lòng nhân ái, trung thực, khách quan; Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội; - Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết phù hợp với ngành nghề công tác, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội; - Chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe; Có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học. Có khả năng kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn để đem

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo Đại học Chính quy
		<p>lại hiệu quả cao trong giải quyết vấn đề.</p> <p>2.4. Trình độ ngoại ngữ</p> <p>2.4.1. Theo chương trình quốc tế: Khi ra trường, sinh viên ngành Luật Thương mại quốc tế phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu 500 điểm theo chuẩn TOEIC quốc tế.</p> <p>2.4.2. Theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam</p> <p>a) Trường hợp sinh viên không đạt chuẩn trình độ tiếng Anh theo chương trình quốc tế (TOEIC, TOEFL, IELTS) được nêu trên thì trình độ tiếng Anh của sinh viên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam phải: đạt từ 5,0 điểm trở lên (<i>tương đương B1.2</i>);</p> <p>b) Điều kiện để sinh viên được xét đạt chuẩn trình độ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phải tham gia học và dự thi chương trình tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Trường; + Có số điểm đạt yêu cầu theo quy định tại mục a nêu trên đối với từng ngành/ khoa/ lớp; + Chứng chỉ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam phải do Trường ĐH Luật Tp. HCM cấp, còn giá trị áp dụng trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp chứng chỉ theo thông báo của Nhà trường.
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>Trong thời gian theo học và sau khi tốt nghiệp, người học được Nhà trường quan tâm, hỗ trợ bằng các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và đăng tải các thông tin tuyển dụng từ các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển sinh viên của Trường vào làm việc tại bảng tin của Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và hỗ trợ sinh viên và trên website của Trường để những sinh viên có nhu cầu tìm việc làm theo dõi; - Thống kê kết quả học tập của sinh viên theo từng học kỳ, theo năm học để thông tin tới sinh viên theo dõi tiến độ học tập của mình; cảnh báo học vụ đối với những sinh viên có kết quả học tập yếu hàng năm, thông báo kết quả học tập của từng sinh viên về cho gia đình để có cơ sở nắm bắt, động viên con em học tập theo đúng tiến độ thời gian đào tạo đúng với Quy chế, quy định đào tạo. - Tổ chức tuần sinh hoạt công dân - học sinh để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học; - Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, về đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật nhà nước; các quy định của Trường Đại Luật TP. Hồ Chí Minh cho toàn bộ sinh viên; các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, các thay đổi về chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với sinh viên; - Dành một phần kinh phí cho việc hỗ trợ sinh viên NCKH. Hàng năm, Nhà trường đều có tổ chức Hội thi sinh viên NCKH để tạo môi trường và động lực, thúc đẩy sinh viên tham gia NCKH, đồng thời có hình thức khích, khen thưởng

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo Đại học Chính quy
		<p>đối với những sinh viên có đề tài đạt kết quả cao;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên; - Phối hợp với chính quyền và công an nơi các cơ sở của Trường có hoạt động để xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên; - Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên; - Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và liên Bộ, hướng dẫn của Trường để giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng; - Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời; - Hỗ trợ sinh viên các hoạt động thể dục thể thao như thuê các sân thể dục, thể thao cho sinh viên học và sử dụng; - Sinh viên được sử dụng Thư viện hiện đại, với số lượng tài liệu phong phú về chủng loại (cả tài liệu in và tài liệu số), ngày càng tạo thuận lợi cho sinh viên tự học và tự nghiên cứu.
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện đối với ngành Luật Thương mại quốc tế hiện tại có 01 chương trình (<i>Ban hành kèm theo Quyết định số 2253/QĐ-ĐHL ngày 01/12/2015 của Hiệu trưởng trường ĐH Luật Tp. HCM</i>)
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Tốt nghiệp ngành Luật Thương mại quốc tế, sinh viên được cấp bằng cử nhân Luật Thương mại quốc tế và có thể học nâng cao trình độ sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) ngành Luật.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<p>Trong quá trình học tập tại Trường ĐH Luật Tp. HCM, ngoài kiến thức chuyên môn đã được trang bị đầy đủ và chất lượng, từ năm 2016, sinh viên sẽ được bố trí học thêm 03 tín chỉ “Kỹ năng mềm - Kỹ năng làm việc chuyên nghiệp” (do Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo GBI Quốc tế thực hiện). Vì vậy, sau khi tốt nghiệp với kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sẽ có cơ hội rất lớn trong việc tìm kiếm việc làm và phát triển nghề nghiệp của mình trong tương lai.</p> <p>Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật Thương mại quốc tế được cấp bằng cử nhân Luật Thương mại quốc tế và có thể công tác tại: các doanh nghiệp có hoạt động liên quan tới thương mại quốc tế, tại các cơ quan quản lý Nhà nước trong</p>

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo Đại học Chính quy
		lĩnh vực thương mại, đầu tư, cơ quan tư pháp và làm luật sư tại các công ty luật hoặc công ty tư vấn cũng như tại các tổ chức quốc tế. Với khối kiến thức đa dạng, phong phú, các cử nhân tốt nghiệp ngành này có nhiều thuận lợi khi làm việc tại các hiệp hội ngành nghề, các loại hình công ty trong và ngoài nước hoặc có thể công tác tại các cơ sở giáo dục và các Viện Nghiên cứu pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2019

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Trần Hoàng Hải

Biểu mẫu 17d-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Quản trị - Luật
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường Đại học Luật Tp.HCM năm học 2018-2019, ngành: Quản trị - Luật, chính quy

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo Đại học Chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>- Vùng tuyển: Trong cả nước</p> <p>- Tổ hợp môn xét tuyển: A₀₀, A₀₁, D_{01,03,06}, D_{84,87,88};</p> <p>- Điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh, ngày thi, môn thi, điểm trúng tuyển: Thực hiện theo Quy chế Tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy, ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017; đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01/3/2018 và Thông tư 02/2019/TT-BGDĐT ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh riêng của Trường ĐH Luật Tp. HCM.</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>2.1. Mục tiêu kiến thức: Chương trình song ngành Quản trị - Luật cho phép sinh viên nắm bắt được các kỹ năng về cả 2 lĩnh vực Quản trị và Luật. Sinh viên ngành Quản trị - Luật, sau khi tốt nghiệp có khả năng giải quyết những vấn đề liên quan đến quản lý, điều hành doanh nghiệp, quản lý nhà nước. Đồng thời, có khả năng thực hiện các dịch vụ tư vấn kinh doanh, tài chính, quản trị và pháp lý với cái nhìn tổng thể nhờ những kiến thức tổng hợp từ cả hai lĩnh vực Quản trị và Luật.</p> <p>2.2. Kỹ năng</p> <p>2.2.1. Kỹ năng cứng: Kỹ năng tranh luận và giải quyết vấn đề dưới góc độ người làm công tác pháp lý; Kỹ năng nhận thức, phân tích, đánh giá đúng các vấn đề pháp lý; Kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản trị nhân sự, kỹ năng tư duy suy luận logic, kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh, kỹ năng lập kế hoạch trong kinh doanh, kỹ năng nhận dạng vấn đề, phân tích vấn đề; Kỹ năng vận dụng luật vào trong công tác quản trị.</p> <p>2.2.2. Kỹ năng mềm: Có khả năng làm việc độc lập, giải quyết công việc với tư duy lôgic và sáng tạo; Có kỹ năng làm việc nhóm; Có khả năng giao tiếp, trình bày và truyền thông; Có khả năng tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu; Có kỹ năng viết và trình bày rõ ràng một vấn đề, làm báo cáo một cách thuần thục. Ngoài ra, đối với sinh viên các Lớp chất lượng cao còn có khả năng thích ứng với môi trường công việc trong nước và quốc tế luôn có sự biến động.</p> <p>2.3. Thái độ:</p> <p>- Có phẩm chất phẩm chất chính trị và tư cách đạo đức tốt, có lòng nhân ái, trung thực, khách quan; Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội;</p> <p>- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết phù hợp với ngành nghề công tác, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội;</p>

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo Đại học Chính quy
		<p>- Chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe; Có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học. Có khả năng kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn để đem lại hiệu quả cao trong giải quyết vấn đề.</p> <p>2.4.1. Theo chương trình quốc tế</p> <p>a) Sinh viên Đại trà: trình độ tiếng Anh phải đạt tối thiểu 500 điểm TOEIC quốc tế (<i>hoặc TOEFL, IELTS tương đương</i>);</p> <p>b) Sinh viên chất lượng cao: trình độ tiếng Anh phải đạt tối thiểu 600 điểm TOEIC quốc tế (<i>hoặc TOEFL, IELTS tương đương</i>);</p> <p>2.4.2. Theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam</p> <p>a) Trường hợp sinh viên không đạt chuẩn trình độ tiếng Anh theo chương trình quốc tế (TOEIC, TOEFL, IELTS) được nêu tại 2.4.1 thì trình độ tiếng Anh của sinh viên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam phải đạt như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với ngành/ khoa/ lớp có chuẩn TOEIC quốc tế tối thiểu là 500 điểm: đạt từ 5,0 điểm trở lên (<i>tương đương B1.2</i>); + Đối với ngành/ khoa/ lớp có chuẩn TOEIC quốc tế tối thiểu là 600 điểm: đạt từ 6,0 điểm trở lên (<i>tương đương B2</i>). <p>c) Điều kiện để sinh viên được xét đạt chuẩn trình độ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phải tham gia học và dự thi chương trình tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Trường; + Có số điểm đạt yêu cầu theo quy định tại mục a nêu trên đối với từng ngành/ khoa/ lớp; + Chứng chỉ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam phải do Trường ĐH Luật Tp. HCM cấp, còn giá trị áp dụng trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp chứng chỉ theo thông báo của Nhà trường.
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>Trong thời gian theo học và sau khi tốt nghiệp, người học được Nhà trường quan tâm, hỗ trợ bằng các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và đăng tải các thông tin tuyển dụng từ các CQ, DN có nhu cầu tuyển SV của Trường vào làm việc tại bảng tin của TT QHDN&HTSV và trên website của Trường để những SV có nhu cầu tìm việc làm theo dõi; - Thống kê kết quả học tập của sinh viên theo từng học kỳ, theo năm học để thông tin tới sinh viên theo dõi tiến độ học tập của mình; cảnh báo học vụ đối với những SV có kết quả học tập yếu hàng năm, thông báo kết quả học tập của từng sinh viên về cho gia đình để có cơ sở nắm bắt, động viên con em học tập theo đúng tiến độ thời gian đào tạo đúng với Quy chế, quy định đào tạo. - Tổ chức tuần sinh hoạt công dân - học sinh để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học;

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo Đại học Chính quy
		<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, về đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật nhà nước; các quy định của Trường Đại Luật TP. Hồ Chí Minh cho toàn bộ sinh viên; các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, các thay đổi về chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với SV; - Dành một phần kinh phí cho việc hỗ trợ sinh viên NCKH. Hàng năm, Nhà trường đều có tổ chức Hội thi sinh viên NCKH để tạo môi trường và động lực, thúc đẩy sinh viên tham gia NCKH, đồng thời có hình thức khích, khen thưởng đối với những sinh viên có đề tài đạt kết quả cao; - Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên: - Phối hợp với chính quyền và công an nơi các cơ sở của Trường có hoạt động để xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên; - Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên; - Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và liên Bộ, hướng dẫn của Trường để giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho SV đặc biệt là SV diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng; - Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời; - Hỗ trợ sinh viên các hoạt động thể dục thể thao như thuê các sân thể dục, thể thao cho sinh viên học và sử dụng; - Sinh viên được sử dụng Thư viện hiện đại, với số lượng tài liệu phong phú về chủng loại (cả tài liệu in và tài liệu số), ngày càng tạo thuận lợi cho sinh viên tự học và tự nghiên cứu.
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<p>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện đối với ngành Quản trị - Luật hiện tại có 02 chương trình (<i>gồm: 01 chương trình đại trà và 01 chương trình chất lượng cao</i>), cụ thể:</p> <p>4.1. Chương trình đào tạo đại trà: Chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Luật hệ chính quy (<i>Ban hành kèm theo Quyết định số 2485/QĐ-ĐHL ngày 12/12/2014 của Hiệu trưởng trường ĐH Luật Tp. HCM</i>);</p> <p>4.2. Chương trình đào tạo chất lượng cao: Chương trình đào tạo trình độ đại học chất lượng cao, ngành Quản trị - Luật (<i>Ban hành kèm theo Quyết định số 882/QĐ-ĐHL ngày 09/7/2018 của Hiệu trưởng trường ĐH Luật Tp. HCM</i>).</p>
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<p>Tốt nghiệp ngành Quản trị - Luật, sinh viên được cấp bằng 02 bằng (<i>bằng cử nhân ngành Luật và bằng cử nhân ngành Quản trị kinh doanh</i>) và có thể học nâng cao trình độ sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) ngành Luật và ngành Quản trị kinh doanh.</p>

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo Đại học Chính quy
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<p>Trong quá trình học tập tại Trường ĐH Luật Tp. HCM, ngoài kiến thức chuyên môn đã được trang bị đầy đủ và chất lượng, từ năm 2016, sinh viên sẽ được bố trí học thêm 03 tín chỉ “Kỹ năng mềm - Kỹ năng làm việc chuyên nghiệp” (do Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo GBI Quốc tế thực hiện). Vì vậy, sau khi tốt nghiệp với kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sẽ có cơ hội rất lớn trong việc tìm kiếm việc làm và phát triển nghề nghiệp của mình trong tương lai.</p> <p>Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị - Luật được cấp bằng 02 bằng (<i>bằng cử nhân ngành Luật và bằng cử nhân ngành Quản trị kinh doanh</i>), có thể làm việc tại các mảng công việc: Dịch vụ công cộng, Thương mại, Kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh, Tư vấn quản trị, Tư vấn luật kinh doanh; Các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính trong và ngoài nước, các hiệp hội ngành nghề, các công ty tư vấn. Với vị trí công việc: Chuyên viên và lãnh đạo các phòng chức năng trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh; Chuyên viên pháp lý (<i>soạn thảo văn bản, biên bản, hợp đồng.v.v ...</i>), cố vấn pháp lý trong các doanh nghiệp, các ngân hàng, các tổ chức tài chính; Chuyên viên hoặc bộ phận Kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp; Chuyên viên tư vấn tại các công ty tư vấn luật, tư vấn quản trị trong và ngoài nước; Công chức tại các đơn vị hành chính sự nghiệp; Có khả năng tự khởi nghiệp như thành lập doanh nghiệp với vai trò người chủ và người quản lý.</p> <p>6.1. Làm việc trong các cơ quan nhà nước: Trong các cơ quan chính quyền các cấp, gồm các cơ quan Trung ương và địa phương như: Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Chính phủ, các Bộ, Ngành trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở, ban ngành địa phương, các cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến xây dựng chế độ, chính sách, pháp luật, các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, bảo đảm dịch vụ công, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính; Cơ quan Công an, cơ quan Thuế, Hải quan, Kiểm lâm, Biên phòng, cơ quan quản lý xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh; Cán bộ trong các bộ phận phụ trách về tổ chức - nhân sự trong các cơ quan, tổ chức; Cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế, tài chính, đất đai, môi trường.v.v... Trong các cơ quan tư pháp như: Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án.</p> <p>6.2. Làm việc trong các tổ chức tư vấn và dịch vụ pháp lý: Văn phòng Luật sư, Công ty Luật, Phòng Công chứng, Văn phòng công chứng, các Trung tâm trọng tài thương mại.v.v... của Việt Nam và nước ngoài.</p> <p>6.3. Làm việc trong các tổ chức Chính trị, Chính trị - Xã hội: Các cơ quan Đảng các cấp và tổ chức Chính trị - Xã hội; Công tác tại các tổ chức quốc tế Liên chính phủ và các tổ chức quốc tế phi chính phủ ở các nước và đặc biệt tại Việt Nam (đảm nhiệm các công việc liên quan đến các lĩnh vực của công pháp quốc tế).v.v....</p> <p>6.4. Làm việc trong các doanh nghiệp: Với vai trò là chuyên gia tư vấn pháp luật, chuyên gia pháp lý trong lĩnh vực thương mại, đầu tư có yếu tố nước ngoài, tư vấn và hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, tham gia đàm phán ký kết các hợp đồng thương mại quốc tế, giải quyết tranh chấp</p>

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo Đại học Chính quy
		<p>thương mại, dân sự quốc tế, các vấn đề liên quan đến việc bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa.v.v... cho doanh nghiệp Việt Nam ở trong nước và nước ngoài và cho doanh nghiệp nước ngoài ở Việt Nam, tư vấn để giải quyết các quan hệ lao động có yếu tố nước ngoài.</p> <p>6.5. Đảm nhận công tác giảng dạy: Tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo (các viện nghiên cứu; giảng dạy về pháp luật trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học và Phổ thông,v.v...).</p> <p>6.6. Làm việc trong các cơ quan nghiên cứu: <i>Với tư cách là nghiên cứu viên, đặc biệt là trong các viện nghiên cứu quản lý nhà nước, các cơ sở nghiên cứu về Hành chính - Chính trị.</i></p>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Hoàng Hải

Trần Hoàng Hải

Biểu mẫu 17e-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Quản trị kinh doanh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM**

THÔNG BÁO

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường Đại học Luật Tp.HCM năm học
2018-2019, ngành: Quản trị kinh doanh, chính quy**

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo Đại học Chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>- Vùng tuyển: Trong cả nước</p> <p>- Tổ hợp môn xét tuyển: A₀₀, A₀₁, D_{01,03,06}, D_{84,87,88};</p> <p>- Điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh, ngày thi, môn thi, điểm trúng tuyển: Thực hiện theo Quy chế Tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy, ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017; đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01/3/2018 và Thông tư 02/2019/TT-BGDĐT ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh riêng của Trường ĐH Luật Tp. HCM.</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>2.1. Mục tiêu kiến thức: Sinh viên tốt nghiệp cử nhân Quản trị kinh doanh của Trường ĐH Luật Tp. HCM không chỉ được trang bị tốt kiến thức về quản trị kinh doanh mà còn được trang bị một lượng kiến thức cơ bản về pháp luật Kinh doanh, Dân sự, Quốc tế phục vụ cho những vị trí công việc sẽ đảm nhiệm đối với một nhà quản trị sau này.</p> <p>2.2. Kỹ năng</p> <p>2.2.1. Kỹ năng cứng: Có khả năng vận dụng quy định luật pháp trong giải quyết các vấn đề kinh tế và ngành đào tạo; Khả năng thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp như phân tích, đánh giá các hoạt động của doanh nghiệp; Khả năng thực hiện các quy định về thuế và các nghĩa vụ khác; Tham gia triển khai các hoạt động tác nghiệp trong kinh doanh; Tìm hiểu và vận dụng hiệu quả tâm lý kinh doanh để duy trì và phát triển văn hóa doanh nghiệp; Có khả năng chủ động tìm hiểu và vận dụng quy định pháp luật áp dụng trong các hoạt động của doanh nghiệp; Có khả năng tham gia thực hiện quản trị các hoạt động trong doanh nghiệp: <i>Marketing, tổ chức, nhân lực, sản xuất, tác nghiệp, công nghệ, tài chính, kế toán, hoạt động đầu tư.v.v...</i></p> <p>2.2.2. Kỹ năng mềm: Có khả năng làm việc độc lập; Tự học hỏi và tìm tòi, làm việc có kế hoạch và khoa học; Có kỹ năng quản lý thời gian, phân bổ công việc cá nhân, có khả năng làm việc nhóm và một số kỹ năng quản lý và lãnh đạo; Có khả năng giao tiếp tốt (<i>kỹ năng thuyết trình và đàm phán trong kinh doanh; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, qua email</i>).</p> <p>2.3. Thái độ:</p> <p>- Có phẩm chất phẩm chất chính trị và tư cách đạo đức tốt, có lòng nhân ái, trung thực, khách quan; Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội;</p> <p>- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết phù hợp với ngành nghề công tác, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội;</p> <p>- Chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe; Có trách</p>

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo Đại học Chính quy
		<p>nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học. Có khả năng kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn để đem lại hiệu quả cao trong giải quyết vấn đề.</p> <p>2.4.1. Theo chương trình quốc tế</p> <p>a) Sinh viên Đại trà: trình độ tiếng Anh phải đạt tối thiểu 500 điểm TOEIC quốc tế (<i>hoặc TOEFL, IELTS tương đương</i>);</p> <p>b) Sinh viên chất lượng cao: trình độ tiếng Anh phải đạt tối thiểu 600 điểm TOEIC quốc tế (<i>hoặc TOEFL, IELTS tương đương</i>);</p> <p>2.4.2. Theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam</p> <p>a) Trường hợp sinh viên không đạt chuẩn trình độ tiếng Anh theo chương trình quốc tế (TOEIC, TOEFL, IELTS) được nêu tại 2.4.1 thì trình độ tiếng Anh của sinh viên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam phải đạt như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối với ngành/ khoa/ lớp có chuẩn TOEIC quốc tế tối thiểu là 500 điểm: đạt từ 5,0 điểm trở lên (<i>tương đương B1.2</i>); + Đối với ngành/ khoa/ lớp có chuẩn TOEIC quốc tế tối thiểu là 600 điểm: đạt từ 6,0 điểm trở lên (<i>tương đương B2</i>). <p>c) Điều kiện để sinh viên được xét đạt chuẩn trình độ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phải tham gia học và dự thi chương trình tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Trường; + Có số điểm đạt yêu cầu theo quy định tại mục a nêu trên đối với từng ngành/ khoa/ lớp; + Chứng chỉ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam phải do Trường ĐH Luật Tp. HCM cấp, còn giá trị áp dụng trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp chứng chỉ theo thông báo của Nhà trường.
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>Trong thời gian theo học và sau khi tốt nghiệp, người học được Nhà trường quan tâm, hỗ trợ bằng các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và đăng tải các thông tin tuyển dụng từ các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển sinh viên của Trường vào làm việc tại bảng tin của Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và hỗ trợ sinh viên và trên website của Trường để những sinh viên có nhu cầu tìm việc làm theo dõi; - Thống kê kết quả học tập của sinh viên theo từng học kỳ, theo năm học để thông tin tới sinh viên theo dõi tiến độ học tập của mình; cảnh báo học vụ đối với những sinh viên có kết quả học tập yếu hàng năm, thông báo kết quả học tập của từng sinh viên về cho gia đình để có cơ sở nắm bắt, động viên con em học tập theo đúng tiến độ thời gian đào tạo đúng với Quy chế, quy định đào tạo. - Tổ chức tuần sinh hoạt công dân - học sinh để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học; - Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, về đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật nhà nước; các

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo Đại học Chính quy
		<p>quy định của Trường Đại Luật TP. Hồ Chí Minh cho toàn bộ sinh viên; các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, các thay đổi về chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với sinh viên;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dành một phần kinh phí cho việc hỗ trợ sinh viên NCKH. Hàng năm, Nhà trường đều có tổ chức Hội thi sinh viên NCKH để tạo môi trường và động lực, thúc đẩy sinh viên tham gia NCKH, đồng thời có hình thức khích, khen thưởng đối với những sinh viên có đề tài đạt kết quả cao; - Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên; - Phối hợp với chính quyền và công an nơi các cơ sở của Trường có hoạt động để xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên; - Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên; - Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và liên Bộ, hướng dẫn của Trường để giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng; - Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời; - Hỗ trợ sinh viên các hoạt động thể dục thể thao như thuê các sân thể dục, thể thao cho sinh viên học và sử dụng; - Sinh viên được sử dụng Thư viện hiện đại, với số lượng tài liệu phong phú về chủng loại (cả tài liệu in và tài liệu số), ngày càng tạo thuận lợi cho sinh viên tự học và tự nghiên cứu. <p>* Đặc biệt: Sau khi tốt nghiệp và được cấp bằng cử nhân ngành Quản trị kinh doanh của Trường ĐH Luật Tp. HCM, nếu có nguyện vọng theo học chương trình văn bằng 2 hệ chính quy ngành Luật, sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh sẽ được xét tuyển thẳng vào học mà không cần phải thi tuyển sinh đầu vào. Các học phần đã học ở văn bằng 1 nếu đáp ứng điều kiện theo quy định sẽ được xét chuyển điểm.</p>
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<p>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện đối với ngành Quản trị kinh doanh hiện tại có 02 chương trình (<i>gồm: 01 chương trình đại trà và 01 chương trình chất lượng cao</i>), cụ thể:</p> <p>4.1. Chương trình đào tạo đại trà: Chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Quản trị kinh doanh hệ chính quy (<i>Ban hành kèm theo Quyết định số 2485/QĐ-ĐHL ngày 12/12/2014 của Hiệu trưởng trường ĐH Luật Tp. HCM</i>);</p> <p>4.2. Chương trình đào tạo chất lượng cao: Chương trình đào tạo trình độ đại học chất lượng cao, ngành Quản trị kinh doanh (<i>Ban hành kèm theo Quyết định số 882/QĐ-ĐHL ngày 09/7/2018 của Hiệu trưởng trường ĐH Luật Tp. HCM</i>).</p>
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra	<p>Tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh, sinh viên được cấp bằng cử nhân ngành Quản trị kinh doanh và có thể học nâng cao trình độ sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) ngành Quản trị kinh doanh.</p>

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo Đại học Chính quy
trường		
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<p>Trong quá trình học tập tại Trường ĐH Luật Tp. HCM, ngoài kiến thức chuyên môn đã được trang bị đầy đủ và chất lượng, từ năm 2016, sinh viên sẽ được bố trí học thêm 03 tín chỉ “Kỹ năng mềm - Kỹ năng làm việc chuyên nghiệp” (do Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo GBI Quốc tế thực hiện). Vì vậy, sau khi tốt nghiệp với kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sẽ có cơ hội lớn trong việc tìm kiếm việc làm và phát triển nghề nghiệp của mình trong tương lai.</p> <p>Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh được cấp bằng Quản trị kinh doanh, có thể làm việc tại các mảng công việc: Dịch vụ công cộng, Thương mại, Kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh, Tư vấn quản trị, Tư vấn luật kinh doanh; Các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính trong và ngoài nước, các hiệp hội ngành nghề, các công ty tư vấn. Với vị trí công việc: Chuyên viên và lãnh đạo các phòng chức năng trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh; Chuyên viên pháp lý (<i>soạn thảo văn bản, biên bản, hợp đồng.v.v ...</i>), cố vấn pháp lý trong các doanh nghiệp, các ngân hàng, các tổ chức tài chính; Chuyên viên hoặc bộ phận Kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp; Chuyên viên tư vấn tại các công ty tư vấn luật, tư vấn quản trị trong và ngoài nước; Công chức tại các đơn vị hành chính sự nghiệp; Có khả năng tự khởi nghiệp như thành lập doanh nghiệp với vai trò người chủ và người quản lý.</p>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Hoàng Hải

Biểu mẫu 17f-Hệ đào tạo cử nhân Ngành Ngôn ngữ Anh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM**

THÔNG BÁO

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường Đại học Luật Tp.HCM năm học
2018-2019, ngành: Ngôn ngữ Anh, chính quy**

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo Đại học Chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Vùng tuyển: Trong cả nước - Tổ hợp môn xét tuyển: D₀₁, D₁₄, D₆₆, D₈₄; - Điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh, ngày thi, môn thi, điểm trúng tuyển: Thực hiện theo Quy chế Tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy, ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017; đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01/3/2018 và Thông tư 02/2019/TT-BGDĐT ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh riêng của Trường ĐH Luật Tp. HCM.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>2.1. Mục tiêu kiến thức</p> <p>2.2.1. Kiến thức chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hiểu biết sâu sắc về chủ nghĩa Mác-Lênin; Đường lối cách mạng Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; - Có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành Ngôn ngữ Anh chuyên ngành Anh văn pháp lý như Lý luận về Nhà nước và pháp luật, Lôgic học, Văn học Anh - Mỹ và Văn hóa Anh - Mỹ; - Có các kiến thức về luật như luật dân sự, hành chính, thương mại, quốc tế. - Nắm vững kiến thức chung về ngôn ngữ, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Kiến thức về tiếng Việt: Ôn luyện và hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về tiếng Việt (rèn luyện các kỹ năng về chính tả, dùng từ, viết câu; góp phần củng cố và phát triển các kỹ năng thực hành tiếng Việt ở mức độ cao); giúp sinh viên có khả năng sử dụng chuẩn xác tiếng Việt (kỹ năng ghi chép bài giảng, bài nói, kỹ năng tóm tắt, kỹ năng tổng thuật qua nghe nói hoặc đọc văn bản, kỹ năng xây dựng văn bản, bố cục văn bản, viết đoạn văn, chuyển ý, chuyển đoạn .v.v...); + Kiến thức về ngôn ngữ học: những kiến thức cơ bản về bản chất của ngôn ngữ loài người, về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, giữa ngôn ngữ và tư duy; cung cấp những kiến thức chung về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ dụng để hiểu tiếng Anh và làm cơ sở để đối chiếu ngôn ngữ; + Kiến thức về ngôn ngữ học đối chiếu: những kiến thức lý thuyết để so sánh đối chiếu tiếng mẹ đẻ với tiếng Anh nhằm hiểu sâu hơn cả hai ngôn ngữ; cung cấp các thao tác cụ thể được sử dụng trong quá trình so sánh đối chiếu ngôn ngữ. <p>2.2.2. Kiến thức chuyên sâu:</p> <p>Ngoài kiến thức chung, sinh viên có thêm các kiến thức chuyên sâu trong các</p>

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo Đại học Chính quy
		<p>lĩnh vực ngôn ngữ chuyên ngành pháp lý như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức về ngữ âm học tiếng Anh: Những thuật ngữ cần thiết cho việc miêu tả âm thanh, lời nói và ký hiệu phiên âm tiếng Anh; những đặc điểm cơ bản của phụ âm và nguyên âm tiếng Anh; các quy luật biến đổi của âm vị tiếng Anh nhằm giúp sinh viên phát triển năng lực phát âm tốt và khả năng tự sửa âm cho bản thân. Sinh viên có thể tự hoàn thiện phát âm của bản thân, phát triển khả năng giao tiếp tiếng Anh và tạo tiền đề cho việc tự nghiên cứu một số vấn đề cụ thể trong lĩnh vực này; - Kiến thức cơ bản về ngữ pháp học tiếng Anh: những hiểu biết cơ bản ở mức độ dẫn luận về ngữ pháp trong phạm vi từ pháp học và một số phương pháp nghiên cứu ngữ pháp tương ứng để giúp họ có một kiến thức nhất định trong việc nghiên cứu ngôn ngữ. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng phân tích và đánh giá về một số vấn đề có liên quan; - Kiến thức về Ngữ nghĩa học tiếng Anh: những hiểu biết cơ bản về ngữ nghĩa học, bao gồm: kiến thức về nghĩa và các phương pháp nghiên cứu ngữ nghĩa học để họ có những kiến thức nhất định trong việc giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ. Phát triển năng lực nghiên cứu, bước đầu biết đánh giá phê phán một số lý thuyết ngữ nghĩa học và phát triển một số thủ pháp nghiên cứu ngữ nghĩa học cụ thể. Nội dung gồm: khái niệm cơ bản về nghĩa, phương pháp phân tích thành tố nghĩa; các cách nhìn truyền thống về ý nghĩa từ vựng và ý nghĩa ngữ pháp, cũng như các kiến giải truyền thống về hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm .v.v...; các quan hệ ý (sense relations); quan niệm về mệnh đề và cú pháp logic; ý nghĩa của câu và của phát ngôn (bao gồm cả các cách nhìn nhận về hàm ngôn, tiền giả định .v.v...); kỹ năng và phương pháp nghiên cứu đối với một số vấn đề cụ thể; khả năng tư duy và phê phán và bước đầu biết đánh giá các vấn đề của ngữ nghĩa học; - Kiến thức về tiếng Anh pháp lý: các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết pháp lý liên quan đến các lĩnh vực như luật bất động sản, các lĩnh vực hành nghề của một công ty luật, hiểu một hợp đồng cho thuê; luật sở hữu trí tuệ, bằng sáng chế về giải pháp kinh doanh, luật về nhãn hiệu; công cụ giao dịch thanh toán, lệnh phiếu, việc xây dựng luật điều phối các công cụ giao dịch điện tử; các giao dịch bảo đảm, thư tín nội bộ; con nợ - chủ nợ, luật phá sản, những cơ hội nghề nghiệp từ các vụ phá sản; luật cạnh tranh, các hoạt động chống cạnh tranh, những thay đổi về quy định sáp nhập công ty; - Kiến thức về ngữ pháp và kỹ năng soạn thảo các văn bản pháp lý: các điểm ngữ pháp được sử dụng phổ biến trong các lĩnh vực pháp lý; các kỹ năng soạn thảo tài liệu, văn bản cần thiết cho việc hoạt động nghề nghiệp sau này. Ví dụ như: lý thuyết về kỹ năng soạn thảo tài liệu, văn bản pháp lý như các bước để viết một văn bản pháp lý, cách trình bày một văn bản pháp lý, đạo đức trong soạn thảo văn bản pháp lý, cách lựa chọn thuật ngữ pháp lý tránh gây nhầm lẫn và hậu quả pháp lý, Sinh viên cũng được thực hành viết các loại văn bản, tài liệu pháp lý như soạn thư báo giá, bảng liệt kê các tài liệu, công việc phải làm cho một vụ việc hay vụ án, soạn thảo hợp đồng. - Kiến thức về thuật ngữ pháp lý: các thuật ngữ chuyên ngành luật được sử dụng phổ biến trong một số lĩnh vực pháp lý như dân sự, thương mại, hình

TT	Nội dung
	<p style="text-align: center;">Trình độ đào tạo Đại học Chính quy</p> <p>sự, hành chính, quốc tế. Môn học này sẽ giúp sinh viên biết cách dùng các thuật ngữ pháp lý phổ biến nhất trong các lĩnh vực pháp luật nói trên. Sinh viên nắm được nghĩa và cách dùng các thuật ngữ trong ngữ cảnh phù hợp. Sinh viên cũng có cơ hội so sánh các thuật ngữ pháp lý của các quốc gia theo hệ thống thông luật với thuật ngữ pháp lý của Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức về Biên phiên dịch pháp lý: dịch từ Anh sang Việt và từ Việt sang Anh chính xác và lưu loát các loại văn bản hành chính, thư tín, tài liệu, văn bản pháp lý, hợp đồng trong các lĩnh vực như: dân sự, thương mại, quốc tế. Sinh viên được cung cấp các cấu trúc ngữ pháp pháp lý, các mẫu, dạng tài liệu pháp lý. Ngoài ra, sinh viên cũng được cung cấp từ vựng pháp lý bằng tiếng Anh và tiếng Việt, phương pháp tra cứu từ vựng bằng tự điển chuyên ngành và trên các website chuyên ngành. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng hợp tác, làm việc theo nhóm trong biên dịch. <p>2.2. Kỹ năng</p> <p>2.2.1. Kỹ năng cứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo; Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong môi trường pháp lý; Kỹ năng biên, phiên dịch các văn bản pháp lý; Kỹ năng tra cứu, chọn lọc thuật ngữ pháp lý; Nhận thức, phân tích, đánh giá đúng các vấn đề pháp lý; Kỹ năng nghiên cứu và lập luận; Kỹ năng phân tích luật; - Biết cách tra cứu các văn bản pháp luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn; - Tự cập nhật các kiến thức pháp luật mới và thực tiễn áp dụng. <p>2.2.2. Kỹ năng mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng làm việc độc lập, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo; Có kỹ năng làm việc nhóm; - Có khả năng giao tiếp, trình bày và truyền thông; tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu; - Có kỹ năng viết và trình bày rõ ràng một vấn đề, làm báo cáo một cách thuần thục; - Có khả năng thích ứng với môi trường công việc trong nước và quốc tế luôn có sự biến động (đối với Sinh viên Lớp chất lượng cao). <p>2.3. Thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, khách quan; - Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội, có đạo đức tốt, có lòng nhân ái; - Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội; - Có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; - Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học. Kết hợp giữa thực tiễn và

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo Đại học Chính quy
		<p>lý thuyết, đúc kết kinh nghiệm để giải quyết vấn đề ngày một hiệu quả cao;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe. <p>2.4. Trình độ ngoại ngữ:</p> <p>2.4.1. Các khóa tuyển sinh trước năm 2015: Khi tốt nghiệp ra trường phải đạt trình độ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếng Anh: đạt từ 6,5 IELTS trở lên; - Ngoại ngữ thứ 2: có một trong năm thứ tiếng đạt trình độ: <ul style="list-style-type: none"> + Tiếng Pháp: đạt từ DELF A2 trở lên; + Tiếng Nhật: đạt từ JLPT N4 trở lên; + Tiếng Nga: đạt từ TRKI 1 trở lên; + Tiếng Trung: đạt từ HSK 3 trở lên; + Tiếng Đức: đạt từ ZD trở lên. + Nếu sinh viên không đạt năng lực Ngoại ngữ thứ 2 của một trong năm thứ tiếng theo quy định nêu trên thì chuẩn trình độ tiếng Anh phải đạt từ 7,0 IELTS trở lên. <p>2.4.2. Các khóa tuyển sinh từ năm 2016 trở về sau: Khi tốt nghiệp ra trường phải đạt trình độ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếng Anh: đạt từ 7,0 IELTS trở lên; - Ngoại ngữ thứ 2: có một trong năm thứ tiếng đạt trình độ: <ul style="list-style-type: none"> + Tiếng Pháp: đạt từ DELF A2 trở lên; + Tiếng Nhật: đạt từ JLPT N4 trở lên; + Tiếng Nga: đạt từ TRKI 1 trở lên; + Tiếng Trung: đạt từ HSK 3 trở lên; + Tiếng Đức: đạt từ ZD trở lên. + Nếu sinh viên không đạt năng lực Ngoại ngữ thứ 2 của một trong năm thứ tiếng theo quy định nêu trên thì chuẩn trình độ tiếng Anh phải đạt từ 7,5 IELTS trở lên.
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>Trong thời gian theo học và sau khi tốt nghiệp, người học được Nhà trường quan tâm, hỗ trợ bằng các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và đăng tải các thông tin tuyển dụng từ các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển sinh viên của Trường vào làm việc tại bảng tin của Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp và hỗ trợ sinh viên và trên website của Trường để những sinh viên có nhu cầu tìm việc làm theo dõi; - Thống kê kết quả học tập của sinh viên theo từng học kỳ, theo năm học để thông tin tới sinh viên theo dõi tiến độ học tập của mình; cảnh báo học vụ đối với những sinh viên có kết quả học tập yếu hàng năm, thông báo kết quả học tập của từng sinh viên về cho gia đình để có cơ sở nắm bắt, động viên con em học tập theo đúng tiến độ thời gian đào tạo đúng với Quy chế, quy định đào tạo. - Tổ chức tuần sinh hoạt công dân - học sinh để cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, điều

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo Đại học Chính quy
		<p>kiện dự thi kết thúc từng học phần hoặc môn học và các văn bản có liên quan khác cho SV năm thứ nhất mới nhập học;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị đầu năm để sinh viên hiểu rõ tình hình chính trị, về đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật nhà nước; các quy định của Trường Đại Luật TP. Hồ Chí Minh cho toàn bộ sinh viên; các thông tin liên quan đến tình hình của Trường, các thay đổi về chương trình và kế hoạch đào tạo, các chế độ chính sách xã hội đối với sinh viên; - Dành một phần kinh phí cho việc hỗ trợ sinh viên NCKH. Hàng năm, Nhà trường đều có tổ chức Hội thi sinh viên NCKH để tạo môi trường và động lực, thúc đẩy sinh viên tham gia NCKH, đồng thời có hình thức khích, khen thưởng đối với những sinh viên có đề tài đạt kết quả cao; - Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao cho sinh viên; - Phối hợp với chính quyền và công an nơi các cơ sở của Trường có hoạt động để xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên; - Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên; - Dựa vào các văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và liên Bộ, hướng dẫn của Trường để giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho sinh viên đặc biệt là sinh viên diện chính sách, con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp khác đều được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng; - Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời; - Hỗ trợ sinh viên các hoạt động thể dục thể thao như thuê các sân thể dục, thể thao cho sinh viên học và sử dụng; - Sinh viên được sử dụng Thư viện hiện đại, với số lượng tài liệu phong phú về chủng loại (cả tài liệu in và tài liệu số), ngày càng tạo thuận lợi cho sinh viên tự học và tự nghiên cứu. <p>* Đặc biệt: Sau khi tốt nghiệp và được cấp bằng cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh của Trường ĐH Luật Tp. HCM, nếu có nguyện vọng theo học chương trình văn bằng 2 hệ chính quy ngành Luật, sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh sẽ được xét tuyển thẳng vào học mà không cần phải thi tuyển sinh đầu vào. Các học phần đã học ở văn bằng 1 nếu đáp ứng điều kiện theo quy định sẽ được xét chuyển điểm.</p>
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện đối với ngành Ngôn ngữ Anh hiện tại có 01 chương trình (<i>Ban hành kèm theo Quyết định số 855 /QĐ-ĐHL, ngày 27 tháng 5 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật Tp. HCM</i>).
V	Khả năng học tập, nâng cao	Tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh, sinh viên được cấp bằng cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh và có thể học nâng cao trình độ sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) ngành Ngôn ngữ Anh.

TT	Nội dung	Trình độ đào tạo Đại học Chính quy
	trình độ sau khi ra trường	
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<p>Trong quá trình học tập tại Trường ĐH Luật Tp. HCM, ngoài kiến thức chuyên môn đã được trang bị đầy đủ và chất lượng, từ năm 2016, sinh viên sẽ được bố trí học thêm 03 tín chỉ “Kỹ năng mềm - Kỹ năng làm việc chuyên nghiệp” (do Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo GBI Quốc tế thực hiện). Vì vậy, sau khi tốt nghiệp với kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sẽ có cơ hội lớn trong việc tìm kiếm việc làm và phát triển nghề nghiệp của mình trong tương lai.</p> <p>Sau khi tốt nghiệp, sinh viên ngành ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh văn pháp lý có thể làm việc trong các lĩnh vực đòi hỏi kiến thức tổng hợp tiếng Anh và Luật, như: dịch thuật, dịch vụ công cộng, công ty, thương mại/ kinh doanh quốc tế, làm luật sư tư vấn và tranh tụng trong các tranh chấp thương mại quốc tế. Với khối kiến thức đa dạng, phong phú, các cử nhân tốt nghiệp ngành này có nhiều thuận lợi khi làm việc tại các hiệp hội ngành nghề, các loại hình công ty trong và ngoài nước và đặc biệt là góp phần đáng kể vào việc nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh vẫn còn hạn chế của đa số cử nhân luật làm trong các cơ quan tư pháp và hỗ trợ tư pháp. Ngoài ra, với khối kiến thức ngôn ngữ, văn hóa - văn học Anh, Mỹ được trang bị, người học có thể làm giảng viên tại các cơ sở giáo dục có đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, sau khi học và được cấp Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.</p> <p>Bên cạnh đó, sau khi đạt trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường ĐH Luật Tp. HCM, người học được học lên ở các bậc học cao hơn tại các cơ sở giáo dục có đào tạo chuyên ngành ngôn ngữ Anh trình độ thạc sỹ, tiến sỹ, theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Hoàng Hải

Biểu mẫu 18

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Luật Tp.HCM
năm học 2018-2019**

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiên sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy (VB1+VB2)	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số	93	1349	7879	2844				
1	Khối ngành III	93	1349	7631 (trong đó: VB1: 6602; VB2: 1029)	2844				
2	Khối ngành VII			248					

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số	2409	X	46	1192	
1	Khối ngành III	1393 (Sinh viên Khóa 38)	1	127	1164	Năm 2017 (Khóa 37): Luật: 89,9% SVTN được khảo sát có việc làm; Quản trị Luật: 94,4 %; QTKD: 94,0%., Năm 2018 (Khóa 38): Luật: 93,0% SVTN được khảo sát có việc làm; Quản trị Luật: 97,0 %; QTKD: 96,0%.
		1823 (SV không chính quy)			27 (SV không chính quy)	
2	Khối ngành VII	21	0	3	18	Năm 2018 (Khóa 38): Ngôn ngữ Anh: 96,0%

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

1. **Trình độ đại học:** <http://hcmulaw.edu.vn/vi/ba-cong-khai/cong-khai-chat-luong-dao-tao-nam-2018-2019>

2. **Trình độ sau đại học:** <http://daotao.hcmulaw.edu.vn/Default.aspx?TopicId=0e151244-116e-469e-bdb1-1d9b842a1eda>

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn (GT: Giáo trình; TBG: Tập bài giảng)

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Giáo trình bầu cử trong nhà nước và pháp quyền Việt Nam.	2017	
2	Giáo trình công pháp quốc tế : Phần 1	2019	
3	Giáo trình công pháp quốc tế: Phần 2	2019	
4	Giáo trình kỹ năng nghiên cứu và lập luận	2018	Đang sửa đổi bổ sung
5	Giáo trình kỹ thuật soạn thảo văn bản	2019	
6	Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới	2018	
7	Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	2018	
8	Giáo trình luật đất đai	2018	
9	Giáo trình luật hành chính Việt Nam	2019	
10	Giáo trình luật hiến pháp Việt Nam	2019	
11	Giáo trình luật hình sự: phần các tội phạm : Quyển 1	2017	Đang sửa đổi bổ sung
12	Giáo trình luật hình sự: phần các tội phạm : Quyển 2	2017	Đang sửa đổi bổ sung
13	Giáo trình luật hình sự: phần chung	2019	
14	Giáo trình luật hôn nhân gia đình Việt Nam	2018	
15	Giáo trình luật lao động	2018	
16	Giáo trình luật sở hữu trí tuệ	2018	Đang sửa đổi bổ sung
17	Giáo trình luật thuế	2019	
18	Giáo trình luật thương mại quốc tế: phần 1	2019	
19	Giáo trình luật thương mại quốc tế: phần 2	2019	
20	Giáo trình luật tổ tụng dân sự Việt Nam	2019	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
21	Giáo trình luật tổ tụng hành chính	2019	
22	Giáo trình ngân hàng	2019	
23	Giáo trình những quy định chung về luật dân sự	2019	
24	Giáo trình pháp luật hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	2019	
25	Giáo trình pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại	2018	
26	Giáo trình pháp luật về chủ thể kinh doanh	2019	
27	Giáo trình pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế	2019	
28	Giáo trình pháp luật về thương mại hàng hoá và dịch vụ	2019	
29	Giáo trình tâm lý học đại cương	2019	
30	Giáo trình tổ tụng hình sự Việt Nam	2018	
31	Giáo trình tội phạm học	2019	
32	Giáo trình tư pháp quốc tế	2019	
33	Giáo trình xã hội học đại cương	2019	
34	TBG đại cương văn hóa Việt Nam	2018	
35	TBG giám định pháp y	2016	
36	TBG lịch sử văn minh thế giới	2015	
37	TBG Logic học	2018	
38	TBG lý luận về nhà nước	2019	
39	TBG lý luận về pháp luật	2019	

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
1	TS	Thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan điều tra và điều tra viên trong tổ tụng hình sự	Bùi Thế Tinh	PGS.TS. Trần Văn Độ	Lý luận về thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan điều tra và điều tra viên trong tổ tụng hình sự. PL TTHSVN về thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan điều tra và điều tra viên và thực tiễn thực hiện

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		VN			
2	TS	Khởi tố vụ án trong tố tụng hình sự VN	Phạm Thái	PGS.TS. Trần Văn Độ	Những vấn đề lý luận về khởi tố vụ án hình sự. Quy định của bộ luật TTHS năm 2003 và bộ luật TTHS năm 2015 về khởi tố vụ án hình sự
3	TS	PL về bảo đảm an toàn trong hoạt động cấp tín dụng của các ngân hàng TM VN	Nguyễn Xuân Bang	PGS.TS. Nguyễn Văn Vân; PGS.TS. Bùi Xuân Hải	Tổng quan về vấn đề nghiên cứu. Những vấn đề lý luận của PL về bảo đảm an toàn trong hoạt động cấp tín dụng của các ngân hàng TM. Thực trạng PL về bảo đảm an toàn trong hoạt động cấp tín dụng của các ngân hàng TM VN
4	TS	Chức năng tạo lập và áp dụng án lệ của tòa án	Đỗ Thanh Trung	PGS.TS. Nguyễn Cảnh Hợp; PGS.TS. Đỗ Văn Đại	Những vấn đề lý luận về chức năng tạo lập và áp dụng án lệ của tòa án. Chức năng tạo lập án lệ của tòa án ở VN và hướng hoàn thiện. Chức năng áp dụng án lệ của tòa án ở VN và hướng hoàn thiện
5	TS	PL điều chỉnh hoạt động kinh doanh dịch vụ của công ty chứng khoán	Phan Phương Nam	PGS.TS. Bùi Xuân Hải; PGS.TS. Nguyễn Văn Vân	Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu. Một số vấn đề lý luận về hoạt động kinh doanh dịch vụ của công ty chứng khoán và PL điều chỉnh hoạt động kinh doanh dịch vụ của công ty chứng khoán. Thực trạng PL điều chỉnh hoạt động kinh doanh dịch vụ của công ty chứng khoán VN. Định hướng và giải pháp hoàn thiện PL điều chỉnh hoạt động kinh doanh dịch vụ của công ty chứng khoán tại VN
6	TS	Các nguyên tắc cơ bản trong hiệp định GATS và việc thực thi ở VN	Đào Thị Thu Hằng	GS.TS. Mai Hồng Quý	Tổng quan về những vấn đề nghiên cứu của luận án. Cơ sở lý luận về nguyên tắc cơ bản của GATS. Những vấn đề pháp lý trong thực thi các nguyên tắc cơ bản của GATS qua thực tiễn giải quyết tranh chấp của WTO. Đánh giá việc VN thực thi các nguyên tắc cơ bản của GATS và một số khuyến nghị đảm bảo yêu cầu tuân thủ
7	TS	Giải quyết tranh chấp kinh doanh TM có yếu tố nước ngoài tại toà	Phan Hoài Nam	GS.TS. Nguyễn Thị Mơ; PGS.TS. Thomas Hoffmann	Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết của đề tài. Những vấn đề lý luận về giải quyết tranh chấp kinh doanh TM có yếu tố nước ngoài tại toà án VN. Thẩm quyền của toà án VN đối với việc tranh chấp kinh

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		án VN			doanh TM có yếu tố nước ngoài. PL áp dụng đối với việc giải quyết tranh chấp kinh doanh TM có yếu tố nước ngoài tại toà án VN
8	TS	Quyền lựa chọn PL trong hoạt động kinh doanh TM	Nguyễn Đức Vinh	PGS.TS. Đỗ Văn Đại	Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết của đề tài nghiên cứu. Những vấn đề lý luận về quyền lựa chọn PL trong hoạt động kinh doanh TM có yếu tố nước ngoài. Quyền lựa chọn PL trong hoạt động kinh doanh TM có yếu tố nước ngoài phát sinh từ hợp đồng. Quyền lựa chọn PL trong hoạt động kinh doanh TM có yếu tố nước ngoài phát sinh ngoài hợp đồng
9	TS	Mối quan hệ giữa lập pháp và hành pháp trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa	Nguyễn Mạnh Hùng	GS.TS. Nguyễn Đăng Dung	Tổng quan về các vấn đề nghiên cứu của luận án. Cơ sở lý luận về mối quan hệ giữa lập pháp và hành pháp trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa VN. Thực trạng các quy định và thực hiện các quy định của PL về mối quan hệ giữa lập pháp và hành pháp ở VN. Quan điểm và giải pháp hoàn thiện quy định của PL về mối quan hệ giữa lập pháp và hành pháp đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa VN
10	TS	Nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền theo PL môi trường VN	Võ Trung Tín	PGS.TS. Phạm Hữu Nghị	Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết của đề tài. Những vấn đề lý luận về nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền. Thực hiện nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền theo PL VN. Nhu cầu, định hướng và giải pháp hoàn thiện PL môi trường VN nhằm đảm bảo thực hiện nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền
11	TS	Hình phạt chính không giam giữ trong luật hình sự VN	Nguyễn Thị Ánh Hồng	TS. Trần Thị Quang Vinh; PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Hoa	Lý luận về hình phạt chính không giam giữ. Quy định của PL hình sự VN và thực tiễn áp dụng các hình phạt chính không giam giữ. Kinh nghiệm của PL hình sự QT và một số nước về hình phạt chính không giam giữ. Kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của PL hình sự và nâng cao hiệu quả áp dụng các hình phạt chính

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
					không giam giữ
12	TS	PL VN về hợp đồng cho vay trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng	Lương Khải Ân	PGS.TS. Nguyễn Văn Vân; PGS.TS. Phan Huy Hồng	Tổng quan về vấn đề nghiên cứu. Cơ sở lý luận về hợp đồng cho vay và PL hợp đồng cho vay trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng. Thực trạng PL VN về hợp đồng cho vay trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng. Kiến nghị các giải pháp hoàn thiện áp dụng và xây dựng PL VN về hợp đồng cho vay trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng
13	TS	Điều chỉnh PL đối với thương lượng tập thể trong doanh nghiệp tại VN	Nguyễn Thị Bích	PGS.TS. Trần Hoàng Hải	Tổng quan tình hình nghiên cứu PL về thương lượng tập thể trong doanh nghiệp. Những vấn đề chung về thương lượng tập thể trong doanh nghiệp và điều chỉnh bằng PL đối với thương lượng tập thể trong doanh nghiệp. Chủ thể thương lượng tập thể trong doanh nghiệp theo quy định của PL VN hiện hành và thực tiễn thực hiện
14	TS	PL về hoạt động sử dụng vốn của ngân hàng TM VN	Nguyễn Kiên Bích Tuyên	PGS.TS. Nguyễn Văn Vân; TS. Phan Ngọc Minh	PL về hoạt động sử dụng vốn và điều chỉnh PL đối với hoạt động sử dụng vốn của ngân hàng TM. PL VN về hoạt động sử dụng vốn của ngân hàng TM VN để đầu tư. PL về hoạt động sử dụng vốn của ngân hàng TM VN qua hoạt động cấp tín dụng
15	TS	PL về kiểm soát các thoả thuận sử dụng giá để hạn chế cạnh tranh	Phạm Hoài Huân	TS. Trần Hoàng Nga; PGS.TS. Trần Việt Dũng	Về tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý thuyết. Những vấn đề lý luận về kiểm soát các thoả thuận sử dụng giá để hạn chế cạnh tranh. Thực trạng của PL kiểm soát thoả thuận sử dụng giá để hạn chế cạnh tranh tại VN. Định hướng và giải pháp hoàn thiện PL về kiểm soát các thoả thuận sử dụng giá để hạn chế cạnh tranh
16	TS	Thi hành án phạt tù đối với phạm nhân là người chưa thành niên trong PL thi hành án hình	Nguyễn Quang Vũ	PGS.TS. Hoàng Thị Minh Sơn	Những vấn đề lý luận về thi hành án phạt tù đối với phạm nhân là người chưa thành niên và những kinh nghiệm QT. PL và thực trạng áp dụng PL về thi hành án phạt tù đối với phạm nhân là người chưa thành niên ở VN. Giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành án phạt tù đối với phạm nhân là

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		sự VN			người chưa thành niên
1	ThS	Hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai theo PL VN	Nguyễn Thị Khánh Ngân	TS. Lê Minh Hùng	Những vấn đề cơ bản về hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai theo PL VN. Bất cập của PL VN về hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai và kiến nghị hoàn thiện
2	ThS	Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản theo quy định của PL dân sự VN	Nguyễn Huy Hoàng	TS. Lê Minh Hùng	Những vấn đề cơ bản về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi. Điều kiện xác định hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Hệ quả pháp lý khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản
3	ThS	Chế độ hợp đồng làm việc của viên chức	Đoàn Xuân Quang	PGS.TS Nguyễn Cảnh Hợp	Cơ sở lý luận và pháp lý về hợp đồng làm việc của viên chức. Bất cập trong quy định PL về hợp đồng làm việc của viên chức và giải pháp hoàn thiện
4	ThS	Thủ tục tố tụng hình sự đối với người bị buộc tội dưới 18 tuổi: nghiên cứu so sánh và kinh nghiệm cho VN	Nguyễn Phương Thảo	TS. Lê Huỳnh Tấn Duy	Khung pháp lý của Liên Hợp Quốc về tư pháp hình sự đối với người chưa thành niên bị buộc tội. PL Thái Lan về thủ tục điều tra, xét xử đối với người chưa thành niên bị buộc tội. PL VN về thủ tục điều tra, xét xử đối với người dưới 18 tuổi bị buộc tội và những kiến nghị hoàn thiện
5	ThS	Kiểm soát của lập pháp đối với hành pháp ở Việt Nam	Trương Thị Minh Thùy	PGS.TS. Vũ Văn Nhiêm	Cơ sở pháp lý về kiểm soát của lập pháp đối với hành pháp. Kiểm soát của lập pháp đối với hành pháp trong các bản hiến pháp VN, thực trạng và kiến nghị hoàn thiện
6	ThS	Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo luật hình sự VN	Lưu Thanh Thảo	TS. Lê Tường Vy	Một số vấn đề chung về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Thực tiễn áp dụng và kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong luật hình sự Việt Nam
7	ThS	Biện pháp bảo lãnh: nghiên cứu so sánh PL	Nguyễn Sơn Phước	PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Hoa	Những vấn đề lý luận về biện pháp bảo lãnh trong tố tụng hình sự. So sánh quy định của bộ luật TTHSVN và PL TTHS Anh về biện pháp bảo

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		tổ tụng hình sự Anh và kinh nghiệm cho Việt Nam			lĩnh. Kiến nghị hoàn thiện quy định về biện pháp bảo lĩnh trong luật TTHSViệt Nam trên cơ sở so sánh với PL TTHScủa Anh
8	ThS	Bồi thường khoản lợi nhuận bị bỏ lỡ theo công ước viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa QT	Phạm Ánh Dương	PGS.TS. Hà Thị Thanh Bình	Nội dung đề tài bao gồm các chương sau: Chương 1: Khái quát về bồi thường thiệt hại và bồi thường khoản lợi nhuận bị bỏ lỡ theo công ước viên 1980 ; Chương II: Xác định khoản lợi nhuận bị bỏ lỡ theo công ước viên 1980 và thực tiễn áp dụng
9	ThS	Quyền của người nộp thuế trong quan hệ PL thuế	Nguyễn Trung Dương	PGS.TS. Nguyễn Thị Thủy	Nội dung đề tài bao gồm các chương sau: Chương 1: Lý luận về quyền của người nộp thuế trong quan hệ PL thuế ; Chương II: Quy định PL về quyền của người nộp thuế - bất cập và hướng hoàn thiện
10	ThS	Hình phạt tiền là hình phạt chính đối với người phạm tội trong luật Hình sự VN	Hoàng Thị Hoài	TS. Phan Anh Tuấn	Nội dung đề tài bao gồm các chương sau: Chương 1: Những vấn đề chung về hình phạt tiền trong luật hình sự VN ; Chương II: Hình phạt tiền là hình phạt chính đối với người phạm tội theo quy định của bộ luật Hình sự hiện hành ; Chương III: Thực tiễn áp dụng PL hình sự và kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định về hình phạt tiền trong luật Hình sự VN
11	ThS	Nghĩa vụ công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước	Tô Hồng Dung	PGS.TS. Phan Huy Hồng	Nội dung luận văn gồm: Chương 1. Các vấn đề chung về nghĩa vụ công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước; Chương 2. Thực trạng PL về nghĩa vụ công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước; Chương 3. Một số kiến nghị hoàn thiện PL về nghĩa vụ công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước
12	ThS	Xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về quảng cáo	Nguyễn Thị Minh Hải	PGS.TS. Nguyễn Cảnh Hợp	Đề tài bao gồm 2 chương. Chương 1: Cơ sở lý luận pháp lý về xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cầm quảng cáo. Chương 2: Thực trạng xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cấm quảng cáo			vi phạm quy định về quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cấm quảng cáo và một số kiến nghị hoàn thiện
13	ThS	Quản lý nhà nước về hạ tầng kỹ thuật đô thị tại các đô thị loại I thuộc tỉnh	Ngô Khắc Thịnh	TS. Phan Nhật Thanh	Đề tài bao gồm 2 chương. Chương 1: Cơ sở lý luận và pháp lý của quản lý nhà nước về hạ tầng kỹ thuật đô thị tại đô thị loại I thuộc tỉnh. Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước đối với hạ tầng kỹ thuật đô thị của chính quyền địa phương ở đô thị loại I thuộc tỉnh, những hạn chế, bất cập và kiến nghị hoàn thiện
14	ThS	Quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với cơ sở giáo dục mầm non (từ thực tiễn Tp. HCM)	Phạm Đức Sơn	TS. Phan Nhật Thanh	Đề tài bao gồm 2 chương. Chương 1: Cơ sở lý luận, pháp lý về quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với cơ sở giáo dục mầm non. Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện (từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh) đối với cơ sở giáo dục mầm non và các giải pháp hoàn thiện
15	ThS	Việc xét xử bị cáo về tội danh khác tội danh Viện kiểm sát truy tố theo luật tố tụng hình sự VN	Nguyễn Việt Thương	TS. Võ Thị Kim Oanh	Xét xử bị cáo về tội danh bằng hoặc nhẹ hơn tội danh Viện kiểm sát truy tố. Xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn tội danh Viện kiểm sát truy tố
16	ThS	Các trường hợp hoãn phiên tòa theo tố tụng hình sự VN	Lê Quý Nhân	TS. Võ Thị Kim Oanh	Các trường hợp hoãn phiên tòa hình sự liên quan đến Viện kiểm sát. Các trường hợp hoãn phiên tòa hình sự liên quan đến người bào chữa
17	ThS	Phòng vệ chính đáng theo luật hình sự VN	Đỗ Trí Hùng	PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Hoa	Luận văn trình bày quy định của PL, thực tiễn áp dụng PL về điều kiện phát sinh quyền phòng vệ chính đáng đồng thời đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện PL
18	ThS	Các biện pháp bảo đảm thi hành bản án,	Nguyễn Thị Hoài Phương	PGS. TS. Nguyễn Cảnh Hợp	Những biện pháp bảo đảm thi hành bản án, quyết định của tòa án trong giải quyết vụ án hành chính. Thực trạng thực hiện và giải pháp hoàn

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		quyết định của toà án trong giải quyết vụ án hành chính			thiện những biện pháp bảo đảm thi hành bản án, quyết định của toà án trong giải quyết vụ án hành chính
19	ThS	Chế độ học tập và được thông tin của nạn nhân theo luật thi hành án hình sự	Phan Thanh Nhã	TS. Lê Huỳnh Tấn Duy	Luận văn trình bày quy định của PL, thực tiễn áp dụng PL về chế độ học tập và quyền được thông tin của phạm nhân, đồng thời đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện PL
20	ThS	Dấu hiệu định tội "Trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh" theo Luật hình sự VN	Nguyễn Thanh Phong	TS. Lê Tường Vy	Luận văn trình bày quy định của PL, thực tiễn áp dụng PL về việc xác định dấu hiệu định tội và áp dụng dấu hiệu định tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh theo quy định của Bộ luật Hình sự 2015, đồng thời đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện
21	ThS	Xác định chi phí hợp lý được bồi thường do tính mạng bị xâm phạm	Lê Thanh Sang	PGS.TS. Đỗ Văn Đại	Chi phí được bồi thường trước khi người có tính mạng bị xâm phạm chết. Chi phí được bồi thường khi người có tính mạng bị xâm phạm chết. Tính hợp lý của những chi phí được bồi thường
22	ThS	Công khai, minh bạch tài sản, thu thập của cán bộ, công chức quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước tại tỉnh Sóc Trăng	Võ Quang Diệu	PGS.TS. Vũ Văn Nhiêm	Luận văn phân tích đối tượng, các loại tài sản, thu nhập và nội dung, hình thức công khai, minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước tại tỉnh Sóc Trăng. Giải trình và xác minh, xử lý vi phạm việc công khai, minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước tại tỉnh Sóc Trăng
23	ThS	PL về kinh doanh dịch vụ quản lý chất thải nguy hại	Trần Linh Huân	TS. Phạm Văn Võ	Luận văn nêu tổng quan về quản lý chất thải nguy hại và PL về kinh doanh dịch vụ quản lý chất thải nguy hại. Thực trạng PL về kinh doanh dịch vụ quản lý chất thải nguy hại và giả pháp hoàn thiện
24	ThS	Tội cướp giật tài sản theo luật	Nguyễn Văn Lộc	TS. Vũ Thị Thúy	Luận văn nêu dấu hiệu định tội của tội cướp giật tài sản. Một số tình tiết định khung hình phạt của tội cướp

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		hình sự VN			giặt tài sản
25	ThS	Thực tiễn áp dụng PL về bán đấu giá tài sản bảo đảm tiền vay tại ngân hàng thông qua thi hành án	Phan Tất Đạt	TS. Phan Thị Thành Dương	Luận văn xây dựng được một công trình nghiên cứu xem xét, nhìn nhận thực tiễn áp dụng PL về bán đấu giá tài sản bảo đảm tại ngân hàng thông qua thi hành án một cách tập trung, độc lập, toàn diện và mang tính thời sự mới nhất nhằm làm cẩm nang cho bất cứ đối tượng nào liên quan
26	ThS	Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã tại tỉnh Sóc Trăng	Trần Hữu Trí	PGS. TS. Phan Nhật Thanh	Tiêu chuẩn, thời gian làm việc của những người hoạt động không chuyên trách cấp xã. Chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã tại tỉnh Sóc Trăng
27	ThS	Hoạt động lấy lời khai người làm chứng trong tố tụng hình sự VN	Võ Mai Phương Trang	TS. Võ Thị Kim Oanh	Luận văn nêu nhận thức chung về hoạt động lấy lời khai người làm chứng. PL thực định về hoạt động lấy lời khai người làm chứng và thực tiễn áp dụng
28	ThS	Việc rút yêu cầu khởi tố của người bị hại theo luật tố tụng hình sự VN	Phạm Chúc Duyên	TS. LS. Nguyễn Hữu Thế Trạch	Nội dung luận văn gồm 2 chương: I. Rút đơn yêu cầu khởi tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra. II. Rút đơn yêu cầu khởi tố trong giai đoạn xét xử
29	ThS	Áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại tỉnh Sóc Trăng	Lưu Hồng Ngọc Hiền	TS. Thái Thị Tuyết Dung	Luận văn nêu thực trạng thực hiện PL về đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và một số kiến nghị. Thực trạng thực hiện PL về thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và một số kiến nghị
30	ThS	Dấu hiệu dùng hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn gây hại cho từ 02 người trở lên trong tội cố ý gây thương tích	Lê Thúy Cầu	TS. Phan Anh Tuấn	Luận văn cho biết dấu hiệu dùng hung khí nguy hiểm, dùng thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người trở lên trong tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo luật hình sự VN			
31	ThS	Quy định quyền bảo vệ môi trường của nhà nước tiếp nhận đầu tư trong khuôn khổ các hiệp định đầu tư QT - kiến nghị cho VN	Ngô Nguyễn Thảo Vy	PGS.TS. Trần Việt Dũng	Luận văn khái quát về quyền bảo vệ môi trường của nhà nước tiếp nhận đầu tư trong PL đầu tư QT. Quy định về quyền bảo vệ môi trường trong các hiệp định đầu tư của VN, so sánh với kinh nghiệm QT
32	ThS	PL về bảo vệ cổ đông thiểu số trong công ty niêm yết	Danh Phạm Mỹ Duyên	PGS.TS. Bùi Xuân Hải	Luận văn nghiên cứu các cơ sở lý luận của việc bảo vệ cổ đông thiểu số trong công ty niêm yết. Phân tích thực trạng các quy định PL về bảo vệ cổ đông thiểu số trong công ty niêm yết và đề xuất kiến nghị hoàn thiện PL về bảo vệ cổ đông thiểu số trong công ty niêm yết
33	ThS	Đòi lại động sản không phải đăng ký quyền sở hữu theo PL dân sự VN	Lê Hữu Khang	TS. Nguyễn Xuân Quang	Luận văn phân tích điều kiện, hệ quả pháp lý của việc đòi lại tài sản là động sản không phải đăng ký quyền sở hữu
34	ThS	Hỏi cung bị can theo luật tố tụng hình sự VN	Võ Minh Đạt	TS. Võ Thị Kim Oanh	Luận văn nêu khái quát về triệu tập bị can theo qui định của luật TTHSVN. Số lần và thời gian hỏi cung bị can
35	ThS	Chế độ gặp thân nhân và chăm sóc y tế của phạm nhân nữ theo luật thi hành án hình sự VN	Nguyễn Hoàng Em	TS. Lê Huỳnh Tấn Duy	Luận văn làm sáng tỏ quy định của PL thi hành án hình sự về chế độ gặp thân nhân và chăm sóc y tế đối với phạm nhân nữ cũng như khảo sát việc áp dụng quy định này trong thực tiễn để chỉ ra những vướng mắc, bất cập còn tồn tại trong quy định của PL thi hành án hình sự và thực tiễn áp dụng
36	ThS	Định tội danh đối với	Mã Quế Khanh	TS. Lê Tường Vy	Luận văn nêu khái quát về định tội danh đối với hành vi của chủ đề, chủ

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		hành vi đánh bạc theo luật hình sự VN			cá độ bóng đá theo luật hình sự VN. Định tội danh đối với hành vi của những người đồng phạm trong mua bán lô đề, cá độ bóng đá
37	ThS	Xử phạt vi phạm hành chính về sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ	Phan Thị Thanh Hiếu	PGS.TS. Phan Nhật Thanh	Luận văn nêu lên những vấn đề lý luận và pháp lý, thực trạng PL và thực hiện PL về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ
38	ThS	Kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm theo Luật tố tụng hình sự VN	Phan Thanh Tinh	TS. Lê Nguyên Thanh	Luận văn nghiên cứu các vấn đề sau: Kiểm sát thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm trong tố tụng hình sự. Kiểm sát việc kiểm tra, xác minh và việc lập hồ sơ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm trong tố tụng hình sự
39	ThS	PL về ưu đãi đối với người hoạt động cách mạng trước ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945	Hồ Chí Thành	TS. Đặng Tất Dũng	Luận văn nêu lên điều kiện xác nhận, chế độ ưu đãi đối với người hoạt động cách mạng trước ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945
40	ThS	Xử lý kỷ luật công chức tại tỉnh Sóc Trăng	Lâm Tiến Thạch	TS. Thái Thị Tuyết Dung	Luận văn nghiên cứu quy định của PL và thực tiễn áp dụng PL về thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật công chức. Tìm hiểu quy định của PL và thực tiễn áp dụng PL về hội đồng kỷ luật công chức và quyết định kỷ luật công chức
41	ThS	Hình thức xử phạt trực xuất trong xử lý vi phạm hành chính	Nguyễn Phương Thảo	TS. Cao Vũ Minh	Luận văn nêu khái quát về cơ sở lý luận và pháp lý của hình thức xử phạt trực xuất. Thực trạng PL và áp dụng PL về hình thức xử phạt trực xuất và các giải pháp hoàn thiện
42	ThS	Nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra	Hồ Quang Chánh	PGS. TS. Nguyễn Cửu Việt	Luận văn gồm 3 chương: I. Những vấn đề chung về nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra hành chính; II. Các quyền hạn cụ thể và nghĩa vụ chuyển hồ sơ vi phạm

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		hành chính			sang cơ quan điều tra của người ra quyết định thanh tra hành chính trong hoạt động thanh tra; III. Nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra hành chính về tổ chức, điều hành đoàn thanh tra trong hoạt động thanh tra
43	ThS	Chế độ học tập, học nghề của phạm nhân theo luật thi hành án hình sự VN	Nguyễn Hải An	TS.LS. Nguyễn Hữu Thế Trạch	Luận văn khái quát về chế độ học nghề của phạm nhân. Chế độ học tập của phạm nhân
44	ThS	Tổ chức pháp chế trong các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu	Lê Phương Linh	PGS.TS. Đỗ Minh Khôi	Luận văn phân tích tổ chức, hoạt động của bộ phận pháp chế trong các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Những kiến nghị, giải pháp
45	ThS	Hình phạt đối với pháp nhân TM phạm tội: nghiên cứu so sánh PL hình sự Canada và kinh nghiệm cho VN	Hồ Thị Ngọc Ánh	TS. Hoàng Thị Tuệ Phương	Luận văn nghiên cứu một số vấn đề lý luận về hình phạt đối với pháp nhân. Hình phạt đối với pháp nhân phạm tội trong luật hình sự Canada. So sánh hình phạt đối với pháp nhân TM phạm tội trong luật hình sự VN với Canada và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện
46	ThS	Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ trong tố tụng dân sự	Nguyễn Hữu Lâm	PGS.TS. Nguyễn Thị Hoài Phương	Luận văn khái quát về hoãn và mở lại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Thủ tục tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ
47	ThS	Biện pháp dẫn giải theo Luật tố tụng hình sự VN	Từ Chí Dũng	TS. Võ Thị Kim Oanh	Luận văn nghiên cứu gồm 2 chương: I. Đối tượng áp dụng biện pháp dẫn giải; II. Căn cứ áp dụng biện pháp dẫn giải
48	ThS	Dấu hiệu hành hung	Nguyễn Ngọc	TS. Phan Anh Tuấn	Luận văn khái quát về phân biệt dấu hiệu "hành hung để tẩu thoát" trong

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		đề tầu thoát trong các tội xâm phạm sở hữu theo luật hình sự VN	Khánh		các tội xâm phạm sở hữu với trường hợp chuyển hóa sang tội cướp tài sản. Định tội danh và định khung hình phạt khi áp dụng dấu hiệu hành hung để tầu thoát trong các tội phạm sở hữu
49	ThS	Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép	Lê Văn Hiền	TS. Cao Vũ Minh	Luận văn đưa ra cơ sở lý luận và pháp lý, thực trạng PL và thực trạng hoạt động xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Một số giải pháp hoàn thiện
50	ThS	PL về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong TM điện tử	Nguyễn Thị Thu Hằng	PGS.TS. Phan Huy Hồng	Luận văn khái quát về những vấn đề lí luận chung về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong TM điện tử. Thực trạng về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong TM điện tử
51	ThS	Giải quyết khiếu nại đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án có bồi thường	Hồ Tuyết Trinh	TS. Cao Vũ Minh	Luận văn nghiên cứu thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án có bồi thường. Phân tích thủ tục giải quyết khiếu nại đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án có bồi thường
52	ThS	Biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp theo Luật tố tụng hình sự VN	Từ Chí Dũng	TS. Lê Huỳnh Tấn Duy	Luận văn gồm 2 chương: I. Căn cứ giữ người trong trường hợp khẩn cấp; II. Thủ tục giữ người trong trường hợp khẩn cấp
53	ThS	PL về kiểm soát khí thải công nghiệp		TS. Lưu Quốc Thái	Những vấn đề chung về kiểm soát khí thải công nghiệp. Thực trạng PL về kiểm soát khí thải công nghiệp tại VN và giải pháp hoàn thiện
54	ThS	Tình tiết giảm nhẹ	Trần Minh	PGS.TS. Nguyễn Thị	Luận văn nêu khái quát về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "phạm

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		trách nhiệm hình sự "Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn" theo luật hình sự VN	Khang	Phuong Hoa	tội nhưng chưa gây thiệt hại". Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn"
55	ThS	Thực tiễn thực thi các quy định về quảng cáo trên truyền hình	Trần Anh Đào	TS. Nguyễn Thị Thu	Luận văn nêu khái quát về thực tiễn thực thi các quy định về thời điểm và thời lượng quảng cáo trên truyền hình. Thực tiễn thực thi các quy định về hình thức và nội dung quảng cáo trên truyền hình
56	ThS	Tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đăng ký đất đai từ thực tiễn tại một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long	Phạm Quốc Nam	PGS.TS. Phan Nhật Thanh	Luận văn nghiên cứu thực tiễn về tổ chức của Văn phòng Đăng ký đất đai và giải pháp hoàn thiện từ thực tiễn tại một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long
57	ThS	Tổ chức và hoạt động của Sở Lao động - Thương binh và XH tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn Thu Sương	PGS.TS. Vũ Văn Nhiêm	Luận văn nêu khái quát về tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng. Hoạt động của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng
58	ThS	Biện pháp bảo đảm quyền được trợ giúp xã hội của người khuyết tật	Lê Thị Thu Trang	PGS.TS. Đỗ Minh Khôi	Luận văn nói về xác định khuyết tật và bảo trợ xã hội. Bảo đảm việc làm và tiếp cận dịch vụ công cộng
59	ThS	Kinh phí bảo trì phân sở hữu chung của nhà chung cư có nhiều chủ sở		PGS. TS. Lê Minh Hùng	Đóng góp kinh phí bảo trì phân sở hữu chung của nhà chung cư có nhiều chủ sở hữu. Quản lý, sử dụng kinh phí bảo trì phân sở hữu chung của nhà chung cư có nhiều chủ sở hữu

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		hữu			
60	ThS	Trách nhiệm của người vận chuyển theo công ước Rotterdam năm 2009 và PL hàng hải VN	Trần Lê Diệu Hy	TS. Đỗ Thị Mai Hạnh	Luận văn nêu tổng quan về trách nhiệm của người vận chuyển trong hoạt động vận tải đường biển theo công ước Rotterdam năm 2009. Trách nhiệm của người vận chuyển theo PL hàng hải VN so với công ước Rotterdam - một số kiến nghị hoàn thiện PL
61	ThS	Tính hợp pháp và tính hợp lý trong văn bản quy phạm PL của UBND tỉnh Sóc Trăng	Đặng Thị Phương Ngọc	PGS.TS. Vũ Văn Nhiêm	Luận văn phân tích tính hợp pháp và tính hợp lý trong hoạt động thẩm định dự thảo, trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm PL của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng
62	ThS	Quy định về tội phạm hóa của công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng: Nghiên cứu so sánh với luật hình sự VN	Lê Văn Anh	TS. Vũ Thị Thúy	Luận văn nêu tổng quan về quy định tội phạm hóa của công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng. Quy định của PL hình sự VN về các tội phạm tham nhũng
63	ThS	Các biện pháp thay thế cho hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội - Nghiên cứu so sánh PL New Zealand và VN		TS. Hoàng Thị Tuệ Phương	Các mô hình tư pháp người chưa thành niên trên thế giới. So sánh quy định của PL New Zealand và VN về các biện pháp thay thế cho hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội. Một số kinh nghiệm của PL New Zealand trong việc quy định biện pháp thay thế cho hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội và kiến nghị đối với VN
64	ThS	Nghĩa vụ chịu án phí dân sự theo PL VN	Nguyễn Hồng Nhân	TS. Nguyễn Văn Tiến	Luận văn nêu lên nghĩa vụ chịu án phí dân sự của đương sự trong các vụ án dân sự không có giá ngạch. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự của đương sự trong

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
					các vụ án dân sự có giá ngạch
65	ThS	Tổ chức và hoạt động của thanh tra huyện - từ thực tiễn tỉnh Cà Mau	Võ Văn Tươi	TS. Cao Vũ Minh	Luận văn nêu khái quát về tổ chức của thanh tra huyện từ thực tiễn tỉnh Cà Mau. Hoạt động của thanh tra huyện từ thực tiễn tỉnh Cà Mau
66	ThS	Quyền hưởng bảo hiểm của người lao động khi doanh nghiệp vi phạm nghĩa vụ thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	Nguyễn Hồng Thắm	PGS.TS. Trần Hoàng Hải	Luận văn nghiên cứu các quy định PL về đối tượng, nghĩa vụ tham gia và điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; đồng thời nghiên cứu thực tiễn áp dụng về điều kiện hưởng các chế độ bảo hiểm của người lao động trong trường hợp doanh nghiệp vi phạm nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Bên cạnh đó đề xuất những kiến nghị hoàn thiện các quy định của PL
67	ThS	Chuẩn bị phạm tội theo luật hình sự VN	Nguyễn Thị Ngọc Trân	PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Hoa	Luận văn nghiên cứu các quy định PL về: Chương I, Những vấn đề lý luận về chuẩn bị phạm tội; Chương II, Quy định của PL hình sự VN và một số nước về chuẩn bị phạm tội; Chương III. Thực tiễn áp dụng PL hình sự về chuẩn bị phạm tội và kiến nghị
68	ThS	Dấu hiệu định tội của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo luật hình sự VN	Huỳnh Thị Diễm Thúy	TS. Vũ Thị Thúy	Luận văn nghiên cứu các quy định PL về: Chương I, Dấu hiệu dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản; Chương II, Dấu hiệu bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản
69	ThS	Quản lý nhà nước đối với các cơ sở bảo trợ xã hội ở VN	Đào Hồng Diễm Hương	PGS.TS. Vũ Văn Nhiêm	Luận văn nghiên cứu các quy định PL về: Chương I, Cơ sở lý luận về quản lý nhà nước đối với các cơ sở bảo trợ xã hội; Chương II, Thực trạng quản lý nhà nước đối với các cơ sở bảo trợ xã hội và giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước đối với các cơ sở bảo trợ xã hội
70	ThS	Quy trình ban hành văn bản quy phạm PL	Phan Thị Phương	TS. Thái Thị Tuyết Dung	Luận văn nghiên cứu các quy định PL về: Chương I, Thực trạng PL về quy trình ban hành văn bản quy phạm PL của hội đồng nhân dân cấp tỉnh và

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		của hội đồng nhân dân cấp tỉnh			một số kiến nghị; Chương II, Thực tiễn áp dụng quy trình ban hành văn bản quy phạm PL của hội đồng nhân dân cấp tỉnh và một số kiến nghị
71	ThS	Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo PL hình sự VN	Nguyễn Thanh Vũ	PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Hoa	Hành vi khách quan của tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Định lượng chất ma túy trong tội tàng trữ trái phép chất ma túy
72	ThS	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh hàng không dân dụng	Dương Hoàng Bích Ngọc	PGS.TS. Đỗ Minh Khôi	Nội dung cuốn luận văn nghiên cứu các vấn đề sau đây: Chương 1. Một số vấn đề lý luận và pháp lý về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh hàng không dân dụng; Chương 2. Thực trạng xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh hàng không dân dụng; Chương 3: Phương hướng, nhu cầu và giải pháp hoàn thiện PL và thực hiện PL về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh hàng không dân dụng
73	ThS	Khiếu nại theo luật tố tụng hình sự VN	Võ Văn Dứt	TS. Lê Nguyễn Thanh	Thẩm quyền giải quyết khiếu nại theo luật TTHSVN. Trình tự, thủ tục tiếp nhận và giải quyết khiếu nại theo luật TTHSVN
74	ThS	Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm quyền lợi của người tiêu dùng	Nguyễn Thị Mai	PGS.TS. Đỗ Văn Đại	Bồi thường thiệt hại do hàng hóa không đảm bảo chất lượng. Bồi thường thiệt hại do hàng hóa không đảm bảo chất lượng gây ra. Bồi thường thiệt hại do lỗi của nhà sản xuất
75	ThS	Căn cứ từ chối, thay đổi người tiến hành tố tụng trong tố tụng dân sự	Xa, Kiều Oanh	TS. Nguyễn Văn Tiến	Nội dung luận văn nghiên cứu các vấn đề sau: Chương 1. Những vấn đề chung về căn cứ từ chối, thay đổi người tiến hành tố tụng trong tố tụng dân sự VN; Chương 2. Thực trạng và một số kiến nghị hoàn thiện PL về căn cứ từ chối, thay đổi người tiến hành tố tụng trong tố tụng dân sự VN
76	ThS	Hợp đồng vi phạm quy định về hình thức bắt	Văn Thị Hồng Nhung	PGS. TS. Đỗ Văn Đại	Luận văn trình bày cơ sở lý luận, quy định PL VN hiện hành về hình thức bắt buộc của hợp đồng và những vấn đề có liên quan khi hợp đồng vi phạm

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		buộc theo PL VN			quy định về vấn đề này. Trên cơ sở đối chiếu những quy định của BLDS 2005 với thực tiễn xét xử và so sánh với những hạn chế của BLDS 2015, qua đó đưa ra những kiến nghị hoàn thiện vấn đề này
77	ThS	Tội hành hạ người khác theo luật hình sự VN	Đặng, Hoàng Phúc	TS. Hoàng Thị Tuệ Phương	Luận văn phân tích làm rõ dấu hiệu pháp lý, tình tiết định khung tăng nặng và hình phạt của tội hành hạ người khác, đánh giá thực tiễn áp dụng quy định của tội hành hạ người khác, nêu ra những vướng mắc, bất cập còn tồn tại, qua đó đưa ra kiến nghị hoàn thiện quy định của PL về vấn đề này
78	ThS	Giải thích PL của tòa án	Phạm Thị Phương Thảo	PGS.TS. Phan Nhật Thanh	Đề tài hướng đến các mục đích xây dựng cơ sở lý luận, hoàn thiện các quy định PL về giải thích PL của tòa án ở VN, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung và tòa án nói riêng
79	ThS	Thi tuyển công chức trong cơ quan hành chính nhà nước của thành phố trực thuộc trung ương	Vũ Thị Diệp	PGS.TS. Võ Trí Hào	Thông qua đề tài, tác giả hệ thống lại vấn đề lý luận về thi tuyển công chức trong cơ quan hành chính nhà nước kết hợp khảo sát thực tiễn áp dụng Luật cán bộ, công chức năm 2008 và các quy định PL hiện hành có liên quan quy định về thi tuyển công chức để từ đó đưa ra một số giải pháp, kiến nghị góp phần hoàn thiện hệ thống PL hành chính về thi tuyển công chức hành chính nhà nước của Thành phố trực thuộc Trung ương theo đúng tinh thần cải cách hành chính
80	ThS	Biên chế hành chính trong các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương (dưới góc độ Luật hành chính)	Phạm Thị Thúy Hà	PGS.TS. Huỳnh Văn Thới	Trên cơ sở lý luận về biên chế hành chính và các quy định PL về vấn đề này, đề tài mạnh dạn đánh giá chất lượng của việc áp dụng trong thực tiễn công tác xác định, phân bổ và sử dụng biên chế hành chính, đánh giá những mặt làm được và những mặt còn tồn tại, hạn chế ở cấp địa phương, làm sáng tỏ những vấn đề còn bất cập, mới phát sinh, từ đó nêu lên những giải pháp hoàn thiện về thực tiễn và

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
					chính sách PL
81	ThS	Bắt giữ tàu biển nhằm đảm bảo giải quyết khiếu nại hàng hải theo công ước Geneva 1999 và PL Việt	Võ Hưng Đạt	TS. Phan Ngọc Tâm	Lý luận chung về Bắt giữ tàu biển nhằm đảm bảo giải quyết khiếu nại hàng hải. Bắt giữ tàu biển nhằm đảm bảo giải quyết khiếu nại hàng hải theo công ước Geneva 1999, PL VN và giải pháp hoàn thiện
82	ThS	Kiểm soát của Tòa án đối với quyền hành pháp	Lê Thị Thu Thảo	PGS.TS. Vũ Văn Nhiêm	Cơ sở lý luận về Kiểm soát của Tòa án đối với quyền hành pháp. Kiểm soát của Tòa án đối với quyền hành pháp ở một số nước. Kiểm soát của Tòa án đối với quyền hành pháp tại VN - thực trạng và một số giải pháp hoàn thiện
83	ThS	Thẩm quyền hủy bản án, quyết định của hội đồng xét xử giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự	Nguyễn Trần Bảo Uyên	TS. Nguyễn Văn Tiến	Thẩm quyền hủy bản án, quyết định của hội đồng xét xử giám đốc thẩm để xét xử lại. Thẩm quyền hủy bản án, quyết định và đình chỉ giải quyết vụ án của hội đồng xét xử giám đốc thẩm
84	ThS	Người đại diện theo PL của công ty dưới góc độ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên thứ ba	Nguyễn Lê Dung	TS. Trần Hoàng Nga	Những vấn đề lý luận chung về người đại diện theo PL của công ty và vấn đề bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên thứ ba. Thực trạng và một số kiến nghị hoàn thiện quy định PL về người đại diện theo PL của công ty dưới góc độ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên thứ ba
85	ThS	Tội tham ô tài sản theo luật hình sự VN	Nguyễn Thị Thúy	PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Hoa	Một số vấn đề lý luận và pháp lý về tội tham ô tài sản. Thực tiễn áp dụng PL về tội tham ô tài sản và các kiến nghị
86	ThS	Quyền của bị hại: nghiên cứu so sánh PL tố tụng hình sự liên bang Nga và kinh nghiệm cho	Đỗ Cao Ngọc Hân	TS. Lê Nguyễn Thanh	Lý luận chung về quyền của bị hại và nhu cầu so sánh với luật TTHS liên bang Nga. So sánh quyền của bị hại giữa PL TTHSVN và PL TTHS liên bang Nga

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		VN			
87	ThS	PL về chuyển nhượng khoản phải thu từ hoạt động cho thuê tài chính	Bùi Duy Hải Trần	PGS.TS. Nguyễn Văn Vân	Khái quát về chuyển nhượng khoản phải thu và PL điều chỉnh hoạt động chuyển nhượng khoản phải thu từ hoạt động cho thuê tài chính. Quy định PL về nguyên tắc và điều kiện chuyển nhượng khoản phải thu từ hoạt động cho thuê tài chính. Các nội dung pháp lý cơ bản trong hợp đồng chuyển nhượng khoản phải thu từ hoạt động cho thuê tài chính
88	ThS	Bảo vệ hình ảnh cá nhân trên các trang mạng xã hội theo PL dân sự VN	Trần Ngọc Tuấn	TS. Nguyễn Hồ Bích Hằng	Một số vấn đề lý luận về bảo vệ hình ảnh cá nhân trên các trang mạng xã hội. Các hành vi xâm phạm hình ảnh cá nhân trên các trang mạng xã hội và kiến nghị hoàn thiện
89	ThS	Tội đánh bạc theo luật Hình sự VN	Phạm Đình Lâm	TS. Lê Tường Vy	Luận văn nghiên cứu các quy định PL về: Chương I, Hành vi khách quan của tội đánh bạc; Chương II, Xác định tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc
90	ThS	Thi hành án treo theo luật thi hành án hình sự VN	Nguyễn Thị Riêng	TS. Nguyễn Huỳnh Bảo Khánh	Luận văn nghiên cứu các quy định PL về: Chương I, Nghĩa vụ của người hưởng án treo theo luật thi hành án hình sự VN, thực tiễn áp dụng và một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện nghĩa vụ của người được hưởng án treo; Chương II, Các biện pháp xử lý người hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ, vi phạm PL trong thời gian thử thách
91	ThS	Quản lý, giam giữ phạm nhân theo luật thi hành án hình sự VN	Trần Thị Thanh Nhân	TS. Lê Huỳnh Tấn Duy	Luận văn nghiên cứu các quy định PL về: Chương I, Chế độ quản lý phạm nhân; Chương II, Chế độ giam giữ phạm nhân
92	ThS	Định giá tài sản trong trường hợp tài sản bị thất lạc hoặc không còn theo luật tố tụng hình sự	Trần Hoài Đông	TS. Lê Huỳnh Tấn Duy	Luận văn nghiên cứu các quy định PL về: Chương I, Định giá tài sản lần đầu đối với trường hợp tài sản bị thất lạc không còn trong tố tụng hình sự; Chương II, Định giá lại tài sản đối với trường hợp tài sản bị thất lạc hoặc không còn trong tố tụng hình sự

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		VN			
93	ThS	Tội gián điệp theo luật Hình sự VN	Phan Văn Chánh	TS. Nguyễn Thị Thu Hương	Luận văn làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng các quy định của Luật hình sự VN về tội gián điệp, đề tài đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định về tội gián điệp trong Bộ luật hình sự. Để đạt được mục đích đưa ra, luận văn đã giải quyết những vấn đề sau: Nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận về tội gián điệp; Khảo sát, làm rõ thực tiễn áp dụng quy định của PL hình sự VN về tội gián điệp, đưa ra những nhận xét đánh giá về những bất cập, vướng mắc trong quy định và những thuận lợi, khó khăn trong thực tiễn áp dụng quy định của Luật hình sự VN về tội gián điệp; Cuối cùng là luận văn đưa ra các kiến nghị góp phần hoàn thiện quy định về tội gián điệp trong BLHS VN
94	ThS	Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong luật tố tụng hình sự VN	Hà Thị Luyến	PGS.TS. Phạm Quang Phúc	Luận văn trên cơ sở làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận liên quan đến việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án, những quy định của BLTTHS năm 2015 về chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án, từ đó làm rõ những điểm vướng mắc của BLTTHS năm 2015 và đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện PL nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động tố tụng hình sự
95	ThS	Khám xét người trong Luật Tố tụng hình sự VN	Nguyễn Trung Chánh	TS. Lê Nguyên Thanh	Trên cơ sở nghiên cứu quy định của Luật TTHS và thực tiễn áp dụng PL TTHS về biện pháp khám xét người, tác giả có những kiến nghị hoàn thiện PL, đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định PL về biện pháp khám xét người
96	ThS	Khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại trong tố tụng hình sự VN	Phạm Ngọc Duyên	TS. Võ Thị Kim Oanh	Luận văn nghiên cứu các quy định của PL TTHS, thực tiễn áp dụng về khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại nói chung, quy định về thời hạn trong khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại và rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của bị hại nói riêng; phát hiện những điều hợp lý và bất cập, hạn chế

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
					của PL trong đó đối chiếu, so sánh quy định về thời hạn trong khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại và yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của bị hại trong BLTTHS năm 2003. Từ đó đề xuất giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của PL về khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại
97	ThS	Thực thi bảo hộ quyền tác giả trong hoạt động TT-TV tại trường ĐH Luật Tp. HCM	Ngô Nguyễn Cảnh	PGS. TS. Lê Thị Nam Giang	Luận văn nghiên cứu các quy định của PL về Sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng trong hoạt động Thông tin - Thư viện tại trường Đại học Luật dựa trên cơ sở thực tiễn và kinh nghiệm của một số nước trên thế giới, qua đó đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện PL và giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi quyền tác giả trong hoạt động này
98	ThS	Hài hòa các biện pháp vệ sinh Động - Thực vật theo hiệp định SPS: Những vấn đề pháp lý và giải pháp cho VN	Lê Thị Thanh Bình	PGS. TS. Trần Thị Thùy Dương	Luận văn nghiên cứu các quy định của PL về hài hòa các biện pháp vệ sinh Động - Thực vật theo hiệp định SPS, qua đó đưa ra kiến nghị và giải pháp cho VN
99	ThS	Hỏi cung bị can theo luật Tố tụng hình sự VN	Nguyễn Thành Lợi	TS. LS. Nguyễn Hữu Thế Trạch	Luận văn nghiên cứu các quy định của PL về hỏi cung bị can thông qua thực tiễn áp dụng tại VN và một số quốc gia khác trên thế giới, qua đó đưa ra kiến nghị và giải pháp nâng cao hoạt động này trong hoạt động tố tụng
100	ThS	Hợp đồng mua bán nợ giữa ngân hàng TM và công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng VN	Hoàng Ngọc Nam	PGS. TS. Nguyễn Thị Thủy	Luận văn nghiên cứu thực trạng PL về chủ thể và đối tượng của hợp đồng mua bán nợ giữa ngân hàng TM và công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng VN, đồng thời phân tích đánh giá và đưa ra kiến nghị hoàn thiện
101	ThS	Chức năng bảo chữa trong giai	Phạm Thị Ngọc	TS. LS. Nguyễn Hữu Thế	Luận văn nghiên cứu nhận thức chung, PL thực định, thực tiễn áp dụng về chức năng bảo chữa trong

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		đoạn điều tra vụ án hình sự	Thu	Trạch	giai đoạn điều tra vụ án hình sự, đồng thời đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chức năng bảo chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự
102	ThS	Các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong luật TTHS: Nghiên cứu so sánh và kinh nghiệm cho VN	Hà Thị Thúy Lan	PGS. TS. Phạm Quang Phúc	Luận văn nghiên cứu nhận thức chung, PL thực định, thực tiễn áp dụng về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong luật TTHS tại VN và một số quốc gia trên thế giới, đồng thời đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chức năng bảo chữa trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự
103	ThS	Đề nghị giao kết hợp đồng với công chúng theo PL VN	Vũ Huỳnh Phương Khanh	PGS. TS. Lê Minh Hùng	Một số vấn đề lý luận về đề nghị giao kết hợp đồng với công chúng. Hiệu lực của đề nghị giao kết hợp đồng với công chúng. Sửa đổi, rút lại, huỷ bỏ và chấm dứt đề nghị đề nghị giao kết hợp đồng với công chúng
104	ThS	Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự theo luật TTHS VN	Phùng Bá Thắng	TS. Võ Thị Kim Oanh	Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Viện Kiểm sát nhân dân theo luật TTHSVN. Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của hội đồng xét xử
105	ThS	Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội chưa đạt theo luật hình sự VN	Nguyễn Đức Minh	TS. Lê Tường Vy	Nội dung luận văn gồm ba nội dung chính như sau: Phân tích, làm rõ các căn cứ và giới hạn quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định của BLHS; Phân tích, đánh giá thực tiễn áp dụng quy định của BLHS về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội chưa đạt, nêu ra những vướng mắc, bất cập còn tồn tại và nguyên nhân của hạn chế; Cuối cùng đưa ra kiến nghị hoàn thiện quy định của PL hình sự VN về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định của BLHS năm 2015 trên cơ sở so sánh đối chiếu với quy định của BLHS năm 1999
106	ThS	Hoãn chấp hành án phạt tù theo luật thi hành án	Võ Minh Thắng	PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Hoa	Luận văn tập trung nghiên cứu, đánh giá quy định của Luật thi hành án hình sự năm 2010 và thực tiễn giám sát người được hoãn chấp hành hình

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		hình sự VN			phạt tù
107	ThS	PL về biểu tình tại một số quốc gia trên thế giới	Vũ Lê Hải Giang	PGS. TS. Vũ Văn Nhiệm	Luận văn nghiên cứu vấn đề lý luận về PL biểu tình tại một số quốc gia trên thế giới so sánh với PL thực tiễn tại VN, đồng thời đưa ra một số đề xuất, kiến nghị hoàn thiện về vấn đề này
108	ThS	Hoạt động giám sát của hội đồng nhân dân phường - Từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Hùng Vương	PGS. TS. Vũ Văn Nhiệm	Luận văn nghiên cứu vấn đề cơ sở lý luận và pháp lý về hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân phường - Từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời phân tích đánh giá thực trạng và đưa ra một số đề xuất, kiến nghị hoàn thiện về vấn đề này
109	ThS	Tổ chức và hoạt động văn phòng hội đồng nhân dân cấp tỉnh	Bùi Thị Thúy Nhân	PGS.TS. Đỗ Minh Khôi	Luận văn nghiên cứu các quy định PL về: Chương I, Những vấn đề lý luận và pháp lý về tổ chức và hoạt động của văn phòng hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Chương II: Thực trạng tổ chức và hoạt động của văn phòng hội đồng nhân dân cấp tỉnh - Một số giải pháp hoàn thiện
110	ThS	Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi buôn bán hàng giả	Lê Thị Thanh Tiên	TS. Cao Vũ Minh	Luận văn nghiên cứu các quy định PL về: Chương I: Cơ sở lý luận và pháp lý của xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi buôn bán hàng giả. Chương II: Thực trạng PL và thực trạng hoạt động xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi buôn bán hàng giả
1	CN	Quyền sử dụng trước đối với sáng chế và kiểu dáng công nghiệp theo luật sở hữu trí tuệ VN	Thái Thị Mân	TS. Nguyễn Thái Cường	Khóa luận trình bày: Chương 1. Điều kiện xác lập quyền sử dụng trước; Chương 2. Thực tiễn xác lập quyền sử dụng trước; Chương 3. Hoàn thiện PL về quyền sử dụng trước
2	CN	Xác định mức bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo	Ung Thị Kim Liên	ThS. Nguyễn Phương Thảo	Nội dung khóa luận gồm: Chương 1. Những vấn đề cơ bản về xác định mức bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp; Chương 2. Thực tiễn áp dụng và hướng hoàn thiện quy định PL VN về xác định mức bồi thường thiệt hại do

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		PL VN			xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp
3	CN	Giao dịch do người không có thẩm quyền đại diện xác lập, thực hiện nhân danh người khác	Võ Hồng Thiên Ân	ThS. Lê Thị Diễm Phương	Nội dung khóa luận gồm: Chương 1. Khái quát chung về giao dịch do người không có thẩm quyền đại diện xác lập thực hiện nhân danh người khác; Chương 2. Giao dịch do người không có thẩm quyền đại diện xác lập, thực hiện nhân danh người khác - bất cập và kiến nghị hoàn thiện
4	CN	Vi bằng trong PL VN	Huỳnh Thị Trà Giang	ThS. Nguyễn Thị Hoài Trâm	Khóa luận trình bày: Chương 1. Lý luận chung về vi bằng; Chương 2. Phạm vi, thẩm quyền lập vi bằng; Chương 3. Trình tự, thủ tục lập vi bằng; Chương 4. Giá trị pháp lý của vi bằng
5	CN	Thủ việc theo quy định của PL lao động VN	Võ Thị Trâm	ThS. Lương Minh Sơn	Khóa luận trình bày: Chương 1. Khái quát về thủ việc; Chương 2. PL về thủ việc, thực trạng và kiến nghị
6	CN	Nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn	Nguyễn Trọng Tâm	TS. Lê Vĩnh Châu	Khóa luận trình bày: Chương 1. Lý luận chung về nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn; Chương 2. Thực trạng PL, thực tiễn áp dụng PL về giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn và giải pháp hoàn thiện
7	CN	Bảo vệ quyền lợi của con khi cha mẹ ly hôn	Ngô Khánh Tùng	ThS. Lê Thị Mận	Khóa luận trình bày: Chương 1. Cơ sở lý luận về bảo vệ quyền lợi của con sau khi cha mẹ ly hôn; Chương 2. PL hôn nhân và gia đình hiện hành về bảo vệ quyền lợi của con sau khi cha mẹ ly hôn, thực trạng và một số kiến nghị
8	CN	Thẩm quyền giải quyết các tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài của tòa án theo PL tố tụng dân sự VN : Khóa luận tốt nghiệp	Nguyễn Thị Thu Sương	ThS. Đinh Bá Trung	Đề tài bao gồm 2 chương. Chương 1: Những vấn đề chung về thẩm quyền giải quyết các tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài của tòa án theo PL tố tụng dân sự VN như khái niệm, nguyên tắc xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp, quy định PL VN và một số quốc gia về thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Chương 2: Thực tiễn thực hiện quy định của PL về thẩm quyền giải quyết các tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài của tòa án theo PL tố tụng dân sự VN và kiến

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
					ngợi nhằm hoàn thiện PL
9	CN	Căn cứ ly hôn theo quy định PL hôn nhân và gia đình VN hiện hành	Trần Diệu Thúy	ThS. Lê Thị Mận	Đề tài bao gồm hai nội dung chính như sau. Chương 1: Lý luận chung về căn cứ ly hôn gồm khái niệm, phân biệt căn cứ ly hôn và PL VN và một số quốc gia về căn cứ ly hôn. Chương 2: Quy định của PL hôn nhân và gia đình hiện hành về căn cứ ly hôn - Thực tiễn áp dụng PL - Vướng mắc và giải pháp tháo gỡ
10	CN	Di chúc có điều kiện	Trần Tiến Đoàn	ThS. Lê Hà Huy Phát	Những vấn đề chung về di chúc có điều kiện. Áp dụng di chúc có điều kiện - một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện
11	CN	Biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ theo PL VN	Trần Thị Thùy Linh	TS. Lê Vĩnh Châu	Nội dung khóa luận gồm: Chương 1. Khái quát về biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ; Chương 2. Thực trạng PL hiện hành và giải pháp hoàn thiện biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ; Chương 3. Thực tiễn áp dụng và giải pháp hoàn thiện biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ
12	CN	Quyền của người lao động nữ theo PL VN	Phan Thị Ngọc Hân	ThS. Hoàng Thị Minh Tâm	Đề tài bao gồm hai nội dung chính như sau. Chương một: Khái quát về quyền của người lao động nữ, quy định của PL QT và PL một số quốc gia về một số đặc quyền của người lao động nữ trong quan hệ lao động. Chương hai: Quy định của PL VN về quyền của người lao động nữ, thực trạng và một số kiến nghị
13	CN	Hoàn thiện quy định PL lao động điều chỉnh quan hệ lao động đối với các công việc không tiêu chuẩn	Trần Thị Giang	ThS. Đinh Thị Chiến	Khái quát về công việc không tiêu chuẩn. Thực trạng PL về công việc không tiêu chuẩn và một số kiến nghị hoàn thiện

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
14	CN	Khả năng phân biệt của tên TM	Lê Bảo Tâm	ThS. Nguyễn Trọng Luận	Những vấn đề lý luận chung về tên TM. Một số vấn đề pháp lý và thực tiễn về khả năng phân biệt của tên TM
15	CN	PL về giao kết hợp đồng lao động, thực trạng và kiến nghị	Trần Bá Bình	ThS. Đoàn Công Yên	Khái quát về hợp đồng lao động và giao kết hợp đồng lao động. những quy định của PL VN về giao kết hợp đồng lao động, thực trạng và kiến nghị
16	CN	Quyền của cá nhân đối với hình ảnh theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015	Hồ Kim Tiên	ThS. PGS.TS. Lê Minh Hùng	Đề tài gồm 2 nội dung chính. Những vấn đề chung về quyền của cá nhân đối với hình ảnh theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và thực trạng PL về bảo vệ quyền của cá nhân đối với hình ảnh bằng biện pháp dân sự và kiến nghị hoàn thiện
17	CN	Những vấn đề pháp lý liên quan đến việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản ở VN	Nguyễn Thị Cẩm Hà	ThS. Ngô Thị Anh Vân	Khóa luận trình bày một số vấn đề cơ bản, các quy định hiện hành về việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, đồng thời chỉ ra những bất cập và một số kiến nghị hoàn thiện
18	CN	PL về phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân	Đặng Lê Phương Uyên	ThS. Ngô Thị Anh Vân	Khóa luận trình bày một số vấn đề cơ bản, các quy định hiện hành về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, đồng thời chỉ ra những bất cập và một số kiến nghị hoàn thiện
19	CN	Trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp bên bị thiệt hại có lỗi	Dương Hoàng Linh	ThS. Nguyễn Trương Tín	Khóa luận trình bày một số vấn pháp lý và thực tiễn giải quyết trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp bên bị thiệt hại có lỗi, đồng thời chỉ ra những bất cập và một số kiến nghị hoàn thiện
20	CN	Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ mang thai hộ theo PL VN	Nguyễn Thị Lan Anh	ThS. Trần Thị Hương	Khóa luận trình bày một số vấn pháp lý và thực tiễn về quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ mang thai hộ, đồng thời chỉ ra những bất cập và một số kiến nghị hoàn thiện

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
21	CN	Thực trạng và giải pháp ngăn chặn hiện tượng chuyển giá của các doanh nghiệp FDI tại VN	Trần Thị Thiện Yên	ThS. Ngô Huỳnh Giang	Khóa luận trình bày: Chương 1. Cơ sở lý luận liên quan đến hiện tượng chuyển giá của các doanh nghiệp FDI; Chương 2. Thực trạng hiện tượng chuyển giá của các doanh nghiệp FDI tại VN; Chương 3. Các giải pháp và kiến nghị ngăn chặn hiện tượng chuyển giá của các doanh nghiệp FDI tại VN
22	CN	Vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ theo công ước viên 1980 kinh nghiệm cho VN	Nguyễn, Thị Quỳnh Nga	ThS. Phạm Hoài Huân	Khóa luận trình bày: Chương 1. Lý luận chung về vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ ; Chương 2. Vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ theo PL TM VN
23	CN	Thực tiễn áp dụng PL trong hoạt động thẩm định cho vay tiêu dùng	Hồ Công Thoại	ThS. Lê Thị Ngân Hà	Khóa luận trình bày: Chương 1. Những vấn đề lý luận chung về thẩm định cho vay tiêu dùng; Chương 2. Thực tiễn áp dụng PL trong hoạt động thẩm định cho vay tiêu dùng và giải pháp hạn chế rủi ro
24	CN	Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của nhà đầu tư cá nhân khi sử dụng dịch vụ môi giới chứng khoán tại công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt	Hoàng Thị Minh Tâm	ThS. Vũ Đức Nghĩa Hưng	Khóa luận trình bày: Chương 1. Cơ sở lý luận; Chương 2. Phương pháp nghiên cứu; Chương 3. Kết quả nghiên cứu; Chương 4. Kết luận và giải pháp
25	CN	Giải thể doanh nghiệp theo luật doanh nghiệp năm 2014	Lưu Thị Ngọc Giàu	ThS. Nguyễn Tuấn Vũ	Khóa luận trình bày: Chương 1. Những vấn đề lý luận chung về giải thể doanh nghiệp; Chương 2. Thực trạng PL về giải thể doanh nghiệp và một số kiến nghị hoàn thiện

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
26	CN	Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	Nguyễn Thị Tài	ThS. Huỳnh Minh Phương	Khóa luận trình bày một số vấn đề lý luận về thu hồi đất, thực trạng PL thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng qua đó đưa ra hướng hoàn thiện vấn đề này
27	CN	Phân tích yếu tố ảnh hưởng tới quyết định mua chung cư của người dân có thu nhập thấp tại Tp. HCM	Phạm Thị Hồng Thắm	TS. Hoàng Văn Long	Khóa luận trình bày một số vấn đề tổng quan về chung cư và người dân có thu nhập thấp, các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định mua nhà chung cư của người dân có thu nhập thấp tại tp. HCM
28	CN	Vận dụng marketing mix nhằm nâng cao thương hiệu nông trại Ong Vàng - Khu sinh thái giữa lòng Tp. HCM	Trần Thị Thúy An	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Duyên	Khóa luận trình bày về các quyết định marketing mix trong ngành dịch vụ, hoạt động vận dụng marketing mix trong Nông trại Ong Vàng - Khu du lịch sinh thái và các yếu tố liên quan, ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình lập kế hoạch marketing mix
29	CN	Các nhân tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của nhân viên trong ngành bất động sản tại Tp. Hồ Chí Minh	Phí, Thị Phương Nga	ThS. Nguyễn Trọng Tín	Nội dung khóa luận nghiên cứu các vấn đề sau; Chương 1. Tổng quan lý thuyết; Chương 2. Phương pháp nghiên cứu; Chương 3. Kết quả nghiên cứu; Chương 4. Kết luận và một số kiến nghị
30	CN	Xây dựng hệ thống quản lý quan hệ khách hàng cho khởi nghiệp nhà hàng cao cấp Gourmet Recipes tại	Nguyễn Phan Diệu Phương	ThS. Nguyễn Quốc Ninh	Nội dung khóa luận nghiên cứu các vấn đề sau; Chương 1. Cơ sở lý thuyết về khách hàng và quản lý quan hệ khách hàng; Chương 2. Phân tích yếu tố môi trường; Chương 3. Xây dựng hệ thống quản lý quan hệ khách hàng tại nhà hàng Gourmet Recipes

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		TP.HCM			
31	CN	Lập kế hoạch tài chính khởi nghiệp cho nhà hàng cao cấp Gourmet Recipes tại Tp. Hồ Chí Minh	Lương, Gia Hân	ThS. Nguyễn Thị Ngọc	Nội dung khóa luận nghiên cứu các vấn đề sau; Chương 1. Cơ sở lý thuyết khởi nghiệp và kế hoạch tài chính; Chương 2. Khái quát chung về nhà hàng Gourmet Recipes dự toán kế hoạch Tài chính; Chương 3: Kế quả dự báo, thảo luận và đề xuất các giải pháp quản trị
32	CN	Phân tích yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn doanh nghiệp làm việc của sinh viên khối ngành kinh tế chuẩn bị ra trường ở địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Lê Trần Khánh Uyên	ThS. Nguyễn Quốc Phong	Khóa luận hướng đến việc xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn doanh nghiệp làm việc của sinh viên khối ngành kinh tế chuẩn bị ra trường ở địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Đề tài nêu ra được sinh viên mong muốn những gì từ doanh nghiệp. Doanh nghiệp cần có những chính sách hợp lý, cân bằng hướng đến người lao động như thế nào để có thể giữ chân họ làm việc lâu dài nhằm duy trì sự ổn định của nguồn nhân lực
33	CN	Phân tích tác động của nền kinh tế chia sẻ xe đến nền kinh tế VN & các đối tượng liên quan	Đỗ, Hoàng Vi Sinh	ThS. Hà Thị Thanh Mai	Khóa luận trình bày về các vấn đề: Chương 1. Cơ sở lý luận về nền kinh tế chia sẻ; Chương 2. Thực trạng và xu hướng của nền kinh tế chia sẻ xe tại VN; Chương 3. Kiến nghị giải pháp hỗ trợ công tác quản lý nền kinh tế chia sẻ xe tại VN
34	CN	Quyền chất vấn của đại biểu quốc hội thực trạng và kiến nghị	Đỗ Thị Ái Trinh	ThS. Đinh Thị Cẩm Hà	Khóa luận trình bày: Chương 1. Cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý về quyền chất vấn của đại biểu quốc hội; Chương 2. Thực trạng thực hiện quyền chất vấn của đại biểu quốc hội; Chương 3. Một số kiến nghị để chuyển chất vấn phát huy hiệu lực và hiệu quả
35	CN	Nguyên tắc công nhận, tôn trọng, bảo vệ, đảm	Nguyễn Thị Phương Vy	ThS. Trần Thị Thu Hà	Khóa luận trình bày: Chương 1. Cơ sở lý luận và pháp lý của nguyên tắc "Công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm, quyền con người, quyền công

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		bảo quyền con người, quyền công dân			dân"; Chương 2. Thực trạng thực hiện nguyên tắc "Công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân" Một số kiến nghị bảo đảm thực thi nguyên tắc
36	CN	Yêu cầu của chính phủ trong nhà nước trong pháp quyền	Nguyễn Thị Phương Vy	ThS. Nguyễn Mạnh Hùng	Khóa luận trình bày: Chương 1. Khái quát chung về nhà nước pháp quyền và yêu cầu của chính phủ trong nhà nước pháp quyền; Chương 2. Chính phủ trong lịch sử lập hiến VN và phương hướng, thực trạng và giải pháp đổi mới chính phủ đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa VN
37	CN	Thi hành án tử hình theo luật thi hành án hình sự VN	Nguyễn Thị Diễm Trinh	ThS. Đinh Văn Đoàn	Một số vấn đề lý luận và pháp lý về thi hành án tử hình. Thực trạng áp dụng quy định của luật thi hành án hình sự về thi hành án tử hình và giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành án tử hình
38	CN	Chính thể cộng hòa hỗn hợp ở Pháp và bài học kinh nghiệm cho VN	Võ Thị Ngọc Thảo	ThS. Đỗ Thanh Trung	Khóa luận trình bày: Chương 1. Một số vấn đề lý luận chung về chính thể cộng hòa hỗn hợp; Chương 2. Tiếp thu một số ưu điểm của chính thể cộng hòa hỗn hợp ở Pháp trong việc đổi mới hình thức chính thể ở VN hiện nay
39	CN	Chương trình, kế hoạch phòng ngừa tội phạm, lý luận và thực tiễn	Nguyễn Thị Lệ	ThS. Đinh Hà Minh	Những vấn đề lý luận chung về chương trình, kế hoạch phòng ngừa tội phạm. Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện chương trình, kế hoạch phòng ngừa tội phạm tại VN
40	CN	Giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai theo thủ tục Hành chính - Thông qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Ngãi	Võ Nguyễn Hồng Anh	ThS. Nguyễn Thị Nhàn	Khóa luận trình bày: Chương 1. Những vấn đề lý luận và pháp lý về giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai theo thủ tục hành chính; Chương 2. Thực trạng giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai theo thủ tục hành chính (Qua thực tiễn tỉnh Quảng Ngãi) - Kiến nghị một số giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai theo thủ tục hành chính

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
41	CN	Nét đặc trưng trong cơ chế tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước ở Nhật Bản	Phạm Ngọc Anh Tú	ThS. Phạm Thị Phương Thảo	Khóa luận trình bày: Chương 1. Quá trình hình thành nhà nước Nhật Bản và tổ chức bộ máy nhà nước Nhật Bản theo hiến pháp năm 1946; Chương 2. Những nét đặc trưng trong cơ chế tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước ở Nhật Bản và một số giá trị tham khảo
42	CN	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khám, chữa bệnh ở VN hiện nay - Thực trạng và giải pháp	Bùi Thị Thanh	ThS. Trần Thị Thu Hà	Khóa luận trình bày: Chương 1. Cơ sở lý luận - Pháp lý của xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khám chữa bệnh; Chương 2. Thực trạng xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khám chữa bệnh và một số giải pháp
43	CN	Xét tuyển công chức: Thực trạng và giải pháp	Nguyễn Thị Tâm	ThS. Trương Tư Phước	Khóa luận trình bày: Chương 1. Một số vấn đề lý luận và pháp lý về xét tuyển công chức; Chương 2. Thực trạng xét tuyển công chức ở nước ta và một số giải pháp hoàn thiện
44	CN	Các loại người đồng phạm trong luật hình sự VN	Võ Thị Phương Thu	ThS. Cao Văn Hào	Khóa luận nghiên cứu một số vấn đề lý luận chung về các loại người đồng phạm trong Luật hình sự VN, bên cạnh đó phân tích và đánh giá những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các quy định của PL hình sự về các loại người đồng phạm. Từ đó tác giả đưa ra những đánh giá, đề xuất, giải pháp hoàn thiện quy định PL hình sự VN về các loại người đồng phạm
45	CN	Hình phạt áp dụng đối với pháp nhân phạm tội theo Luật Hình Sự VN	Dương Thị Thảo Nguyên	ThS. Phan Thị Phương Hiền	Khóa luận nghiên cứu một cách có hệ thống những vấn đề lý luận về hình phạt áp dụng đối với pháp nhân phạm tội trên nền tảng lý luận về hình phạt trong Luật Hình sự VN. Bên cạnh đó là sự phân tích về các quy định của BLHS 2015 về áp dụng hình phạt đối với pháp nhân phạm tội trên sở học tập kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới để từ đó hoàn thiện quy định về hình phạt đối với pháp nhân phạm tội trong BLHS VN

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
46	CN	Chính sách kinh tế thương nghiệp trong PL thời Lê sơ	Trần Hữu Thu Trang	ThS. Trần Quang Trung	Khóa luận trình bày tổng quan tình hình chính trị, xã hội và kinh tế thời Lê sơ thế kỷ XV và thực tiễn PL thời Lê sơ với việc bảo đảm và phát triển kinh tế thương nghiệp qua các triều đại phong kiến VN, đồng thời đánh giá và đưa ra một số giá trị cần tham khảo
47	CN	Nạn nhân của tội phạm dưới góc độ nghiên cứu tội phạm học	Trần Đăng Khoa	ThS. Lê Thị Anh Nga	Khóa luận cung cấp nhận thức về nạn nhân của tội phạm nói chung trong mối quan hệ biện chứng với các đối tượng nghiên cứu của tội phạm, xác định nạn nhân của tội phạm là một bộ phận nghiên cứu của tội phạm học như các bộ phận khác như tình hình tội phạm, nguyên nhân và điều kiện của tội phạm, phòng ngừa tội phạm
48	CN	Người khiếu nại trong khiếu nại hành chính	La Thị Như Nga	ThS. Nguyễn Hoàng Yên	Khóa luận trình bày những vấn đề lý luận và pháp lý về người khiếu nại, thực tiễn thực hiện PL và một số kiến nghị trong khiếu nại hành chính ở VN hiện nay, qua đó đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện PL
49	CN	Thẩm quyền của hội đồng xét xử phúc thẩm trong tố tụng hành chính	Đông, Nữ Hoàng Hương	ThS. Lê Thị Mơ	Khóa luận trình bày cơ sở lý luận và pháp lý về thẩm quyền của hội đồng xét xử phúc thẩm trong tố tụng hành chính đồng thời phân tích về thực trạng, qua đó đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện PL
50	CN	Phạm tội chưa đạt trong Luật hình sự VN	Mai Hà Phương	ThS. Nguyễn Thị Ánh Hồng	Khóa luận tập trung nghiên cứu các quy định PL về phạm tội chưa đạt và giải quyết các vấn đề sau: Khái niệm phạm tội chưa đạt, các dấu hiệu pháp lý hình sự của hành vi phạm tội chưa đạt, phân loại các trường hợp phạm tội chưa đạt, những lý luận xung quanh vấn đề phạm tội chưa đạt và trách nhiệm hình sự của người thực hiện hành vi phạm tội chưa đạt, thực tiễn áp dụng quy định này trên cơ sở nghiên cứu lịch sử hình thành quy định này trong luật hình sự VN hiện hành và so sánh với quy định trong Bộ luật hình sự của một số nước trên thế giới. Từ đó chỉ ra những điểm bất cập, hạn chế trong quy định PL hiện hành và đề

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
					xuất phương hướng hoàn thiện
51	CN	Công tác hiệp thương bầu cử của đại biểu quốc hội và hội đồng nhân dân ở VN hiện nay thực trạng và phương hướng hoàn thiện	Lê, Duy Khang	ThS. Nguyễn Thanh Minh	Khóa luận trình bày lý luận chung về công tác hiệp thương bầu cử, đồng thời nêu thực trạng qua đó đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện PL
52	CN	Bảo mật thông tin về người tố cáo ở VN	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	ThS. Nguyễn Văn Trí	Khóa luận trình bày lý luận, pháp lý cơ bản đối với bảo mật thông tin về người tố cáo, thực trạng, qua đó đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện PL
53	CN	Tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Phạm Thanh Cao	ThS. Phan Nguyễn Phương Thảo	Khóa luận trình bày lý luận, pháp lý về tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng thời nêu lên thực trạng, qua đó đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện PL
54	CN	Thủ tục hỏi tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	ThS. Lê Việt Sơn	Khóa luận trình bày lý luận, pháp lý về thủ tục hỏi tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính, đồng thời nêu lên thực trạng, qua đó đưa ra quan điểm và giải pháp nâng cao chất lượng thủ tục hỏi tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính
55	CN	Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện Kiểm sát nhân dân trong giải quyết vụ án hành chính ở VN	Đoàn Thị Ngọc Huyền	ThS. Nguyễn Hoàng Yến	Khóa luận trình bày cơ sở lý luận và pháp lý về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân trong giải quyết vụ án hành chính ở VN, đồng thời nêu lên thực trạng, qua đó đưa ra kiến nghị hoàn thiện PL
56	CN	Các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp được	Trần Thanh Tài	ThS. Mai Thị Thủy	Khóa luận tập trung nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống về các biện pháp giám sát, giáo dục đối với người được miễn trách nhiệm hình sự trong PL hình sự VN thông qua việc nghiên cứu các quy định về chính

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		miễn trách nhiệm hình sự trong Luật hình sự VN			sách xử lý, điều kiện áp dụng, đối tượng áp dụng trên cơ sở so sánh với quy định của BLHS năm 1999 tương ứng, đồng thời tác giả cũng tìm hiểu và phân tích các quy định PL của Liên Bang Nga, PL Anh và xứ Wales. Từ đó, có sự đánh giá, đề xuất, kiến nghị hoàn thiện các quy định của PL hình sự VN và các biện pháp giám sát, giáo dục nêu trên
57	CN	Miễn truy tố trong PL tố tụng hình sự một số quốc gia - kinh nghiệm cho VN	Lê Văn Hoài	ThS. Đinh Văn Đoàn	Một số vấn đề lý luận về miễn truy tố trong tố tụng hình sự. Miễn truy tố trong PL TTHSmột số quốc gia. Kinh nghiệm cho VN trong hoàn thiện PL TTHSvề miễn truy tố
58	CN	Miễn trách nhiệm hình sự theo quy định tại điều 29 Bộ luật hình sự năm 2015	Trần Yến Nhi	ThS. Trần Thanh Thảo	Khóa luận được chia thành 3 phần như sau: phần 1. Phân tích, làm rõ những vấn đề mang tính lý luận chung về chế định miễn trách nhiệm hình sự thông qua đó thấy được ý nghĩa, tầm quan trọng của chế định này trong PL hình sự VN; phần 2. Phân tích những quy định của PL về các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự tại điều 29 BLHS năm 2015 và đi sâu vào lý giải thực tiễn áp dụng trên thực tế nhằm chỉ ra những điểm hạn chế còn tồn tại của quy định này trong BLHS VN; phần 3. Đưa ra những kiến nghị hoàn thiện quy định PL tại Điều 29 BLHS nhằm mục đích xây dựng được khung pháp lý an toàn cho việc áp dụng, bảo đảm sự nghiêm minh của PL
59	CN	Tội nhận hối lộ trong luật hình sự VN	Mai Anh Tú	ThS. Mai Khắc Phúc	Đề tài nghiên cứu các quy định của PL về tội nhận hối lộ dưới khía cạnh lập pháp hình sự và áp dụng chúng trong thực tiễn xét xử, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định về tội nhận hối lộ trong Luật hình sự VN, cũng như đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc đấu tranh phòng chống tội nhận hối lộ

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
60	CN	Đảm bảo quyền bào chữa của người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi theo luật tố tụng hình sự VN	Nguyễn Thị Trúc Anh	ThS. Lê Thị Thuý Dương	Những vấn đề lý luận chung về đảm bảo quyền bào chữa của người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi trong luật tố tụng hình sự. PL thực định về đảm bảo quyền bào chữa của người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi. Định hướng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả của việc đảm bảo quyền bào chữa của người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi
61	CN	PL chống hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường nhằm bóc lột nhà tiêu dùng	Nguyễn Thị Thanh Bình	ThS. Phạm Hoài Huân	Khóa luận trình bày: Chương 1. Những vấn đề lý luận về chống hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường nhằm bóc lột người tiêu dùng; Chương 2. Thực trạng PL VN về chống hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường nhằm bóc lột người tiêu dùng và một số kiến nghị hoàn thiện
62	CN	Phân hoá trách nhiệm hình sự trong đồng phạm	Nguyễn Đình Dương Nhi	ThS. Nguyễn Thị Minh Trâm	Những vấn đề lý luận chung về phân hoá trách nhiệm hình sự trong đồng phạm. Quy định về phân hoá trách nhiệm hình sự trong đồng phạm của bộ luật hình sự 2015. Thực tiễn áp dụng quy định của bộ luật hình sự 2015 về phân hoá trách nhiệm hình sự trong đồng phạm và một số kiến nghị hoàn thiện
63	CN	Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo luật hình sự VN	Trần Thị Niên	ThS. Lê Vũ Huy	Một số vấn đề chung về tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ trong luật hình sự. Thực tiễn áp dụng tội vi phạm tham gia giao thông đường bộ, kinh nghiệm PL nước ngoài và kiến nghị hoàn thiện
64	CN	Miễn trách nhiệm đối với vi phạm hợp đồng theo Luật TM 2005 và công ước của LHQ về hợp đồng mua bán	Nguyễn Thị Như Anh	PGS.TS. Phan Huy Hồng	Khóa luận trình bày: Chương 1. Tổng quan về miễn trách nhiệm đối với vi phạm hợp đồng theo quy định của luật thương 2005 và công ước viên 1980; Chương 2. Các trường hợp miễn trách nhiệm đối với vi phạm hợp đồng theo luật TM 2005 và công ước viên 1980 và đề xuất hoàn thiện luật TM VN

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		hàng hóa QT			
65	CN	Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo luật hình sự VN	Nguyễn Thị Bích Châu	ThS. Nguyễn Thị Minh Trâm	Đề tài nghiên cứu về cả hai khía cạnh lý luận và nội dung của các quy định về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đồng thời nghiên cứu thực tiễn áp dụng một số nội dung các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định trong BLHS VN. Từ đó đưa ra kiến nghị, giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt
66	CN	PL chống hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường gây thiệt hại trực tiếp cho đối thủ cạnh tranh	Nguyễn Tấn Phát	ThS. Đặng Quốc Chương	Khóa luận trình bày: Chương 1. Lý luận chung về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường gây thiệt hại trực tiếp cho đối thủ cạnh tranh; Chương 2. Thực trạng PL VN về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường gây thiệt hại trực tiếp cho đối thủ cạnh tranh về kiến nghị hoàn thiện
67	CN	Nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định bộ luật hình sự năm 2015 - Lý luận và thực tiễn	Đỗ Công Ngọc	ThS. Trần Ngọc Lan Trang	Lý luận về nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội trong PL hình sự QT và luật hình sự VN. Các quy định liên quan đến nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong bộ luật hình sự năm 2015 và thực tiễn áp dụng. Một số đề xuất và kiến nghị hoàn thiện các quy định về nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội trong bộ luật hình sự năm 2015
68	CN	Thỏa thuận cổ đông theo PL Hoa Kỳ và kinh nghiệm cho VN	Lê Thị Hoài Trâm	ThS. Nguyễn Thị Phương Hòa	Khóa luận trình bày: Chương 1. Những vấn đề lý luận về thỏa thuận cổ đông; Chương 2. Thỏa thuận cổ đông theo PL Hoa Kỳ; Chương 3. Kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định về thỏa thuận cổ đông theo PL VN trên cơ sở kinh nghiệm từ PL Hoa Kỳ
69	CN	PL về các phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt	Nguyễn Mậu Thương	ThS. Nguyễn Thị Thương	Khóa luận trình bày: Chương 1. Lý luận chung về kiểm soát đặc biệt và các phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; Chương 2. Thực trạng quy định PL về các phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt và kiến

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
					ngợi hoàn thiện
70	CN	Chương trình, kế hoạch phòng ngừa tội phạm, lý luận và thực tiễn: Phụ lục đề tài	Nguyễn Thị Lệ	ThS. Đinh Hà Minh	Đây là phụ lục đề tài khoá luận tốt nghiệp của tác giả Nguyễn Thị Lệ. Xem nội dung khoá luận tại KPV3800, Đkcb:A18210004748
71	CN	PL về hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân	Nguyễn Thùy Dương	TS. Lưu Quốc Thái	Khóa luận trình bày: Chương 1. Những vấn đề chung về tranh chấp đất đai và hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân; Chương 2. Thực trạng PL về hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân và kiến nghị hoàn thiện
72	CN	PL về cho thuê quyền sử dụng đất	Hà Thị Ái My	ThS. Ngô Gia Hoàng	Khóa luận trình bày: Chương 1. Một số vấn đề lý luận về cho thuê quyền sử dụng đất; Chương 2. Thực trạng PL về cho thuê quyền sử dụng đất và định hướng hoàn thiện
73	CN	Tiêu chí xác định thị trường liên quan theo PL Hoa Kỳ kinh nghiệm cho VN	Đặng Hoàng Anh	TS. Phạm Trí Hùng	Khóa luận trình bày: Chương 1. Quy định tiêu chí và thực tiễn xác định thị trường liên quan theo PL VN; Chương 2. Quy định tiêu chí và thực tiễn xác định thị trường liên quan theo PL Hoa Kỳ; Chương 3. Bài học kinh nghiệm của Hoa Kỳ và một số kiến nghị đối với việc xác định thị trường liên quan ở VN
74	CN	Chế tài hủy bỏ hợp đồng theo công ước viên về hợp đồng mua bán hàng hóa QT (CISG)	Hồ Thị Hà Nhi	ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	Khóa luận trình bày: Chương 1. Khái quát về chế tài hủy bỏ hợp đồng; Chương 2. Những vấn đề pháp lý phát sinh liên quan đến việc áp dụng chế tài hủy bỏ hợp đồng
75	CN	Vấn đề hạn chế tổn thất của bên yêu cầu bồi thường thiệt hại theo công ước viên 1980 về	Phan Phương Anh	TS. Trần Hoàng Nga	Khóa luận trình bày: Chương 1. Nghĩa vụ hạn chế tổn thất của bên yêu cầu bồi thường thiệt hại theo CISG; Chương 2. Tính hợp lý của các biện pháp hạn chế tổn thất được áp dụng bởi bên yêu cầu bồi thường thiệt hại

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		hợp đồng mua bán hàng hóa QT (CISG)			
76	CN	Địa vị pháp lý của người VN định cư ở nước ngoài sử dụng đất ở VN để thực hiện dự án đầu tư	Nguyễn Thị Kim Thi	TS. Đặng Anh Quân	Khóa luận trình bày: Chương 1. Một số vấn đề lý luận về đại vị pháp lý của người VN định cư ở nước ngoài sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư; Chương 2. Quy định của PL đất đai về đại vị pháp lý của người VN định cư ở nước ngoài sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư và kiến nghị hoàn thiện
77	CN	PL về kiểm soát các giao dịch có nguy cơ tư lợi trong công ty cổ phần	Nguyễn Trịnh Thanh Hà	ThS. Nguyễn Tuấn Vũ	Khóa luận trình bày: Chương 1. Những vấn đề lý luận chung về kiểm soát các giao dịch có nguy cơ tư lợi trong công ty cổ phần; Chương 2. Thực trạng PL về kiểm soát trực tiếp các giao dịch có nguy cơ tư lợi cho công ty cổ phần; Chương 3. Thực trạng PL về kiểm soát gián tiếp các giao dịch có nguy cơ tư lợi trong công ty cổ phần
78	CN	PL về bảo vệ quyền lợi của cổ đông thiểu số trong CTCP ở VN	Bùi Mai Quỳnh	ThS. Nguyễn Hoàng Phước Hạnh	Khóa luận trình bày: Chương 1. Khái quát về cổ đông thiểu số trong công ty cổ phần VN; Chương 2. Thực trạng PL về bảo vệ cổ đông thiểu số trong công ty cổ phần và một số kiến nghị
79	CN	Cơ chế công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại VN theo quy định của PL VN - so sánh với công ước New York 1958	Nguyễn Ngọc Trân Châu	ThS. Nguyễn Lê Hoài	Khóa luận trình bày về những vấn đề công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài; Công ước New York 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài; PL VN về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài - định hướng hoàn thiện
80	CN	Quyền thế chấp quyền sử dụng đất của người sử	Trần Minh Pháp	ThS. Huỳnh Minh Phương	Khóa luận trình bày: Chương 1. Một số vấn đề lý luận về quyền sử dụng đất; Chương 2. Thực trạng PL về quyền thế chấp quyền sử dụng đất và

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		duyệt đất			hướng hoàn thiện
81	CN	Công nhận và cho thi hành án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài tại VN - những vấn đề lý luận và thực tiễn	Trần Anh Thư	ThS. Nguyễn Lê Hoài	Khóa luận trình bày về những vấn đề công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài; Công ước New York 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài; PL VN về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài - định hướng hoàn thiện
82	CN	Hoàn thiện PL VN về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo kinh nghiệm PL Nhật Bản và Thụy Sĩ	Lê Thanh Uyên	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Lan	PL VN về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. PL Nhật Bản và Thụy Sĩ về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường
83	CN	Kiểm sát thi hành án hành chính ở VN	Lê Thị Sâm	ThS. Lê Việt Sơn	Cơ sở lý luận về kiểm sát thi hành án hành chính ở VN. Thực trạng kiểm sát thi hành án hành chính ở VN. Phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm sát thi hành án hành chính ở VN
84	CN	Biện pháp xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên	Đào, Hải Linh	ThS. Mai Thị Lâm	Nội dung khóa luận gồm: Những vấn đề lý luận và pháp lý về xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên; Thực trạng PL và thực tiễn áp dụng các quy định về xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên. Giải pháp hoàn thiện
85	CN	PL về hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ	Võ Quốc Bảo	ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Khái quát về doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ. Quy định PL về hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ và một số kiến nghị
86	CN	Hủy bỏ hợp đồng theo quy định của bộ luật dân	Hoàng Mỹ Duyên	ThS. Lê Thị Hồng Vân	Nội dung nghiên cứu gồm: Khái quát về hủy bỏ hợp đồng theo quy định của bộ luật dân sự 2015; Những bất cập trong thực tiễn áp dụng PL về hủy bỏ

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		sự năm 2015			hợp đồng và một số kiến nghị
87	CN	Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ	Ngô Huỳnh Đức	ThS. Nguyễn Thị Thiện Trí	Nội dung khóa luận gồm: Cơ sở lý luận - pháp lý về thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ; Thực trạng thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ; Một số giải pháp nhằm hoàn thiện thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ
88	CN	Kiểm soát giao dịch có nguy cơ tư lợi trong công ty cổ phần theo luật doanh nghiệp 2014	Lê Minh Thủy Trang	ThS. Nguyễn Hoàng Thủy Trang	Tổng quan về giao dịch có nguy cơ tư lợi trong công ty cổ phần bằng PL. Thực trạng giao dịch có nguy cơ tư lợi trong công ty cổ phần theo luật doanh nghiệp 2014 và phương hướng hoàn thiện
89	CN	Nghĩa vụ cung cấp thông tin trong HĐ bảo hiểm nhân thọ	Lê Thủy Tiên	ThS. Trần Minh Hiệp	Khái quát chung về nghĩa vụ cung cấp thông tin trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ. Nghĩa vụ cung cấp thông tin của bên mua bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ
90	CN	Bảo vệ quyền lợi người thụ hưởng trong PL cung ứng và sử dụng Séc	Bùi Thị Yến Trinh	ThS. Trương Thị Tuyết Minh	Khóa luận trình bày: Chương 1. Lý luận chung về người thụ hưởng trong quan hệ PL về cung ứng và sử dụng Séc; Chương 2. Thực trạng của PL về bảo vệ quyền lợi thụ hưởng trong quan hệ cung ứng, sử dụng Séc và định hướng hoàn thiện
91	CN	Quyền và nghĩa vụ của chủ thể đi vay trong hợp đồng tín dụng và thực tiễn áp dụng	Nguyễn Thị Diễm	ThS. Nguyễn Thị Bích Mai	Khóa luận trình bày: Chương 1. Những vấn đề lý luận chung về quyền và nghĩa vụ của chủ thể đi vay trong hợp đồng tín dụng; Chương 2. Thực tiễn áp dụng quy định PL về quyền và nghĩa vụ của chủ thể đi vay trong hợp đồng tín dụng và một số kiến nghị hoàn thiện
92	CN	Mối quan hệ giữa Chủ tịch nước với các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư	Đào Thủy Tiên	ThS. Dương Hồng Thị Phi Phi	Những vấn đề lý luận và pháp lý về mối quan hệ giữa Chủ tịch nước với các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Thực trạng về mối quan hệ giữa Chủ tịch nước với các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp theo PL VN hiện nay và hướng hoàn thiện

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		pháp			
93	CN	PL về mua bán nhà ở xã hội	Nguyễn Thị Thùy Dung	ThS. Huỳnh Minh Phương	Khóa luận trình bày: Chương 1. Một số vấn đề lý luận chung về nhà ở xã hội và PL về mua bán nhà ở xã hội; Chương 2. Quy định PL về mua bán nhà ở xã hội; Chương 3. Thực tế mua bán nhà ở xã hội ở VN và một số nước trong khu vực - Kiến nghị nhằm hoàn thiện PL VN về mua bán nhà ở xã hội
94	CN	Chế tài hủy bỏ hợp đồng theo luật TM năm 2005	Trần Thị Thiên Thanh	TS. Nguyễn Thị Thu	Khóa luận trình bày: Chương 1. Khái quát chung về chế tài hủy bỏ hợp đồng theo luật TM năm 2005; Chương 2. Thực trạng áp dụng PL về chế tài hủy bỏ hợp đồng - Một số kiến nghị hoàn thiện
95	CN	Quyền kinh doanh bất động sản của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Nguyễn Trúc Quỳnh	ThS. Ngô Gia Hoàng	Một số vấn đề lý luận về doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài quyền kinh doanh bất động sản của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Thực trạng PL về quyền kinh doanh bất động sản của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và giải pháp hoàn thiện
96	CN	Hủy phán quyết trọng tài	Nguyễn Thị Thảo Vy	ThS. Từ Thanh Thảo	Những vấn đề lý luận chung về hủy phán quyết trọng tài. Yêu cầu hủy phán quyết trọng tài và các căn cứ hủy phán quyết trọng tài
97	CN	Xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo quy định của PL VN	Lê Thị Ngọc Phú	ThS. Hoàng Thế Cường	Những vấn đề lý luận và quy định PL VN về xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất. Thực tiễn áp dụng PL về xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo PL VN và kiến nghị hoàn thiện
98	CN	Thực tiễn áp dụng hóa đơn điện tử và giải pháp pháp lý để hoàn thiện	Hoàng Nguyễn Phương Dung	ThS. Nguyễn Hương Ly	Khóa luận trình bày: Chương 1. Khái quát chung về hóa đơn điện tử; Chương 2. Thực tiễn áp dụng PL VN về hóa đơn điện tử; Chương 3. Giải pháp pháp lý hoàn thiện quy định PL về hóa đơn điện tử tại VN
99	CN	Yêu cầu của Tòa án trong nhà nước pháp quyền	Lê Ngọc Mỹ Duyên	ThS. Nguyễn Mạnh Hùng	Khóa luận trình bày cơ sở lý luận và pháp lý về nhà nước pháp quyền, Tòa án trong lịch sử VN và một số phương hướng, giải pháp đổi mới Tòa án đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
					quyền xã hội chủ nghĩa VN
100	CN	Chuyên nhượng cổ phần trong công ty cổ phần theo luật doanh nghiệp 2014	Trần Thị Hết	ThS. Lê Nhật Bảo	Khóa luận trình bày cơ sở lý luận và pháp lý về chuyên nhượng cổ phần trong công ty cổ phần, đồng thời nêu ra thực trạng các quy định của PL qua đó đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện
101	CN	Khởi kiện biện pháp "AS SUCH" theo cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO	Nguyễn Nhật Anh	TS. Lê Thị Ánh Nguyệt	Khóa luận giới thiệu về cách áp dụng khởi kiện biện pháp "AS SUCH" theo cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO, đồng thời nêu ra thực tiễn khởi kiện biện pháp "AS SUCH" vi phạm điều khoản trong một số hiệp định của WTO qua một số vụ tranh chấp
102	CN	Quyền tuyên bố hủy bỏ hợp đồng của bên mua khi hàng hóa hoặc tài liệu không phù hợp với hợp đồng theo quy định của công ước viên 1980	Hồ Thanh Huyền	ThS. Phạm Thị Hiền	Nội dung khóa luận gồm: Chương 1, Điều kiện phát sinh quyền tuyên bố hủy bỏ hợp đồng của bên mua khi bên bán giao hàng hóa hoặc tài liệu không phù hợp với hợp đồng; Chương 2, Thực hiện quyền tuyên bố hủy bỏ hợp đồng khi hàng hóa hoặc tài liệu không phù hợp
103	CN	Hợp đồng lao động vô hiệu theo PL VN	Nguyễn Thị Thanh Kim	ThS. Nguyễn Thị Bích	Nội dung khóa luận gồm: Chương 1, Một số vấn đề lý luận về hợp đồng lao động vô hiệu và PL về hợp đồng lao động vô hiệu; Chương 2, Thực trạng PL về hợp đồng lao động vô hiệu ở VN
104	CN	Nguyên tắc độc lập của tòa án: Thực trạng và kiến nghị	Đỗ Hoàng Anh	ThS. Phan Nguyễn Phương Thảo	Nội dung khóa luận gồm: Chương 1, Những vấn đề lý luận chung về nguyên tắc độc lập của tòa án; Chương 2, Nguyên tắc độc lập của tòa án theo quy định của PL VN, thực trạng và kiến nghị
105	CN	Giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù theo luật hình sự VN	Trương Thị Minh Ngọc	TS. Phan Anh Tuấn	Trên cơ sở phân tích, đánh giá những bất cập, vướng mắc khi áp dụng trong thực tiễn về giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù, đề tài sẽ đưa ra những kiến nghị hướng dẫn áp dụng PL hình sự hoặc hoàn thiện quy định PL hình sự về giảm thời hạn chấp hành

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
					hình phạt tù
106	CN	Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trong PL lao động	Võ Thị Xuân Diệp	ThS. Đinh Thị Chiến	Đề tài tập trung nghiên cứu về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh được giao kết giữa người lao động và người sử dụng lao động, trong đó đề tài chủ yếu nghiên cứu các vấn đề lý luận bao gồm khái niệm, đặc điểm, bản chất, phân loại, sự cần thiết phải điều chỉnh bằng PL và yêu cầu đặt ra đối với PL khi điều chỉnh về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trong lao động; quy định PL VN về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trong lao động; các thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trong lao động trên thực tế và các tranh chấp phát sinh liên quan; và cuối cùng là nghiên cứu quy định PL nước ngoài về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trong lao động
107	CN	Người đại diện theo ủy quyền của đương sự trong tố tụng hành chính	Nguyễn Minh Tú	ThS. Nguyễn Hoàng Yến	Chương 1: Cơ sở lý luận và pháp lý về người đại diện theo ủy quyền của đương sự trong tố tụng hành chính; Chương 2: Thực tiễn thực hiện PL về người đại diện theo ủy quyền của đương sự trong tố tụng hành chính và giải pháp hoàn thiện
108	CN	Quấy rối tình dục tại nơi làm việc: quy định PL ở một số quốc gia và bài học kinh nghiệm cho VN	Nguyễn Thanh Phước	ThS. Lương Minh Sơn	Đề tài tập trung nghiên cứu các quy định PL lao động hiện hành có liên quan đến vấn đề quấy rối tình dục tại nơi làm việc của một số quốc gia điển hình trên thế giới và VN
109	CN	Thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP.HCM về chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức	Huỳnh Bá Bảo Lộc	ThS. Phan Nguyễn Phương Thảo	Chương 1: Cơ sở lý luận và pháp lý của việc thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh về thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức; Chương 2: Thực trạng thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh về chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức và một số kiến nghị

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
110	CN	Xác lập quyền đối với bất động sản liên kết theo quy định của PL VN	Lê Khả Luận	ThS. Nguyễn Nhật Thanh	Đề tài tập trung phân tích và xác định, làm rõ các vấn đề liên quan đến xác lập quyền đối với bất động sản liên kết theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 trên cơ sở so sánh, đối chiếu với một số cổ luật, các Bộ luật dân sự cũ và quy định của một số quốc gia trên thế giới
111	CN	Thanh tra chuyên ngành đối với hoạt động đăng ký kinh doanh (Từ thực tiễn tỉnh Bình Định)	Hồ Hàn Phong	ThS. Nguyễn Văn Trí	Chương 1: Những vấn đề lý luận pháp lý cơ bản về thanh tra chuyên ngành đối với hoạt động đăng ký kinh doanh; Chương 2: Thực trạng thanh tra chuyên ngành đối với hoạt động đăng ký kinh doanh tại tỉnh Bình Định và giải pháp nâng cao hiệu quả thanh tra chuyên ngành đối với hoạt động đăng ký kinh doanh
112	CN	Hợp đồng giả tạo trong hoạt động cho vay tài sản	Lê Thị Thanh Nguyên	ThS. Lê Thị Hồng Vân	Đề tài tập trung nghiên cứu khái niệm, đặc điểm của hợp đồng giả tạo; Cơ sở xác định để hợp đồng giao kết được xem là giả tạo; Giải quyết hậu quả pháp lý khi hợp đồng bị tuyên vô hiệu; Vấn đề bảo vệ người thứ ba ngay tình; Thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng giả tạo từ đó rút ra ý nghĩa của quy định về hợp đồng giả tạo trong PL VN
113	CN	Hoãn phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính	Nguyễn Mai Thảo Phương	ThS. Nguyễn Thanh Quyên	Chương 1: Cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý về hoãn phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính; Chương 2: Thực trạng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả của việc áp dụng các quy định về hoãn phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính
114	CN	Quyền phản tố của bị đơn trong tố tụng dân sự	Huỳnh Thị Trúc Mai	ThS. Xa Kiều Oanh	Khóa luận tập trung nghiên cứu khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa cũng như quy định PL hiện hành về quyền phản tố của bị đơn trong tố tụng dân sự. Trong quá trình áp dụng, các quy định về quyền phản tố vẫn chưa rõ ràng, cụ thể dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau trong cùng một vấn đề pháp lý. Vì vậy, khóa luận nghiên cứu thực trạng áp dụng các quy định của PL hiện hành về quyền phản tố của bị đơn trong tố tụng dân sự và kiến nghị

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
					hoàn thiện PL
115	CN	Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh theo PL VN	Trần Thịnh Phát	ThS. Đặng Hoa Trang	Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo PL VN. Điều kiện đầu tư kinh doanh theo PL VN
116	CN	Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con theo PL VN	Võ Thị Oanh	ThS. Lê Thị Mận	Đề tài tập trung nghiên cứu nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con trong quan hệ hôn nhân và gia đình giữa các chủ thể là công dân VN mà không đề cập đến vấn đề cấp dưỡng của cha, mẹ và con có yếu tố nước ngoài. Trong phạm vi cho phép, đề tài cũng không bàn đến nghĩa vụ cấp dưỡng của con đối với cha, mẹ trong quan hệ tương tác. Về giới hạn cơ chế pháp lý nghiên cứu, tác giả chú trọng tiếp cận PL HN&GD. Các chế tài xử lý vi phạm hành chính, hình sự khi vi phạm nghĩa vụ cấp dưỡng cũng như PL về thi hành án cấp dưỡng không được tác giả nghiên cứu sâu trong phạm vi khóa luận mà chỉ dừng lại ở mức độ tiếp cận vấn đề mang tính nguyên tắc
117	CN	Các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trong xử phạt vi phạm hành chính	Nguyễn Thanh Đăng Khoa	ThS. Nguyễn Nhật Khanh	Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp lý về tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trong xử phạt vi phạm hành chính; Chương 2: Thực trạng PL và áp dụng PL về các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trong xử phạt vi phạm hành chính và một số giải pháp hoàn thiện
118	CN	Một số vấn đề về trả lại đơn khởi kiện vụ án dân sự	Đỗ Thị Thương Huyền	TS. Đặng Thanh Hoa	Nội dung khóa luận bao gồm 2 chương. Chương 1: Trả lại đơn khởi kiện do người khởi kiện không đáp ứng điều kiện do PL quy định; Chương 2 Trả lại đơn khởi kiện do vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án
119	CN	PL về hòa giải TM	Nguyễn Thị Xuân	ThS. Nguyễn Hoàng	Tổng quan hòa giải TM trong giải quyết tranh chấp kinh doanh, TM. Thực trạng PL về hòa giải TM và kiến

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
			Hương	Thùy Trang	nghị hoàn thiện PL về hòa giải TM
120	CN	Quyền khiếu nại của đối tượng thanh tra	Dương Thị Thúy Trang	ThS. Võ Tấn Đào	Chương 1: Cơ sở lý luận và pháp lý quyền khiếu nại của đối tượng thanh tra; Chương 2: Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện quyền khiếu nại của đối tượng thanh tra
121	CN	Nghĩa vụ của bên nhượng quyền và bên nhận quyền trong hợp đồng nhượng quyền TM theo PL VN	Nguyễn Thị Minh	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nghĩa vụ của bên nhượng quyền trong hợp đồng nhượng quyền TM. Nghĩa vụ của bên nhận quyền trong hợp đồng nhượng quyền TM
122	CN	Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi bán lẻ các loại thuốc phải kê đơn mà không có đơn của bác sĩ	Trương Thị Ngọc Hà	ThS. Nguyễn Thiện Trí	Chương 1: Khái quát về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi bán lẻ các loại thuốc phải kê đơn mà không có đơn của bác sĩ; Chương 2: Thực trạng xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi bán lẻ các loại thuốc phải kê đơn mà không có đơn của bác sĩ và hướng hoàn thiện
123	CN	PL về chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở dưới hình thức phân lô, bán nền trong dự án kinh doanh nhà ở	Trần Thị Ngọc Hà	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Khái quát về chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở dưới hình thức phân lô, bán nền trong dự án kinh doanh nhà ở. Thực trạng PL về chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở dưới hình thức phân lô, bán nền trong dự án kinh doanh nhà ở và một số kiến nghị hoàn thiện PL
124	CN	Quy chế pháp lý về hội nghị chủ nợ theo Luật phá sản năm 2014	Phạm Thị Hằng Nga	ThS. Nguyễn Tuấn Vũ	Lý luận chung về hội nghị chủ nợ trong thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Thực trạng về quy chế hội nghị chủ nợ theo luật phá sản năm 2014
125	CN	PL về quảng cáo TM trên mạng internet tại	Trần Thị Hồng Nga	ThS. Nguyễn Văn Hùng	Khái quát chung về quảng cáo TM trên mạng internet tại VN. Thực trạng PL về quảng cáo TM trên mạng internet tại VN, những bất cập và

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		VN			hướng hoàn thiện
126	CN	Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm theo PL tố tụng dân sự VN	Nguyễn Phương Liên	ThS. Huỳnh Quang Thuận	Nội dung khóa luận bao gồm 2 chương. Chương 1: Khái quát chung về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm theo PL tố tụng dân sự VN; Chương 2: Thực trạng áp dụng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm
127	CN	Quyền định đoạt tài sản chung của vợ chồng	Phan Thị Trúc Phương	ThS. Trần Thị Hương	Tác giả tập trung nghiên cứu về quyền định đoạt tài sản chung của vợ chồng ở góc độ lý luận và thực tiễn của công dân VN theo quy định của PL hôn nhân và gia đình. Thực tiễn áp dụng và kiến nghị hoàn thiện
128	CN	PL về hoạt động ủy thác mua bán hàng hóa	Nguyễn Thị Ái Liên	ThS. Nguyễn Hoàng Phước Hạnh	Lý luận chung về hoạt động ủy thác mua bán hàng hóa. PL điều chỉnh hoạt động ủy thác mua bán hàng hóa thực tiễn và định hướng hoàn thiện
129	CN	Miễn trách nhiệm và giới hạn trách nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics	Đinh Thị Thùy Linh	ThS. Nguyễn Văn Hùng	Một số vấn đề lý luận chung về dịch vụ logistics. PL VN về miễn trách nhiệm và giới hạn trách nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics và một số đề xuất hoàn thiện PL
130	CN	Thẩm quyền của trọng tài theo luật trọng tài TM 2010	Trần Thị Lan Linh	ThS. Từ Thanh Thảo	Cơ sở lý luận về thẩm quyền của trọng tài. Thẩm quyền của trọng tài theo PL hiện hành, thực tiễn áp dụng và kiến nghị hoàn thiện
131	CN	Chính sách khoan hồng theo quy định của luật cạnh tranh năm 2018	Phạm Thị Út Lan	TS. Phạm Trí Hùng	Những vấn đề chung về chính sách khoan hồng theo luật cạnh tranh. Chính sách khoan hồng theo quy định của luật cạnh tranh năm 2018 và kiến nghị hoàn thiện
132	CN	Hội đồng quản trị trong công ty cổ phần theo luật doanh nghiệp năm	Lê Quốc Duy	ThS. Lê Nhật Bảo	Lý luận chung về hội đồng quản trị trong công ty cổ phần. Thực trạng quy định về hội đồng quản trị trong công ty cổ phần theo luật doanh nghiệp năm 2014 và một số kiến nghị

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		2014			
133	CN	Hiệu lực của thỏa thuận cổ đông theo PL Vương quốc Anh Vương quốc Anh và kinh nghiệm cho VN	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	ThS. Lê Nhật Bảo	Lý luận chung về thỏa thuận cổ đông và hiệu lực của thỏa thuận cổ đông. Hiệu lực của thỏa thuận cổ đông theo PL Vương quốc Anh. Hiệu lực của thỏa thuận cổ đông theo PL VN và hướng hoàn thiện
134	CN	PL về mua bán nhà ở TM hình thành trong tương lai	Nguyễn Thành Lâm	ThS. Hoàng Thị Biên Thùy	Nhà ở TM
135	CN	PL về mua bán nhà ở TM hình thành trong tương lai	Nguyễn Thành Lâm	ThS. Hoàng Thị Biên Thùy	Mua bán nhà ở
136	CN	PL về mua bán nhà ở TM hình thành trong tương lai	Nguyễn Thành Lâm	ThS. Hoàng Thị Biên Thùy	Nhà ở hình thành trong tương lai
137	CN	Hành vi lôi kéo khách hàng bất chính theo luật cạnh tranh 2018	Hà Tiến Huy	ThS. Đặng Quốc Chương	Lý luận chung về hành vi lôi kéo khách hàng bất chính. PL về hành vi lôi kéo khách hàng bất chính
138	CN	Quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán theo luật TM 2005	Phạm Trần Kim Thanh	TS. Nguyễn Thị Thư	Khái quát chung về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán theo luật TM 2005. Quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán, thực trạng PL và một số kiến nghị
139	CN	Các tiêu chí kiểm soát tập trung kinh tế theo luật cạnh tranh năm 2018	Lê Khanh	ThS. Đặng Quốc Chương	Cơ sở lý luận về tập trung kinh tế và các tiêu chí kiểm soát tập trung kinh tế. Các tiêu chí kiểm soát tập trung kinh tế theo luật cạnh tranh năm 2018
140	CN	Nguyên tắc không ai bị	Lê Thị Hiền	ThS. Lê Thị Thùy	Khóa luận trình bày vấn đề lý luận, pháp lý về nguyên tắc không ai bị kết

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		kết án hai lần vì một tội phạm theo PL tố tụng hình sự VN		Dương	án hai lần vì một tội phạm theo PL TTHSVN, phân tích thực tiễn áp dụng đồng thời đưa ra kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả trong vấn đề này
141	CN	Nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định Bộ luật hình sự năm 2015 - Lý luận và thực tiễn	Hoàng Thái Bảo	ThS. Mai Thị Thủy	Khóa luận trình bày vấn đề lý luận, pháp lý về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định Bộ luật hình sự năm 2015, phân tích thực tiễn áp dụng đồng thời đưa ra kiến nghị hoàn thiện vấn đề này
142	CN	Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo PL hình sự VN	Nguyễn Trần Hoài Thương	ThS. Trần Thanh Thảo	Khóa luận trình bày vấn đề lý luận, pháp lý về tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo PL hình sự VN, phân tích thực tiễn áp dụng đồng thời đưa ra kiến nghị hoàn thiện vấn đề này
143	CN	Ngoại lệ theo điều XXIV GATT 1994 - Xu hướng "Khu vực hóa" trong hệ thống TM hóa toàn cầu	Nguyễn Anh Trâm	TS. Lê Thị Minh Ngọc	Khóa luận trình bày vấn đề lý luận, pháp lý về ngoại lệ theo điều XXIV GATT 1994 - Xu hướng "Khu vực hóa" trong hệ thống TM hóa toàn cầu, phân tích thực tiễn áp dụng đồng thời đưa ra kiến nghị cho VN
144	CN	PL ASEAN về di chuyển lao động - Cơ hội và thách thức	Trần Anh Tú	Th.S. Hà Thị Hạnh	Khóa luận trình bày vấn đề lý luận, pháp lý về di chuyển lao động trong Cộng đồng kinh tế ASEAN, phân tích thực tiễn áp dụng đồng thời đưa ra kiến nghị cho VN
145	CN	Điều khoản bình ổn trong hợp đồng đầu tư QT - Lý luận và thực tiễn áp dụng	Nguyễn Đoàn Như Quỳnh	PGS. T.S. Trần Việt Dũng	Khóa luận trình bày vấn đề lý luận, pháp lý về điều khoản bình ổn trong hợp đồng đầu tư QT, phân tích thực tiễn áp dụng đồng thời đưa ra kiến nghị cho VN
146	CN	Nhận trở lại	Nguyễn	Th.S. Lê	Khóa luận trình bày vấn đề lý luận,

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		công dân trong luật QT và thực tiễn nhận trở lại công dân của VN	Thị Thanh Trúc	Đức Phương	pháp lý về nhận trở lại công dân trong luật QT và thực tiễn nhận trở lại công dân của VN, phân tích thực tiễn áp dụng đồng thời đưa ra kiến nghị cho VN
147	CN	Trách nhiệm chứng minh đối với vụ kiện về ngoại lệ điều XX GATT trong thủ tục giải quyết tranh chấp của WTO	Nguyễn Thị Thảo	Th.S. Nguyễn Thị Thu Thảo	Khóa luận trình bày vấn đề lý luận, pháp lý về trách nhiệm chứng minh đối với vụ kiện về ngoại lệ điều XX GATT trong thủ tục giải quyết tranh chấp của WTO, phân tích thực tiễn áp dụng đồng thời đưa ra kiến nghị cho VN
148	CN	Căn cứ hủy phán quyết trọng tài TM - So sánh với PL Singapore và đề xuất hướng hoàn thiện	Ngô Quốc Lâm	Th.S. Vũ Duy Cường	Khóa luận trình bày vấn đề lý luận, pháp lý về Căn cứ hủy phán quyết trọng tài TM - So sánh với PL Singapore và đề xuất hướng hoàn thiện, phân tích thực tiễn áp dụng đồng thời đưa ra kiến nghị cho VN
149	CN	Thay đổi, bổ sung và rút yêu cầu khởi kiện trong tố tụng dân sự	Bùi Nguyễn Anh Thư	Th.S. Nguyễn Trần Bảo Uyên	Chương 1: Thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện; Chương 2: Rút đơn khởi kiện
150	CN	Quyền khởi kiện vụ án dân sự theo PL tố tụng dân sự VN	Lê Thị Minh Ngọc	Th.S. Nguyễn Thị Hoài Trâm	Chương 1: Một số vấn đề lý luận về quyền khởi kiện trong tố tụng dân sự; Chương 2: Quy định của PL hiện hành về quyền khởi kiện vụ án dân sự; Chương 3: Thực tiễn thực hiện các quy định của quyền khởi kiện vụ án dân sự và kiến nghị hoàn thiện
151	CN	Lao động không trọn thời gian theo PL VN	Nguyễn Công Bằng	Th.S. Hoàng Thị Minh Tâm	Chương 1: Khái quát về lao động không trọn thời gian; Chương 2: Quy định của PL VN về lao động không trọn thời gian, thực trạng, và một số kiến nghị hoàn thiện
152	CN	Nhiệm vụ, quyền hạn của thẩm phán trong	Trần Thảo Nguyên	Th.S. Phan Nguyễn Bảo Ngọc	Chương 1: Tổng quan về nhiệm vụ, quyền hạn của thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm; Chương 2: Thực trạng quy định về

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án dân sự			nhiệm vụ, quyền hạn của thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và thực tiễn áp dụng và kiến nghị hoàn thiện
153	CN	PL về hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân theo luật đất đai 2013	Trịnh Văn Thương	ThS. Huỳnh Minh Phương	Khóa luận trình bày cơ sở lý luận và pháp lý về hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân theo luật đất đai 2013, đồng thời nêu ra thực trạng và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện
154	CN	Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc trong WTO và thực tiễn về bảo hộ trách hình	Lê Huỳnh Như	PGS. TS. Trần Thị Thùy Dương	Khóa luận trình bày cơ sở lý luận và pháp lý về nguyên tắc đối xử tối huệ quốc trong WTO và thực tiễn về bảo hộ trách hình, đồng thời nêu ra thực trạng và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện
155	CN	Phạm tội chưa đạt trong luật hình sự VN	Phạm Lê Mỹ Duyên	Th.S. Lê Vũ Huy	Khóa luận trình bày cơ sở lý luận và pháp lý về phạm tội chưa đạt trong luật hình sự VN, đồng thời nêu ra thực trạng và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện
156	CN	Phòng ngừa tội phạm tham ô trên địa bàn tỉnh Long An	Phạm Thị Bích Trâm	Th.S. Đinh Hà Minh	Khóa luận trình bày cơ sở lý luận và pháp lý về phòng ngừa tội phạm tham ô trên địa bàn tỉnh Long An, đồng thời nêu ra thực trạng và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện
157	CN	Kê biên, xử lý tài sản bảo đảm tại các tổ chức tín dụng trong thi hành án Dân sự	Lê Trình Anh Thư	TS. Lê Vĩnh Châu	Chương 1: Kê biên tài sản bảo đảm tại các tổ chức tín dụng trong thi hành án dân sự; Chương 2: Xử lý tài sản bảo đảm bị kê biên tại các tổ chức tín dụng trong thi hành án dân sự
158	CN	Các hình phạt đối với pháp nhân TM phạm tội trong luật hình sự VN	Lý Thị Thu Hiền	ThS. Phan Thị Phương Hiền	Chương 1: Một số vấn đề chung về hình phạt áp dụng đối với pháp nhân TM phạm tội; Chương 2: Quy định hình phạt đối với pháp nhân TM phạm tội trong bộ luật hình sự năm 2015; một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện
159	CN	Sự phân công và phối hợp giữa lập	Trần Thị Yến Nhi	TS. Nguyễn Mạnh Hùng	Chương 1: Những vấn đề lý luận về sự phân công và phối hợp giữa lập pháp và hành pháp; Chương 2: Sự

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		pháp và hành pháp ở VN			phần công và phối hợp giữa lập pháp và hành pháp trong lịch sử lập hiến VN
160	CN	Đánh bắt cá bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) theo PL EU và kinh nghiệm cho VN	Trương Thúy Vinh	TS. Ngô Hữu Phước	Chương 1: Khái quát về IUU trong quy định của PL VN và PL EU; Chương 2: Thực trạng áp dụng chế tài của EU đối với các nước xếp vào nhóm IUU Fishing
161	CN	Nguyên tắc giải quyết vụ án dân sự trong trường hợp chưa có điều luật để áp dụng	Nguyễn Hoàng Hồng Ánh	ThS. Phạm Thị Thúy	Chương 1: Khái quát nguyên tắc tòa án không được từ chối giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật áp dụng; Chương 2: Nguyên tắc giải quyết vụ án dân sự trong trường hợp chưa có điều luật để áp dụng
162	CN	Những vấn đề pháp lý và thực tiễn của VN khi tham gia thủ tục giải quyết tranh chấp trong WTO với tư cách nguyên đơn và bên thứ ba	Nguyễn Thúy Quỳnh	TS. Lê Thị Ánh Nguyệt	Chương 1: Tổng quan về cơ chế GQTC của WTO và việc tham gia với tư cách là nguyên đơn, bên thứ ba; Chương 2: Thực tiễn tham gia cơ chế GQTC của WTO với vai trò là nguyên đơn và bên thứ ba của một số nước và VN. Bài học kinh nghiệm và một số đề xuất kiến nghị
163	CN	Rủi ro và giải pháp hạn chế rủi ro cho nhà đầu tư cá nhân trên thị trường chứng khoán VN (sàn chứng khoán TP. HCM)	Đặng Tô Trang Đài	ThS. Ngô Huỳnh Giang	Nội dung đề tài gồm 3 chương: Chương I. Tổng quan về thị trường chứng khoán, rủi ro trong đầu tư chứng khoán; Chương II. Thực trạng và các rủi ro trong đầu tư tại thị trường chứng khoán TP. HCM; Chương III. Giải pháp và kiến nghị
164	CN	Nghĩa vụ cung cấp thông tin	Đỗ Nguyễn Hữu	ThS. Nguyễn Tuấn Vũ	Nội dung đề tài gồm 3 chương: Chương 1. Những vấn đề lý luận chung về nghĩa vụ cung cấp thông tin

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		trong hoạt động nhượng quyền TM theo PL VN	Tấn		trong hoạt động nhượng quyền TM; Chương 2. Thực trạng của PL VN về nghĩa vụ cung cấp thông tin trong giao kết hợp đồng nhượng quyền TM; Chương 3. Thực trạng của PL VN về nghĩa vụ cung cấp thông tin trong quá trình thực hiện hợp đồng nhượng quyền TM
165	CN	Quy định PL về hoạt động đầu tư vốn của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ	Trần Đình Khanh	TS. Phan Phương Nam	Nội dung đề tài gồm 2 chương: Chương 1. Lý luận chung về PL điều chỉnh hoạt động đầu tư vốn của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ; Chương 2. Thực trạng PL về hoạt động đầu tư vốn của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và một số đề xuất hoàn thiện quy định PL
166	CN	Khía cạnh pháp lý của chính sách dân số ở VN	Nguyễn Trọng Nghĩa	ThS. Võ Trung Tín	Nội dung đề tài gồm 2 chương: Chương 1. Chính sách dân số và sự hoạch định chính sách dân số tại VN qua các giai đoạn; Chương 2. Một số nhận định và kiến nghị hoàn thiện các quy định về chính sách dân số ở VN
167	CN	Nghiên cứu và lập kế hoạch phát triển sản phẩm mới của công ty TNHH TM - SX hữu doanh	TSàn Dũng Nghĩa	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Duyên	Nội dung đề tài gồm 3 chương: Chương 1. Cơ sở lý luận; Chương 2. Thực trạng doanh nghiệp - Công ty TNHH TM - SX hữu doanh; Chương 3. Kế hoạch phát triển sản phẩm mới - nước tẩy trang She's getle micellar water
168	CN	Quyền, nghĩa vụ của người giải quyết khiếu nại trong khiếu nại hành chính	Trương Thị Thoa	ThS. Lê Việt Sơn	Cơ sở lý luận và pháp lý về quyền, nghĩa vụ của người giải quyết khiếu nại trong khiếu nại hành chính. Thực trạng thực hiện và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện quyền, nghĩa vụ của người giải quyết khiếu nại trong khiếu nại hành chính
169	CN	Thỏa thuận không cạnh tranh trong lĩnh vực lao động	Phan Đăng Hoàng Trúc	ThS. Đoàn Công Yên	Những vấn đề lý luận chung về thỏa thuận không cạnh tranh trong lĩnh vực lao động. Quy định PL VN về thỏa thuận không cạnh tranh, kinh nghiệm của Nhật Bản và một số kiến nghị
170	CN	Điều khoản bình ổn trong hợp	Nguyễn Ý Mỹ Trinh	TS. Lê Thị Minh Ngọc	Khái quát chung trong đầu tư QT và điều khoản bình ổn. Thực tiễn sử dụng điều khoản bình ổn hợp đồng

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		đồng đầu tư QT: hợp đồng chia sản phẩm dầu khí ở VN			chia sản phẩm dầu khí ở VN
171	CN	Cắt giảm lao động tại doanh nghiệp theo PL VN	Nguyễn Thị Ái Quỳnh	TS. Nguyễn Thị Bích	Khái quát chung về cắt giảm lao động dưới góc độ lý luận và PL QT. Thực trạng ban hành và áp dụng các quy định về cắt giảm lao động tại doanh nghiệp theo PL lao động VN và hướng hoàn thiện
172	CN	Giải quyết xung đột PL về ly hôn có yếu tố nước ngoài theo PL Liên minh Châu Âu và bài học kinh nghiệm cho VN	Phạm Thị Yến Ngân	ThS. Phùng Hồng Thanh	Giải quyết xung đột PL về ly hôn theo PL Liên minh Châu Âu. Giải quyết xung đột PL về ly hôn theo PL VN và định hướng hoàn thiện. Một số kiến nghị và hoàn thiện PL VN
173	CN	Tính phù hợp của hàng hóa với hợp đồng theo quy định của công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa QT	Nguyễn Thanh Phương Vy	ThS. Phạm Thị Hiền	Tính phù hợp của hàng hóa trong trường hợp có thỏa thuận giữa các bên theo điều 35(1) CISG. Tính phù hợp của hàng hóa trong trường hợp các bên không có thỏa thuận theo quy định tại điều 35(2). Trách nhiệm của các bên trong trường hợp hàng hóa không phù hợp với hợp đồng
174	CN	Xác định các loại thiệt hại được bồi thường trong hợp đồng	Phan Nhật Hào	ThS. Lê Thị Diễm Phương	Khái quát chung về các loại thiệt hại được bồi thường do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng theo quy định của BLDS 2015. Thực tiễn giải quyết trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng và kiến nghị hoàn thiện PL
175	CN	Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định DS của tòa án nước	Nguyễn Thúy An	TS. Phan Hoài Nam	Tổng quan về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài tại VN. Thực trạng vấn đề Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án nước

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		ngoài tại VN - Những vấn đề lý luận và thực tiễn			ngoài tại VN - Giải pháp hoàn thiện
176	CN	Kiểm soát quyền hành pháp trong nhà nước pháp quyền	Nguyễn Thị Thùy Dương	ThS. Trương Thị Minh Thùy	Khóa luận tập trung nghiên cứu hai vấn đề sau: thứ nhất, tập trung nghiên cứu vấn đề kiểm soát quyền hành pháp từ phía Quốc hội và Tòa án thông qua một số phương thức mà hai cơ quan này thường sử dụng để kiểm soát quyền hành pháp; thứ 2, tập trung nghiên cứu phương thức kiểm soát quyền hành pháp ở a quốc gia là Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Cộng hòa Pháp và Cộng hòa Liên bang Đức
177	CN	Bí mật nhà nước và sự ảnh hưởng đến quyền tiếp cận thông tin ở VN	Trần Trịnh Ngọc Mai	ThS. Mai Thị Lâm	Mục đích nghiên cứu của đề tài là làm rõ cơ sở lý luận và xác định được bản chất của bí mật Nhà nước và quyền tiếp cận thông tin. Từ đó, đưa ra các đề xuất, giải pháp hoàn thiện PL về bí mật Nhà nước và quyền tiếp cận thông tin
178	CN	Sự kiểm soát giữa lập pháp và hành pháp ở VN	Vương Thục Oánh	ThS. Đinh Thị Cẩm Hà	Đề tài nghiên cứu nhằm xác định rõ những nội dung liên quan mối quan hệ kiểm soát giữa lập pháp và hành pháp ở VN, cũng như những yêu cầu của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa VN hơn trong việc kiểm soát quyền lực giữa lập pháp và hành pháp, thực tiễn thực hiện mối quan hệ này như thế nào, để từ đó có những phương hướng, giải pháp đổi mới mối quan hệ này cho phù hợp với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa VN
179	CN	Thành lập doanh nghiệp và góp vốn vào doanh nghiệp của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của PL VN	Đông Nữ Thùy Linh	ThS. Nguyễn Thị Phương Hà	Tác giả tập trung nghiên cứu, làm rõ những vấn đề liên quan đến hoạt động thành lập doanh nghiệp và góp vốn vào doanh nghiệp của NĐTNN theo quy định của Luật đầu tư 2014, Luật doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu lực liên quan. Tác giả không nghiên cứu quy định có liên quan đến vấn đề này trong các văn bản quy phạm PL khác (Nhật Bản, Singarore – cường quốc kinh tế hàng đầu Châu Á) nhằm so

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
					sánh, đánh giá quy định của PL VN
180	CN	Các vấn đề pháp lý về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài	Phan Chế Nghị	ThS. Từ Thanh Thảo	Trong khóa luận này, mặc dù tác giả vẫn tiến hành phân tích “Hiệu lực của thỏa thuận trọng tài” thông qua phương thức đối chiếu những quy định cũ – mới, đồng thời chỉ ra những điểm hạn chế để từ đó có thể đưa ra những kiến nghị phù hợp. Nhưng bên cạnh đó tác giả cũng đưa thêm vào những nội dung mới, làm rõ những vấn đề mà các tác giả trước đây chưa đề cập hoặc đã đề cập một cách khái quát. Hơn nữa, tác giả cũng bổ sung nhiều bản án mới, tiến hành so sánh đối chiếu cụ thể hơn với PL và thực tiễn xét xử của Tòa án nước ngoài để từ đó mang lại một góc nhìn chuyên sâu hơn về thỏa thuận trọng tài và hiệu lực của thỏa thuận trọng tài
181	CN	Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động và năng lực cạnh tranh tại công ty TNHH TM dịch vụ Tam Hiệp	Ninh Thảo Phương	Th.S. Vũ Đức Nghĩa Hưng	Khóa luận trình bày vấn đề nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động và năng lực cạnh tranh tại công ty TNHH TM dịch vụ Tam Hiệp
182	CN	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu vốn của các doanh nghiệp tài chính niêm yết trên cơ sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Ngô, Mai Kim Ngân	Th.S. Nguyễn Thị Ngọc	Khóa luận phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu vốn của các doanh nghiệp tài chính niêm yết trên cơ sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
183	CN	PL về kiểm soát khả năng thanh	Nguyễn Thị Tiểu	ThS. Trần Minh Hiệp	Đề tài tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản, PL và thực trạng PL VN điều chỉnh vấn đề khả năng

TT	Trình độ	Tên đề tài	Thực hiện	Người hướng dẫn	Tóm tắt
		toán đối với doanh nghiệp bảo hiểm	My		thanh toán đối với DNBH trong tương quan so sánh với PL chuyên ngành khác và PL của một số quốc gia
184	CN	Tác động của các nhân tố kinh tế vĩ mô đến thị trường chứng khoán VN	Nguyễn Thị Minh Trang	ThS. Lê Hoàng Phong	Luận văn đề cập đến các nhân tố vĩ mô tác động đến thị trường chứng khoán VN hiện nay bao gồm tỷ giá hối đoái, cung tiền mở rộng, lãi suất, chỉ số sản xuất công nghiệp, tỷ lệ lạm phát, giá dầu và giá vàng. Bên cạnh đó, thông qua mô hình vectơ hiệu chỉnh sai số VECM, luận văn sẽ chỉ ra mức độ ảnh hưởng của các nhân tố vĩ mô nói trên đến chỉ số giá chứng khoán của thị trường chứng khoán VN. Từ đó, tác giả đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý trên thị trường chứng khoán VN
185	CN	Quản trị rủi ro hệ thống trên thị trường chứng khoán VN	Phạm Đình Minh Duyên	ThS. Hồ Hoàng Gia Bảo	Chương I: Cơ sở lý luận về rủi ro và quản trị rủi ro trên thị trường chứng khoán; Chương II: Đo lường rủi ro hệ thống trên thị trường chứng khoán VN; Chương III: Một số kiến nghị và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro hệ thống trên thị trường chứng khoán VN

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1	Công An TP.HCM (14A+14B)	257	Đại Học	Luật Học	Tuyển sinh năm học 2018-2019
2	Lớp văn bằng 2 Dĩ An – Bình Dương	66	Đại Học	Luật Học	Tuyển sinh năm học 2018-2019
3	Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào (do TP. Hồ Chí Minh cấp học bổng, ký hợp đồng liên kết đào tạo)	34	Đại học	Luật (chuyên ngành Thương mại, Quốc tế, Hành chính)	- 18 SV đã được cấp bằng tốt nghiệp; - 12SV đang theo học; - 02 SV đã được cho thôi học theo nguyện vọng; - 02 SV đã bị buộc thôi học theo Quy chế, quy

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
					định đào tạo.
4	Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	40 học viên	Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh	Cấp chứng chỉ cho 40 học viên
5	Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	35 học viên	Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	Pháp luật về lao động trong quản lý nhân sự	Cấp chứng chỉ cho 35 học viên
6	Công ty Cổ phần hàng tiêu dùng Masan	25 học viên	Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh	Cấp chứng chỉ cho 25 học viên
7	Công ty Cổ phần hàng tiêu dùng Masan	25 học viên	Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	Cấp chứng chỉ cho 25 học viên

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

* Địa điểm tổ chức tất cả hội nghị, hội thảo khoa học dưới đây đều được tổ chức tại Trường ĐH Luật Tp. HCM

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Đại biểu tham dự
1.	Nói chuyện chuyên đề “Tiêu chuẩn đánh giá các trường đại học trên thế giới và mô hình phù hợp cho các trường đại học tại VN”	01/10/2018	50
2.	Nói chuyện chuyên đề “Xu hướng thế giới trong quản trị doanh nghiệp; quản trị tài chính và quản trị kinh doanh quốc tế: những giai đoạn phát triển và định hướng tương lai”	05/10/2018	50
3.	Hội thảo "Bài báo quốc tế trong lĩnh vực pháp luật"	10/10/2018	45
4.	Hội thảo "Những điểm mới của Luật Tố cáo 2018"	24/10/2018	60
5.	Hội thảo: " <i>Negotiating trade and investment agreements with Europe: EU, EFTA trade and investment law and policy</i> " (Đàm phán các hiệp định thương mại tự do với EU liên quan đến chính sách thương mại và đầu tư)	24/10/2018	30
6.	Hội thảo Nâng cao chất lượng đào tạo các môn tư pháp hình sự	31/10/2018	40
7.	Hội thảo quốc tế “Góp ý Dự thảo Luật Hành chính công Việt Nam”	14/11/2018	120
8.	Hội thảo Tầm quan trọng của bài báo quốc tế đối với giảng viên	14/11/2018	60
9.	Tọa đàm tổng kết Dự án " <i>Hỗ trợ pháp lý cho phạm nhân sắp mãn hạn tù và người đã chấp hành xong án</i> "	06/12/2018	20

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Đại biểu tham dự
	<i>phạt tù năm 2017"</i>		
10.	Tọa đàm: Giả thuyết nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu trong luận án tiến sĩ	12/12/2018	30
11.	Hội thảo quốc tế "Quy định pháp luật đặc thù về phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và kinh nghiệm nước ngoài"	14/12/2018	150
12.	Seminar: "Chiến tranh thương mại Mỹ-Trung: Vấn đề pháp lý và thực tiễn."	17/12/2018	40
13.	Hội thảo cấp quốc gia "Góp ý Dự thảo Luật Giáo dục (sửa đổi)"	28/12/2018	120
14.	Trao đổi học thuật " <i>Likert scale – terminology and analysis using PSPP</i> " (Thang đo Likert – thuật ngữ và phân tích với PSPP).	08/01/2019	30
15.	Trao đổi học thuật " <i>Funding, managing and publishing research internationally</i> " (Tài trợ, quản lý và công bố nghiên cứu quốc tế)	08/01/2019	30
16.	Hội thảo "Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới của Việt Nam: từ chiến lược tham gia đến thách thức khi thực thi"	09/01/2019	60
17.	Hội thảo "Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự"	09/01/2019	40
18.	Hội thảo "Những điểm mới của Luật cạnh tranh 2018"	09/01/2019	50
19.	Tọa đàm " <i>The basics of Factor Analysis</i> " (Những vấn đề cơ bản của phân tích nhân tố).	09/01/2019	40
20.	Tọa đàm về công bố bài báo quốc tế	11/01/2019	40
21.	Hội thảo KH "Góp ý các quy định về tự chủ và quản lý nhà nước trong Dự thảo Luật Giáo dục (sửa đổi)"	16/01/2019	50
22.	Tọa đàm "đa dạng hóa phương pháp giảng dạy các môn khoa học cơ bản"	24/01/2019	20
23.	Hội thảo: "Nâng cao chất lượng đào tạo Cao học Luật kinh tế hệ ứng dụng"	25/01/2019	35
24.	"Tọa đàm: Pháp luật năng lượng, đầu tư và thương mại tại Đông Nam Á"	14/02/2019	40
25.	Hội thảo "Mười năm thành lập Khoa Quản trị"	22/02/2019	50
26.	Hội thảo "Nhận diện nghề Luật và định hướng trang bị kỹ năng nghề cho sinh viên"	13/3/2019	50
27.	Trao đổi chuyên đề "Vấn đề thương lượng tập thể trong Dự thảo Bộ Luật Lao động"	21/3/2019	35
28.	Tọa đàm hướng nghiệp "Từ kỹ năng thương thuyết đến khả năng quản trị"	26/3/2019	40
29.	Hội thảo: "Hoàn thiện pháp luật về Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ"	27/3/2019	40
30.	Hội thảo "Góp ý Dự thảo Bộ Luật Lao động 2012 (sửa đổi)"	28/3/2019	30

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Đại biểu tham dự
31.	Hội thảo "Những điểm mới của Luật Lâm nghiệp"	17/4/2019	40
32.	Hội thảo khoa học: "Phương pháp NCKH và công bố bài báo quốc tế trong lĩnh vực pháp lý"	07/5/2019	140
33.	Hội thảo Luật An ninh mạng và vấn đề bảo vệ quyền con người.	31/5/2019	35
34.	Hội thảo khoa học "Cách thức ứng xử trên mạng xã hội của Sinh viên Luật nhìn từ góc độ Chính trị - Kinh tế - Văn hóa - Giáo dục"	05/6/2019	40
35.	Hội thảo "Nâng cao hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam: từ góc độ pháp luật và quản trị"	12/6/2019	130
36.	Hội thảo khoa học "Giảng dạy Luật so sánh trong bối cảnh hội nhập – Kiến nghị về vị trí môn học tại Trường Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh"	14/6/2019	40
37.	+ Hội thảo cấp trường "Phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay"	05/7/2019;	120
38.	+ Hội thảo quốc tế "Thách thức toàn cầu và ứng phó của địa phương: chuyển đổi quan hệ lao động công nghiệp và khung pháp lý tại Việt Nam và các nền kinh tế mới nổi"	15 và 16/7/2019;	150
39.	+ Hội thảo quốc tế "Quốc tịch và nhân thân của trẻ em có mẹ là di dân hôn nhân với người nước ngoài tại Việt Nam"	24/7/2019	35
40.	Hội thảo quốc tế "Chế tài trong pháp luật xử phạt vi phạm hành chính ở Việt Nam và kinh nghiệm của một số quốc gia"	04/10/2019	100
41.	Hội thảo quốc tế Góp ý Dự thảo Bộ luật Lao động 2012 (sửa đổi)	16/10/2019	150
42.	Hội thảo quốc gia "Hoàn thiện hệ thống văn bản dưới luật để triển khai thực hiện Luật Giáo dục năm 2019"	Sáng 22/11/2019	80
43.	Hội thảo quốc gia "Khung pháp lý về thành lập, quản trị và chuyển đổi các loại hình nhà trường"	Chiều 22/11/2019	80
44.	Hội thảo quốc tế "Hiệp định đối tác khu vực: cơ cấu, quy định và thực thi"	25 – 26/11/2019	120

I. Công khai thông tin về các hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

ST T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1.	Nhiệm vụ cấp quốc gia “Luận cứ khoa học sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục”	Cơ quan chủ trì: Trường ĐH Luật Tp. HCM Chủ nhiệm đề án: PGS TS Bùi Xuân Hải	Đối tác trong nước: - Khoa Luật – ĐHQG Hà Nội - Trường ĐH Luật Hà Nội	2017 - 2019	4.950 triệu đồng	<ul style="list-style-type: none"> - 01 Báo cáo tổng kết về cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn cho việc sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục phù hợp với các quan điểm chỉ đạo của Đảng, Quốc hội và chủ trương của Chính phủ, phù hợp với yêu cầu phát triển giáo dục trong thời gian tới; - 01 Báo cáo tổng kết thi hành Luật Giáo dục năm 2005, Luật sửa đổi, bổ sung năm 2009; - 01 Báo cáo đánh giá thực trạng pháp điển hóa quan điểm của Đảng tại Nghị Quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần 8 Ban chấp hành Trung ương Khóa XI; - 01 Báo cáo tham khảo kinh nghiệm nước ngoài về Luật Giáo dục và khuyến nghị cho VN; - 01 Báo cáo đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung của Luật Giáo dục, và xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề xuất và tác động về giới (nếu có); - 01 Bản đề xuất dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục trên cơ sở các chính sách đã được Quốc hội thông qua (03

ST T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
						<p>nhóm chính sách và 07 vấn đề);</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Báo cáo đề xuất một số nội dung dự kiến sửa đổi về chính sách đối với nhà giáo và báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nhà giáo; - 01 Bản đề xuất những chính sách mới cần bổ sung và báo cáo đánh giá tác động của chính sách đó; - 03 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành theo chủ đề của Đề án; - 01 bản thảo sách chuyên khảo về Hoàn thiện Luật Giáo dục; - 04 báo cáo hội thảo khoa học cấp quốc gia; - Quyết định phân công giảng viên hướng dẫn, quyết định công nhận hoàn thành bậc học Cao học (02 người) có chủ đề luận văn tương ứng với nội dung Đề án; - Báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt Đề án;
2.	<p>Đề tài NCKH cấp Bộ “Các giải pháp bảo vệ quyền tác giả trong môi trường giáo dục đại học Việt Nam”, mã số: B2019 – LPS – 01</p>	<p>Cơ quan chủ trì: Trường ĐH Luật TP. HCM Chủ nhiệm đề tài: ThS Trần Quang Trung</p>	<p>Đối tác trong nước: Trường ĐH Kinh tế- Luật TP.HCM; Trường ĐH Bách Khoa TP.HCM; Trường ĐH KH&N V TP.HCM;</p>	<p>2019-2021</p>	<p>200 triệu đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 02 Bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước; - 01 Đề cương giảng dạy pháp luật QTG bậc đại học (dành cho sinh viên không chuyên ngành luật); - 01 Bản tổng hợp nhận diện các hành vi xâm phạm QTG trong môi trường giáo dục ĐH;

ST T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
			Trường ĐH Hutech TP.HCM; Trường ĐH Công nghệ Sài Gòn TP.HCM; Trường ĐH Nguyễn Tất Thành; Trường ĐH Sài Gòn; Trường ĐH Mỹ Thuật TP.HCM; Trường ĐH Ngoại ngữ Tin học TP.HCM (Huflit); Trường ĐH Ngân Hàng Tp.HCM			- 01 Bản kiến nghị gửi Bộ Khoa và Công nghệ, Ủy ban Khoa học công nghệ và Môi trường của Quốc hội; - 01 Bản kiến nghị gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo về hoàn thiện cơ sở pháp lý nâng cao ý thức pháp luật QTG cho học sinh, sinh viên; - 01 Bản kiến nghị các giải pháp gửi các trường cao đẳng, đại học tăng cường năng lực thực thi và bảo vệ QTG trong nhà trường; - 01 Sổ tay hướng dẫn SV, học viên kỹ năng sử dụng, trích dẫn nguồn, sao chép nguồn tài liệu học tập phù hợp với quy định pháp luật.
3.	Đề tài NCKH cấp Trường: Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người làm công gây ra	Nguyễn Trương Tín	Không	2019 - 2020	55 triệu	- 01 báo cáo khoa học; - 01 bài báo khoa học
4.	Đề tài NCKH cấp Trường: Hoà giải theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam	Lê Huỳnh Tấn Duy	Không	2019 - 2020	60 triệu	- 01 báo cáo khoa học; - 02 bài báo khoa học
5.	Đề tài NCKH cấp Trường: Giữ bí mật cá nhân của người dưới 18 tuổi theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam	Đinh Văn Đoàn	Không	2019 - 2020	50 triệu	- 01 báo cáo khoa học; - 01 bài báo khoa học
6.	Đề tài NCKH cấp Trường: Hợp đồng tặng cho tài sản có điều kiện theo quy định của Bộ Luật Dân sự 2015	Lê Thị Diễm Phương	Không	2019 - 2020	60 triệu	- 01 báo cáo khoa học; - 01 bài báo khoa học
7.	Đề tài NCKH cấp Trường: Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời	Huỳnh Quang Thuận	Không	2019 - 2020	55 triệu	- 01 báo cáo khoa học; - 01 bài báo khoa học

ST T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	của Tòa án trong tố tụng trọng tài theo pháp luật Việt Nam					học
8.	Đề tài NCKH cấp Trường: Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thủ tục thi hành án dân sự	Lê Vĩnh Châu	Không	2019 - 2020	55 triệu	- 01 báo cáo khoa học; - 01 bài báo khoa học
9.	Đề tài NCKH cấp Trường: Xóa án tích đối với người bị kết án theo quy định Phần chung - Bộ Luật Hình sự năm 2015	Phan Thị Phương Hiền	Không	2019 - 2020	60 triệu	- 01 báo cáo khoa học; - 01 bài báo khoa học
10.	Đề tài NCKH cấp Trường: Tiêu chí xác định doanh nghiệp XH và chế độ ưu đãi, hỗ trợ	Lê Nhật Bảo	Không	2019 - 2020	60 triệu	- 01 báo cáo khoa học; - 01 bài báo khoa học
11.	Đề tài NCKH cấp Trường: Các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt tiền đối với vi phạm hành chính	Nguyễn Nhật Khanh	Không	2019 - 2020	55 triệu	- 01 báo cáo khoa học; - 01 bài báo khoa học
12.	Đề tài NCKH cấp Trường: Quyền miễn trừ của Đại biểu Quốc hội: kinh nghiệm của một số quốc gia và kiến nghị cho Việt Nam	Phan Nguyễn Phương Thảo	Không	2019 - 2020	60 triệu	- 01 báo cáo khoa học; - 01 bài báo khoa học
13.	Đề tài NCKH cấp Trường: Giám sát tư pháp đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan hành pháp – kinh nghiệm của một số nước cho VN	Lê Thị Thu Thảo	Không	2019 - 2020	60 triệu	- 01 báo cáo khoa học; - 01 bài báo khoa học
14.	Đề tài NCKH cấp Trường: Điều chỉnh của pháp luật lao động Việt Nam đối với thỏa ước lao động tập thể ngành	Nguyễn Thị Bích	Không	2019 - 2020	50 triệu	- 01 báo cáo khoa học; - 01 bài báo khoa học
15.	Đề tài NCKH cấp Trường: Pháp luật có mối quan hệ gắn bó nhất với hợp đồng có yếu tố nước ngoài - nghiên cứu so	Phan Hoài Nam	Không	2019 - 2020	55 triệu	- 01 báo cáo khoa học; - 01 bài báo khoa học

ST T	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	sánh pháp luật Việt Nam, EU và một số nước					
16.	Đề tài NCKH cấp Trường: Xác định quốc tịch của nhà đầu tư nước ngoài – Thực tiễn quốc tế và kinh nghiệm cho VN	Lê Minh Nhựt	Không	2019 - 2020	55 triệu	01 báo cáo khoa học; 01 bài báo khoa học

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

ST T	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Đại học Luật Tp. HCM	Từ ngày 23/09-08/10/2016	Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục ban hành theo Quyết định 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/03/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (Quyết định 10/QĐ-TTKĐ ngày 03/05/2017 của GD TT KĐCLGD-ĐHQG Tp.HCM)	Số 01/NQ-HĐKĐCLG D ngày 27/03/2017 về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường ĐH Luật Tp. HCM	Đạt yêu cầu 52/61 tiêu chí (chiếm 85.25%)	03/05/2017	03/05/2022

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2019

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Trần Hoàng Hải

Biểu mẫu 19

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM**

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường ĐH Luật Tp.HCM, năm học 2018-2019

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng Trong đó:	19.996	19.996		
a	Trụ sở chính: Số 2 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM	3.569	3.569		
b	Cơ sở 2: 123 QL13, P.HBC, Q.Thủ Đức, Tp.HCM	3.627	3.627		
c	Cơ sở 3 tại Phường Long Phước, Q.9, TP.HCM (đang xây dựng)	12.800	12.800		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH Trong đó:	58.354	58.354		
a	Trụ sở chính: Số 2 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM	13.562	13.562		
b	Cơ sở 2 tại 123 QL13, P. HBC, Q. Thủ Đức, TP.HCM	12.132	12.132		
c	Cơ sở 3 tại Phường Long Phước, Q.9, TP.HCM (đang xây dựng)	32.660	32.660		

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm...	0						
2	Phòng thực hành...	5	Thực hành tin học	Sinh viên	300	x		
3	Xưởng thực tập...	0						
4	Nhà tập đa năng	0						
5	Hội trường	7			2.518			
6	Phòng học...	62			5.613			
7	Phòng học đa	0						

	phương tiện...						
8	Thư viện...	4			4.268		
9	Trung tâm học liệu...	2			222		
10	Các phòng chức năng khác	0					


C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	6
2	Số chỗ ngồi đọc	600-700
3	Số máy tính của thư viện	106
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	Tạp chí: 52 - Ebook: 67 cuốn - Sách: 20.047 nhan đề - CSDL: 5 (Westlaw, Heinonline, Libol, iG library, iDragon)
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	Thư viện Khoa học tổng hợp TPHCM Thư viện ĐH Luật Hà Nội, ĐH Kinh tế - Luật TPHCM, ĐH Kiểm sát Hà Nội, ĐH Bình Dương, ĐH Công nghệ Long An

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên chính quy 7196m ² (nếu tính cơ sở 1, 2), 19996 m ² (nếu tính cơ sở 1, 2 và cơ sở 3 đang xây dựng)	0.77 m ² /SV (nếu tính cơ sở 1, 2) 2.14 m ² /SV (nếu tính cơ sở 1, 2 và cơ sở 3 đang xây dựng)
2	Diện tích sàn/sinh viên chính quy: 25694m ² (nếu tính cơ sở 1, 2), 58354 m ² (nếu tính cơ sở 1, 2 và cơ sở 3 đang xây dựng)	2.76 m ² /SV (nếu tính cơ sở 1, 2) 6.26 m ² /SV (nếu tính cơ sở 1, 2 và cơ sở 3 đang xây dựng)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

* **Trần Hoàng Hải**

Biểu mẫu 20

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM
THÔNG BÁO**

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Luật Tp.HCM, năm học 2018-2019

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số											
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành											
a	Khối ngành I											
	Ngành...											
	Ngành...											
b	Khối ngành II											
	Ngành...											
c	Khối ngành III											
	Ngành Luật	213		16	45	138	14	0	0	182	15	16
	Ngành Quản trị luật - QTKD	22			6	16	0	0	0	21	1	
d	Khối ngành IV											
	Ngành...											
đ	Khối ngành V											
	Ngành...											
	Khối ngành VII											
	Ngành Ngôn ngữ Anh	18			1	14	3	0	0	18		
2	Giảng viên cơ hữu môn chung	21		1	3	15	2	0	0	15	5	1



	phương tiện...						
8	Thư viện...	4			4.268		
9	Trung tâm học liệu...	2			222		
10	Các phòng chức năng khác	0					

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	6
2	Số chỗ ngồi đọc	600-700
3	Số máy tính của thư viện	106
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	Tạp chí: 52 - Ebook: 67 cuốn - Sách: 20.047 nhan đề - CSDL: 5 (Westlaw, Heinonline, Libol, iG library, iDragon)
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	Thư viện Khoa học tổng hợp TPHCM Thư viện ĐH Luật Hà Nội, ĐH Kinh tế - Luật TPHCM, ĐH Kiểm sát Hà Nội, ĐH Bình Dương, ĐH Công nghệ Long An

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên chính quy 7196m ² (nếu tính cơ sở 1, 2), 19996 m ² (nếu tính cơ sở 1, 2 và cơ sở 3 đang xây dựng)	0.77 m ² /SV (nếu tính cơ sở 1, 2) 2.14 m ² /SV (nếu tính cơ sở 1, 2 và cơ sở 3 đang xây dựng)
2	Diện tích sàn/sinh viên chính quy: 25694m ² (nếu tính cơ sở 1, 2), 58354 m ² (nếu tính cơ sở 1, 2 và cơ sở 3 đang xây dựng)	2.76 m ² /SV (nếu tính cơ sở 1, 2) 6.26 m ² /SV (nếu tính cơ sở 1, 2 và cơ sở 3 đang xây dựng)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Hoàng Hải

Biểu mẫu 20

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM
THÔNG BÁO**

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Luật Tp.HCM, năm học 2018-2019

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số											
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành											
a	Khối ngành I											
	Ngành...											
	Ngành...											
b	Khối ngành II											
	Ngành...											
c	Khối ngành III											
	Ngành Luật	213		16	45	138	14	0	0	182	15	16
	Ngành Quản trị luật - QTKD	22			6	16	0	0	0	21	1	
d	Khối ngành IV											
	Ngành...											
đ	Khối ngành V											
	Ngành...											
	Khối ngành VII											
	Ngành Ngôn ngữ Anh	18			1	14	3	0	0	18		
2	Giảng viên cơ hữu môn chung	21		1	3	15	2	0	0	15	5	1



B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
A	Khối ngành III					
I	Ngành Luật, Ngành Quản trị Luật và ngành Luật Thương mại quốc tế					
1	Bùi Thị Thanh Thảo	09/07/1981	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
2	Cao Vũ Minh	11/08/1984	Nam	Thư ký Tòa soạn	Tiến sỹ	Luật học
3	Chung Lê Hồng Ân	14/05/1989	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
4	Danh Phạm Mỹ Duyên	25/09/1992	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
5	Dũng Thị Mỹ Thắm	28/04/1994	Nữ			Luật học
6	Dương Hoán	27/03/1979	Nam	Giám đốc Trung tâm	Thạc sỹ	Luật học
7	Dương Hồng Thị Phi Phi	30/07/1982	Nữ	Phó trưởng bộ môn phụ trách thuộc khoa	Thạc sỹ	Luật học
8	Đào Thị Vui	08/03/1987	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
9	Đặng Anh Quân	30/03/1978	Nam		Tiến sỹ	Luật học
10	Đặng Hoa Trang	01/04/1990	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
11	Đặng Huỳnh Thiên Vy	11/11/1988	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
12	Đặng Lê Phương Uyên	12/11/1995	Nữ			Luật học
13	Đặng Nguyễn Phương Uyên	11/05/1992	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
14	Đặng Quốc Chương	05/07/1982	Nam		Thạc sỹ	Luật học
15	Đặng Tất Dũng	08/05/1979	Nam		Tiến sỹ	Luật học
16	Đặng Thái Bình	21/10/1994	Nam			Luật học
17	Đặng Thanh Hoa	30/01/1974	Nữ		Tiến sỹ	Luật học
18	Đặng Thị Thu Trang	05/02/1985	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
19	Đình Hà Minh	06/03/1988	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
20	Đình Thị Chiến	20/03/1975	Nữ	Phó Giám đốc Trung tâm	Thạc sỹ	Luật học
21	Đình Văn Đoàn	01/01/1986	Nam		Thạc sỹ	Luật học
22	Đoàn Công Yên	16/04/1984	Nam		Thạc sỹ	Luật học
23	Đỗ Thanh Trung	10/09/1979	Nam		Tiến sỹ	Luật học
24	Hà Ngọc Quỳnh Anh	05/09/1980	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
25	Hà Thị Hạnh	05/01/1981	Nữ		Thạc sỹ	Luật học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
26	Hoàng Thế Cường	15/08/1977	Nam		Thạc sỹ	Luật học
27	Hoàng Thị Biên Thùy	17/04/1984	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
28	Hoàng Thị Minh Tâm	29/10/1985	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
29	Hoàng Thị Tuệ Phương	28/10/1979	Nữ		Tiến sỹ	Luật học
30	Hoàng Việt	29/11/1971	Nam		Thạc sỹ	Luật học
31	Hoàng Vũ Cường	07/01/1990	Nam		Thạc sỹ	Luật học
32	Huỳnh Minh Phương	07/11/1974	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
33	Huỳnh Quang Thuận	09/10/1990	Nam		Thạc sỹ	Luật học
34	Lê Đức Phương	06/10/1979	Nam		Thạc sỹ	Luật học
35	Lê Hà Huy Phát	08/09/1987	Nam		Thạc sỹ	Luật học
36	Lê Huỳnh Tấn Duy	25/02/1981	Nam	Trưởng Bộ môn trực thuộc Khoa	Tiến sỹ	Luật học
37	Lê Minh Nhựt	11/06/1992	Nam		Thạc sỹ	Luật học
38	Lê Nét	25/09/1971	Nam		Tiến sỹ	Luật học
39	Lê Ngọc Anh	04/02/1987	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
40	Lê Nguyên Thanh	10/04/1973	Nam	Thư Ký Hội Đồng Trường	Tiến sỹ	Luật học
41	Lê Nhật Bảo	11/08/1991	Nam		Thạc sỹ	Luật học
42	Lê Tấn Phát	19/08/1987	Nam		Thạc sỹ	Luật học
43	Lê Tường Vy	15/03/1979	Nữ		Tiến sỹ	Luật học
44	Lê Thanh Hà	14/08/1994	Nữ			Luật học
45	Lê Thế Tài	29/06/1971	Nam	Phó Trưởng phòng	Tiến sỹ	Luật học
46	Lê Thị Anh Nga	08/09/1988	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
47	Lê Thị Ánh Nguyệt	15/08/1978	Nữ		Tiến sỹ	Luật học
48	Lê Thị Diễm Phương	22/11/1980	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
49	Lê Thị Hồng Vân	23/06/1982	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
50	Lê Thị Mận	02/10/1968	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
51	Lê Thị Mơ	09/02/1985	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
52	Lê Thị Ngân Hà	30/05/1985	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
53	Lê Thị Ngọc Hà	20/05/1987	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
54	Lê Thị Thu Thảo	15/12/1992	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
55	Lê Thị Thùy Dương	22/05/1987	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
56	Lê Trần Quốc Công	11/04/1992	Nam		Thạc sỹ	Luật học
57	Lê Trường Sơn	26/09/1971	Nam	Phó Hiệu trưởng	Tiến sỹ	Luật học
58	Lê Văn Tranh	22/12/1986	Nam		Thạc sỹ	Luật học
59	Lê Việt Sơn	15/09/1984	Nam		Thạc sỹ	Luật học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
60	Lê Vĩnh Châu	16/10/1972	Nam	Trưởng Bộ môn trực thuộc Khoa	Tiến sĩ	Luật học
61	Lê Vũ Huy	19/10/1985	Nam		Thạc sĩ	Luật học
62	Lường Minh Sơn	20/02/1989	Nam		Thạc sĩ	Luật học
63	Lương Thị Mỹ Quỳnh	02/12/1977	Nữ		Tiến sĩ	Luật học
64	Mai Khắc Phúc	10/06/1976	Nam		Thạc sĩ	Luật học
65	Mai Thị Lâm	23/01/1988	Nữ		Thạc sĩ	Luật học
66	Mai Thị Thủy	12/06/1985	Nữ		Thạc sĩ	Luật học
67	Ngô Gia Hoàng	02/03/1991	Nam		Thạc sĩ	Luật học
68	Ngô Hữu Phước	01/06/1972	Nam	Phó Trưởng Khoa	Tiến sĩ	Luật học
69	Ngô Kim Hoàng Nguyên	20/01/1985	Nam	Phó Giám đốc Trung tâm	Thạc sĩ	Luật học
70	Ngô Nguyễn Thảo Vy	05/03/1991	Nữ		Thạc sĩ	Luật học
71	Ngô Thị Anh Vân	08/07/1990	Nữ		Thạc sĩ	Luật học
72	Ngô Thị Kim Hoàng	07/08/1991	Nữ			Luật học
73	Nguyễn Đào Phương Thúy	18/09/1993	Nữ	Phó Bí Thư Đoàn Trường	Thạc sĩ	Luật học
74	Nguyễn Đức Hiếu	07/01/1986	Nam		Thạc sĩ	Luật học
75	Nguyễn Hoàng Phước Hạnh	03/04/1992	Nữ		Thạc sĩ	Luật học
76	Nguyễn Hoàng Thái Hy	22/09/1992	Nam		Thạc sĩ	Luật học
77	Nguyễn Hoàng Thùy Trang	24/08/1982	Nữ		Thạc sĩ	Luật học
78	Nguyễn Hoàng Yên	23/09/1984	Nữ		Thạc sĩ	Luật học
79	Nguyễn Hồ Bích Hằng	06/08/1980	Nữ		Tiến sĩ	Luật học
80	Nguyễn Hương Ly	16/10/1988	Nữ		Thạc sĩ	Luật học
81	Nguyễn Lê Hoài	24/11/1987	Nữ		Thạc sĩ	Luật học
82	Nguyễn Mai Anh	21/01/1992	Nữ		Thạc sĩ	Luật học
83	Nguyễn Mạnh Hùng	13/11/1980	Nam	Phó Trưởng Khoa	Tiến sĩ	Luật học
84	Nguyễn Ngọc Hồng Phượng	14/02/1988	Nữ			Luật học
85	Nguyễn Nhật Khanh	09/10/1992	Nam		Thạc sĩ	Luật học
86	Nguyễn Nhật Thanh	29/07/1988	Nam		Thạc sĩ	Luật học
87	Nguyễn Phương Thảo	01/12/1993	Nữ		Thạc sĩ	Luật học
88	Nguyễn Phương Thảo	20/06/1989	Nữ		Thạc sĩ	Luật học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
89	Nguyễn Phương An	23/02/1992	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
90	Nguyễn Phương Thảo	08/10/1992	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
91	Nguyễn Tấn Hoàng Hải	04/04/1991	Nam		Thạc sỹ	Luật học
92	Nguyễn Tú Anh	27/04/1978	Nữ	Phó Trưởng phòng phụ trách	Thạc sỹ	Luật học
93	Nguyễn Tuấn Vũ	06/02/1990	Nam		Thạc sỹ	Luật học
94	Nguyễn Thái Cường	20/09/1988	Nam		Tiến sỹ	Luật học
95	Nguyễn Thanh Quyên	07/01/1992	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
96	Nguyễn Thị Bích	20/04/1977	Nữ		Tiến sỹ	Luật học
97	Nguyễn Thị Bích Mai	18/10/1984	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
98	Nguyễn Thị Bích Ngọc	22/06/1967	Nữ	Trưởng Phòng	Tiến sỹ	Luật học
99	Nguyễn Thị Hải Vân	27/03/1966	Nữ		Tiến sỹ	Luật học
100	Nguyễn Thị Hằng	28/11/1982	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
101	Nguyễn Thị Hoa	05/07/1987	Nữ		Tiến sỹ	Luật học
102	Nguyễn Thị Hoài Thu	08/03/1987	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
103	Nguyễn Thị Hoài Trâm	07/02/1985	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
104	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	13/05/1983	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
105	Nguyễn Thị Kiều Oanh	22/11/1977	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
106	Nguyễn Thị Kim Cúc	17/08/1991	Nữ			Luật học
107	Nguyễn Thị Kim Duyên	31/12/1992	Nữ			Luật học
108	Nguyễn Thị Lan Hương	12/10/1983	Nữ	Phụ trách Hành chính	Thạc sỹ	Luật học
109	Nguyễn Thị Minh Trâm	25/04/1987	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
110	Nguyễn Thị Ngọc Lan	28/07/1986	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
111	Nguyễn Thị Ngọc Mai	23/01/1977	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
112	Nguyễn Thị Phương Hà	10/04/1990	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
113	Nguyễn Thị Tuyết Anh	02/12/1992	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
114	Nguyễn Thị Thanh Huyền	11/08/1983	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
115	Nguyễn Thị Thiện Trí	09/08/1981	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
116	Nguyễn Thị Thu Hằng	09/01/1991	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
117	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/05/1978	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
118	Nguyễn Thị Thu Thảo	20/01/1987	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
119	Nguyễn Thị Thúy	10/06/1984	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
120	Nguyễn Thị Thùy Dung	23/02/1991	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
121	Nguyễn Thị Thu	05/10/1976	Nữ	Phó Trưởng Bộ môn	Tiến sỹ	Luật học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
				trực thuộc Khoa		
122	Nguyễn Thị Thương	01/10/1991	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
123	Nguyễn Thị Vân Huyền	27/08/1983	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
124	Nguyễn Trần Bảo Uyên	05/09/1992	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
125	Nguyễn Trọng Luận	29/10/1992	Nam		Thạc sỹ	Luật học
126	Nguyễn Trung Dương	26/06/1992	Nam	Phó Bí Thư Đoàn Trường	Thạc sỹ	Luật học
127	Nguyễn Trương Tín	05/05/1977	Nam		Thạc sỹ	Luật học
128	Nguyễn Văn Hùng	16/05/1971	Nam		Thạc sỹ	Luật học
129	Nguyễn Văn Trí	25/11/1981	Nam	Phó trưởng bộ môn phụ trách thuộc khoa	Thạc sỹ	Luật học
130	Nguyễn Xuân Mỹ Hiền	04/04/1993	Nữ			Luật học
131	Nguyễn Xuân Quang	20/06/1970	Nam	Phó Trưởng Khoa	Tiến sỹ	Luật học
132	Phạm Hoài Huân	08/12/1983	Nam		Tiến sỹ	Luật học
133	Phạm Thái	20/10/1976	Nam	Phó Trưởng Khoa	Tiến sỹ	Luật học
134	Phạm Thị Hiền	30/12/1991	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
135	Phạm Thị Minh Trang	09/11/1994	Nữ			Luật học
136	Phạm Thị Phương Thảo	11/11/1984	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
137	Phạm Thị Phương Thảo	05/05/1989	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
138	Phạm Thị Tuyết Mai	28/09/1976	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
139	Phạm Thị Thúy	23/10/1990	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
140	Phạm Trí Hùng	27/06/1970	Nam		Tiến sỹ	Luật học
141	Phạm Văn Võ	01/02/1969	Nam	Phó Trưởng Khoa	Tiến sỹ	Luật học
142	Phan Hoài Nam	13/07/1982	Nam		Tiến sỹ	Luật học
143	Phan Nguyễn Bảo Ngọc	18/01/1991	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
144	Phan Nguyễn Phương Thảo	16/06/1986	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
145	Phan Phương Nam	21/03/1979	Nam	Phó Trưởng Khoa	Tiến sỹ	Luật học
146	Phan Thị Kim Ngân	09/11/1986	Nữ		Thạc sỹ	Luật học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
147	Phan Thị Phương Hiền	30/03/1987	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
148	Phan Thị Thành Dương	10/06/1975	Nữ	Trưởng Bộ môn trực thuộc Khoa	Tiến sỹ	Luật học
149	Phùng Hồng Thanh	24/04/1990	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
150	Tăng Thị Bích Diễm	25/03/1993	Nữ			Luật học
151	Từ Thanh Thảo	20/11/1982	Nam		Thạc sỹ	Luật học
152	Thái Thị Tuyết Dung	24/12/1976	Nữ	Trưởng Bộ môn trực thuộc Khoa	Tiến sỹ	Luật học
153	Trần Hoàng Nga	24/01/1971	Nữ	Giám đốc Trung tâm	Tiến sỹ	Luật học
154	Trần Kim Chi	14/11/1994	Nữ			Luật học
155	Trần Linh Huân	22/11/1992	Nam		Thạc sỹ	Luật học
156	Trần Minh Hiệp	07/06/1983	Nam		Thạc sỹ	Luật học
157	Trần Ngọc Hà	17/06/1982	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
158	Trần Ngọc Lan Trang	20/05/1988	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
159	Trần Quang Trung	01/11/1976	Nam		Thạc sỹ	Luật học
160	Trần Quốc Minh	19/04/1988	Nam		Thạc sỹ	Luật học
161	Trần Thanh Thảo	01/06/1986	Nam		Thạc sỹ	Luật học
162	Trần Thị Ánh Minh	04/08/1985	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
163	Trần Thị Bảo Nga	23/08/1982	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
164	Trần Thị Hương	15/03/1967	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
165	Trần Thị Ngọc Hà	07/04/1995	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
166	Trần Thị Thu Hà	29/08/1977	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
167	Trần Thị Thu Hà	20/11/1987	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
168	Trần Thị Thuận Giang	30/03/1986	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
169	Trần Thị Trúc Minh	19/12/1975	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
170	Trần Văn Thượng	09/03/1993	Nam			Luật học
171	Trịnh Thị Kim Loan	10/12/1976	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
172	Trương Tư Phước	14/04/1989	Nam		Thạc sỹ	Luật học
173	Trương Thị Kim Xuyên	06/09/1992	Nữ			Luật học
174	Trương Thị Minh Thùy	06/01/1992	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
175	Trương Thị Tuyết Minh	14/11/1983	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
176	Võ Hưng Đạt	16/07/1989	Nam		Thạc sỹ	Luật học
177	Võ Tấn Đào	02/01/1992	Nam		Thạc sỹ	Luật học
178	Võ Trung Tín	22/12/1979	Nam	Phó trưởng bộ môn phụ trách	Tiến sỹ	Luật học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
				thuộc khoa		
179	Vũ Duy Cường	01/06/1976	Nam	Giám đốc Trung tâm	Thạc sỹ	Luật học
180	Vũ Thị Ngọc Dung	10/03/1991	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
181	Vũ Thị Quyên	15/01/1991	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
182	Xa Kiều Oanh	22/04/1992	Nữ		Thạc sỹ	Luật học
183	Nguyễn Thị Thùy	11/11/1972	Nữ	Phó Trưởng khoa Phụ trách	Phó giáo sư – tiến sỹ	Luật học
II	Ngành Quản trị luật – Quản trị kinh doanh					
1	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	17/10/1987	Nữ		Thạc sỹ	QTrL, QTKD
2	Lê Hoàng Phong	01/01/1985	Nam	Phó Trưởng Bộ môn trực thuộc Khoa	Thạc sỹ	QTrL, QTKD
3	Trần Thùy Nhung	19/04/1989	Nữ		Thạc sỹ	QTrL, QTKD
4	Nghiêm Thị Vân Thanh	16/10/1985	Nữ		Thạc sỹ	QTrL, QTKD
5	Vũ Thị Thanh Vân	19/04/1972	Nữ		Tiến sỹ	QTrL, QTKD
6	Nguyễn Quốc Phong	20/08/1977	Nam		Thạc sỹ	QTrL, QTKD
7	Ngô Huỳnh Giang	15/05/1980	Nữ		Thạc sỹ	QTrL, QTKD
8	Hồ Hoàng Gia Bảo	05/10/1991	Nam		Thạc sỹ	QTrL, QTKD
9	Vũ Quang Mạnh	15/07/1988	Nam		Thạc sỹ	QTrL, QTKD
10	Nguyễn Minh Đạt	14/05/1992	Nam		Tiến sỹ	QTrL, QTKD
11	Nguyễn Quốc Ninh	22/06/1984	Nam	Phó Trưởng Bộ môn trực thuộc Khoa	Thạc sỹ	QTrL, QTKD
12	Hoàng Thị Thúy	20/09/1989	Nữ		Thạc sỹ	QTrL, QTKD
13	Lương Công Nguyên	08/06/1980	Nam		Tiến sỹ	QTrL, QTKD
14	Nguyễn Xuân Tùng	14/01/1959	Nam		Tiến sỹ	QTrL, QTKD
15	Nguyễn Quyết Chiến	06/11/1956	Nam		Tiến sỹ	QTrL, QTKD
16	Nguyễn Thị Ngọc	13/06/1980	Nữ		Thạc sỹ	QTrL, QTKD
17	Hoàng Văn Long	13/08/1977	Nam		Tiến sỹ	QTrL, QTKD
18	Nguyễn Thanh Hoàng Anh	10/04/1983	Nữ		Thạc sỹ	QTrL, QTKD
19	Nguyễn Thị Thùy Dung	23/10/1991	Nữ		Thạc sỹ	QTrL, QTKD

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
20	Hà Thị Thanh Mai	01/02/1983	Nữ	Phó Trưởng Bộ môn trực thuộc Khoa	Thạc sỹ	QTrL, QTKD
21	Vũ Đức Nghĩa Hưng	28/04/1985	Nam		Thạc sỹ	QTrL, QTKD
22	Nguyễn Trọng Tín	14/02/1988	Nam		Thạc sỹ	QTrL, QTKD
B	Khối ngành VII					
I	Ngành Ngôn ngữ Anh					
1	Phạm Thị Thùy Dung	24/06/1990	Nữ		Thạc sỹ	NNPL
2	Phan Tuấn Ly	08/08/1989	Nam		Thạc sỹ	NNPL
3	Lương Minh Hiếu	15/10/1991	Nam		Thạc sỹ	NNPL
4	Võ Trọng Nguyên	12/05/1976	Nam		Thạc sỹ	NNPL
5	Nguyễn Thảo Lâm Viên	06/02/1993	Nữ		Đại học	NNPL
6	Hà Nhật Linh	14/09/1991	Nữ		Thạc sỹ	NNPL
7	Trần Thăng Long	08/12/1973	Nam	Phó Trưởng khoa phụ trách	Tiến sỹ	NNPL
8	Nguyễn Kim Ngân	09/09/1993	Nữ		Đại học	NNPL
9	Nhâm Thành Lập	29/09/1989	Nam		Thạc sỹ	NNPL
10	Trần Ngọc Lương Tuyên	21/07/1972	Nữ		Thạc sỹ	NNPL
11	Nguyễn Thị Mai Phương	15/12/1987	Nữ		Thạc sỹ	NNPL
12	Lê Nguyễn Thảo Thy	10/09/1993	Nữ		Thạc sỹ	NNPL
13	Phan Lê Chi	15/05/1971	Nữ	Phó trưởng bộ môn phụ trách thuộc khoa	Thạc sỹ	NNPL
14	Nguyễn Vũ Pha Phim	04/10/1984	Nữ	Phó trưởng bộ môn phụ trách thuộc khoa	Thạc sỹ	NNPL
15	Cao Đăng Quỳnh Trâm	03/03/1966	Nữ		Thạc sỹ	NNPL
16	Trần Hoàng Tú Linh	09/04/1989	Nữ		Đại học	NNPL
17	Phạm Thị Phương Anh	15/02/1978	Nữ	Phó trưởng bộ môn phụ trách thuộc	Thạc sỹ	NNPL

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
				khoa		
18	Nguyễn Thái Sơn	11/04/1987	Nam		Thạc sỹ	NNPL
C	Giảng viên cơ hữu môn chung					
1	Lê Thị Trường Giang	04/06/1994	Nữ		Đại học	Khoa KHCB
2	Phạm Thị Minh Hải	13/01/1984	Nữ	Phó Trưởng Bộ môn trực thuộc Khoa	Thạc sỹ	Khoa KHCB
3	Phạm Thị Ngọc Thủy	06/05/1968	Nữ		Thạc sỹ	Khoa KHCB
4	Nguyễn Thanh Hải	28/10/1981	Nam	Phó Trưởng Khoa	Thạc sỹ	Khoa KHCB
5	Lê Văn Bích	10/05/1963	Nam		Thạc sỹ	Khoa KHCB
6	Lê Thị Hồng	05/06/1979	Nữ		Thạc sỹ	Khoa KHCB
7	Ngô Thị Minh Hằng	22/09/1982	Nữ		Thạc sỹ	Khoa KHCB
8	Nguyễn Hữu Túc	08/12/1977	Nam		Thạc sỹ	Khoa KHCB
9	Trần Ngọc Anh	23/10/1979	Nam		Thạc sỹ	Khoa KHCB
10	Nguyễn Tất Hào	22/04/1966	Nam	Trưởng Bộ môn trực thuộc Khoa	Thạc sỹ	Khoa KHCB
11	Lê Thị Hồng Vân	12/10/1963	Nữ		Tiến sỹ	Khoa KHCB
12	Nguyễn Hoài Đông	04/05/1980	Nam		Thạc sỹ	Khoa KHCB
13	Phạm Văn Dinh	30/05/1965	Nam	Trưởng Bộ môn trực thuộc Khoa	Thạc sỹ	Khoa KHCB
14	Nguyễn Hiếu Hà	09/10/1963	Nam		Thạc sỹ	Khoa KHCB
15	Nguyễn Quốc Vinh	03/02/1970	Nam	Trưởng Khoa	Tiến sỹ	Khoa KHCB
16	Trần Thị Rồi	12/06/1965	Nữ	Phó Trưởng Khoa	Tiến sỹ	Khoa KHCB
17	Phạm Đình Nghiệm	20/04/1961	Nam	Trưởng Bộ môn trực thuộc Khoa	Tiến sỹ	Khoa KHCB
18	Đặng Thị Thanh Phúc	17/06/1976	Nữ		Thạc sỹ	Khoa KHCB
19	Nguyễn Bá Anh	05/06/1967	Nam	PGĐ Trung tâm	Đại học	Công nghệ thông tin
20	Nguyễn Thanh Khương	24/03/1989	Nam	Tổ Trưởng	Thạc sỹ	Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
21	Lê Minh Tuyền	21/11/1978	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi¹

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành III (gồm 2 lĩnh vực: Lĩnh vực pháp luật, gồm Ngành Luật và Luật Thương mại quốc tế; Lĩnh vực kinh doanh - quản lý, gồm ngành Quản trị - Luật và Quản trị kinh doanh)	23.02 SV/GV
2	Khối ngành VII (Lĩnh vực nhân văn, ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh)	13.64 SV/GV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Hoàng Hải

¹ Việc quy đổi được tính theo Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 về xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Tỷ lệ SV/GV ở đây được hiểu là tỷ lệ “SVCQ/GV cơ hữu quy đổi”

Biểu mẫu 21

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM

THÔNG BÁO

Công khai tài chính của Trường Đại học Luật Tp.HCM năm học 2018-2019

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí 1 SV/năm	Dự kiến học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí hệ chính quy năm học 2018-2019	Triệu đồng/năm/sinh viên		
1	Tiến sỹ	-	42.50	
2	Thạc sỹ	-		
	- Tuyển sinh NH 2018-2019		25.50	51.75
3	Đại học	-		
	- Tuyển sinh trước NH 2017-2018		9.70	40.34
	- Tuyển sinh NH 2018-2019		17.00	72.50
II	Học phí hệ chính quy chương trình khác năm học 2018-2019	Triệu đồng/năm/sinh viên		
1	Tiến sỹ	-		
2	Thạc sỹ	-		
	- Thạc sỹ liên kết với Pháp	-	100.00	100.00
	- Thạc sỹ liên kết với Tây Anh Quốc	-	40.00	319.00
3	Đại học hệ cử tuyển	-		
	- Tuyển sinh trước NH 2017-2018		13.86	
	- Tuyển sinh NH 2018-2019		17.00	72.50
4	Đại học chất lượng cao	-		
	- Tuyển sinh trước NH 2017-2018		32.60	137.64
	- Tuyển sinh NH 2018-2019		42.50	181.25
	- Tuyển sinh NH 2018-2019 (CLC QTL)		46.75	285.25
5	Đại học Chương trình Hành chính - tư pháp			
	- Tuyển sinh trước NH 2017-2018		20.24	
6	Đại học chính quy văn bằng 2	-		
	- Tuyển sinh trước NH 2017-2018		23.00	56.55
	- Tuyển sinh NH 2018-2019		25.50	65.25
III	Học phí hệ vừa học vừa làm tại trường năm học 2018-2019	-		
1	Tiến sỹ	-		
2	Thạc sỹ	-		
3	Đại học	-	14.40	66.83

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí 1 SV/năm	Dự kiến học phí/1SV của cả khóa học
IV	Tổng thu năm 2018	<i>Tỷ đồng</i>	240.40	
1	Từ ngân sách	-	3.70	
2	Từ học phí, lệ phí	-	218.00	
3	Từ nghiên cứu khoc học và chuyển giao công nghệ	-		
4	Từ nguồn khác	-	18.70	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Hoàng Hải

Trần Hoàng Hải